

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: LUẬT

Sinh viên: Trương Thị Xuân Trang

HẢI PHÒNG – 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

**PHÁP LUẬT VỀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI NGOÀI HỢP
ĐỒNG TRONG BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2015: MỘT SỐ
VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN.**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: LUẬT

Sinh viên: Trương Thị Xuân Trang

Giảng viên hướng dẫn: TS. Lê Thu Trang

HẢI PHÒNG – 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trương Thị Xuân Trang

Mã SV : 2212901005

Lớp : PL2601

Ngành : Luật

Tên đề tài: Pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong Bộ luật Dân sự năm 2015: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

Đề tài tập trung nghiên cứu, làm rõ cơ sở lý luận về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015; phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng tại Tòa án; chỉ ra những hạn chế, bất cập còn tồn tại; trên cơ sở đó, đề xuất định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật, góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng chế định bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong thực tiễn.

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

Bộ luật Dân sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành; án lệ, bản án, quyết định của Tòa án nhân dân các cấp có liên quan đến bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; cùng các giáo trình, sách chuyên khảo, bài viết khoa học và số liệu thống kê phục vụ nghiên cứu, phân tích và minh họa cho nội dung khóa luận.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Công ty Luật TNHH MTV Nhân Ái. Địa chỉ trụ sở: Tầng 2, số 159 Bạch Đằng, phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : Lê Thu Trang

Học hàm, học vị : Tiến sĩ

Cơ quan công tác : Trường Đại học Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hướng dẫn làm khóa luận tốt nghiệp với đề tài “ Pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong Bộ luật Dân sự năm 2015: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn.”

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 06 tháng 10 năm 2025

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 27 tháng 12 năm 2025

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

XÁC NHẬN CỦA KHOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: Lê Thu Trang

Đơn vị công tác: Trường Đại học Hải Phòng

Họ và tên sinh viên: Trương Thị Xuân Trang Chuyên ngành: Luật

Nội dung hướng dẫn: Pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong bộ Luật Dân sự năm 2015- Một số vấn đề lý luận và thực tiễn

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Sinh viên rất nghiêm túc, có tinh thần cầu thị cao, chịu khó và luôn chủ động trong quá trình thực hiện khóa luận tốt nghiệp
- Hoàn thành đúng tiến độ theo yêu cầu của Khoa và nhà Trường.

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

- Đã trình bày được những vấn đề liên quan tới cơ sở lý luận về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.
- Phân tích được khá tốt thực trạng quy định và áp dụng pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng một cách rõ ràng, logic và có tính thực tế cao. Có minh chứng là các số liệu tổng quan và cụ thể. Các văn bản có trích dẫn nguồn đáng tin cậy, bảng biểu sắp xếp logic, phù hợp với đề tài.
- Đề xuất được các giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trên thực tiễn. Khóa luận có lập luận thể hiện quan điểm của tác giả có minh chứng rõ ràng về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng một cách có cơ sở khoa học, logic và tính áp dụng trên thực tiễn cao.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ ☒ Không được bảo vệ ☐ Điểm hướng dẫn ☐

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	1
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	2
DANH MỤC BẢNG BIỂU	3
PHẦN MỞ ĐẦU	4
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	4
2. Mục đích nghiên cứu	5
3. Câu hỏi nghiên cứu.....	5
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	6
5. Phương pháp nghiên cứu	7
6. Nội dung của khóa luận	7
PHẦN NỘI DUNG	8
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI NGOÀI HỢP ĐỒNG.	8
1.1. Khái niệm và đặc điểm của bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.....	8
1.1.1. Khái niệm về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	8
1.1.1.1. Nguồn gốc hình thành của chế định bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong pháp luật dân sự Việt Nam và thế giới.....	8
1.1.1.2. Khái niệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo Bộ luật Dân sự năm 2015	9
1.1.2. Đặc điểm pháp lý của trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	10
1.1.2.1. Dấu hiệu pháp lý nhận diện chế định	10
1.1.2.2. Tính “ngoài hợp đồng”, tính khắc phục hậu quả, tính phòng ngừa và răn đe	11
1.1.3. Phân biệt giữa bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và bồi thường thiệt hại trong hợp đồng.....	12
1.1.3.1. Căn cứ phát sinh trách nhiệm.....	12
1.1.3.2. Mục đích và phạm vi bồi thường	13
1.1.3.3. Cơ sở pháp lý điều chỉnh	13
1.1.3.4. Hệ quả pháp lý và chủ thể chịu trách nhiệm	14

1.2. Cấu thành của trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	14
1.2.1. Hành vi trái pháp luật	14
1.2.1.1. Khái niệm hành vi trái pháp luật dân sự	14
1.2.1.2. Phân loại hành vi vi phạm	15
1.2.1.3. Phân biệt hành vi trái pháp luật với rủi ro khách quan	16
1.2.2. Thiệt hại thực tế xảy ra	17
1.2.2.1. Khái niệm và vai trò của thiệt hại trong cấu thành trách nhiệm bồi thường	17
1.2.2.2. Nguyên tắc xác định thiệt hại thực tế	18
1.2.2.3. Phân loại thiệt hại theo tính chất	19
1.2.2.3.1. Thiệt hại vật chất	19
1.2.2.3.2. Thiệt hại tinh thần	19
1.2.3. Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và thiệt hại	20
1.2.3.1. Khái niệm và ý nghĩa của quan hệ nhân quả	20
1.2.3.2. Phương pháp chứng minh mối quan hệ nhân quả	21
1.2.3.3. Các trường hợp loại trừ mối quan hệ nhân quả	21
1.2.3.4. Khó khăn thực tế khi chứng minh yếu tố nhân quả	22
1.2.4. Lỗi của người gây thiệt hại	23
1.2.4.1. Khái niệm lỗi trong trách nhiệm dân sự	23
1.2.4.2. Phân loại lỗi	24
1.2.4.2.1. Lỗi cố ý trực tiếp và gián tiếp	24
1.2.4.2.2. Lỗi vô ý vì câu thả hoặc quá tự tin	25
1.2.4.3. Các trường hợp không cần yếu tố lỗi (trách nhiệm khách quan)	25
1.3. Vai trò và ý nghĩa của chế định bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	26
1.3.1. Vai trò bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể	26
1.3.2. Vai trò duy trì trật tự xã hội và phòng ngừa vi phạm	27
1.3.3. Ý nghĩa pháp lý, kinh tế, đạo đức và xã hội	28
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VÀ XU HƯỚNG PHÁP LUẬT VỀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI NGOÀI HỢP ĐỒNG	30

2.1. Khái quát quy định của BLDS năm 2015 về BTTH ngoài hợp đồng	30
2.1.1. Nguyên tắc bồi thường thiệt hại	30
2.1.1.1. Nguyên tắc bồi thường toàn bộ và kịp thời	30
2.1.1.2. Nguyên tắc giảm mức bồi thường khi bên bị thiệt hại có lỗi.....	30
2.1.1.3. Nguyên tắc công bằng, thiện chí và trung thực	31
2.1.1.4. Nguyên tắc hạn chế thiệt hại của bên bị thiệt hại	31
2.1.2. Các loại thiệt hại được bồi thường theo quy định của BLDS năm 2015.	32
2.1.2.1. Thiệt hại về tài sản (Điều 589 BLDS 2015)	32
2.1.2.2. Thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm (Điều 590 BLDS 2015)	32
2.1.2.3. Thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm (Điều 591 BLDS 2015)	33
2.1.2.4. Thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm (Điều 592 BLDS 2015)	33
2.1.3. Các căn cứ miễn, giảm trách nhiệm bồi thường	34
2.1.3.1. Thiệt hại xảy ra do sự kiện bất khả kháng.....	34
2.1.3.2. Thiệt hại xảy ra do lỗi của bên bị thiệt hại.....	34
2.1.3.3. Các trường hợp khác theo thỏa thuận hoặc theo quy định pháp luật	35
2.1.4. Một số vấn đề pháp lý phát sinh trong bối cảnh số hóa và bảo vệ dữ liệu cá nhân.....	35
2.1.4.1. Quy định về BTTH do xâm phạm dữ liệu cá nhân.....	35
2.1.4.2. Khoảng trống pháp lý về trách nhiệm do hệ thống tự động và AI gây ra	36
2.1.4.3. Thách thức trong xác định thiệt hại phi vật chất trên môi trường mạng	36
2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về BTTH ngoài hợp đồng tại Tòa án.....	37
2.2.1. Tình hình chung.....	37
2.2.1.1. Thống kê và đặc điểm các vụ án BTTH ngoài hợp đồng giai đoạn 2020–2024	37
2.2.1.2. Phân loại theo tính chất thiệt hại	38
2.2.1.3. Đặc điểm về chủ thể và phạm vi yêu cầu bồi thường	39
2.2.2. Những xu hướng tranh chấp mới trong thực tiễn xét xử.....	40
2.2.2.1. Tranh chấp phát sinh từ giao dịch trực tuyến và thương mại điện tử	40
2.2.2.2. Tranh chấp liên quan đến nội dung số: xâm phạm danh dự trên mạng xã hội, deepfake và nội dung do AI tạo ra.....	40

2.2.2.3. Khó khăn trong thu thập và đánh giá chứng cứ điện tử	41
2.2.3 Một số vụ án điển hình trong thực tiễn xét xử	41
2.2.3.1. Vụ án bồi thường thiệt hại về tài sản.....	42
2.2.3.2 Vụ án bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm	42
2.2.2.3. Vụ án bồi thường thiệt hại do xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín	43
2.2.2.4. Phân tích nhận định và lập luận pháp lý của Tòa án.....	44
2.2.4. Nhận xét chung về công tác giải quyết các vụ án bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng tại Tòa án.....	45
2.2.4.1. Ưu điểm trong công tác xét xử.....	45
2.2.4.2. Hạn chế, bất cập trong xác định lỗi, thiệt hại và mối quan hệ nhân quả.....	45
2.2.4.3. Vấn đề thi hành nghĩa vụ bồi thường sau bản án.....	46
2.2.4.4. Vấn đề phát sinh mới trong thời đại số và hậu COVID-19	46
2.3.1. Về quy định pháp luật.....	47
2.3.1.1. Một số quy định còn chung chung, thiếu hướng dẫn cụ thể	47
2.3.1.2. Thiếu cơ chế định lượng mức bồi thường thiệt hại tinh thần	48
2.3.2. Những hạn chế trong thực tiễn áp dụng pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.....	49
2.3.2.1. Khó khăn trong việc chứng minh thiệt hại thực tế.....	49
2.3.2.2. Vướng mắc trong xác định mức lỗi của các bên	50
2.3.2.3. Áp dụng chưa thống nhất giữa các Tòa án các cấp	50
2.3.2.4. Hạn chế trong công tác thi hành án dân sự.....	51
2.3.3. Những thách thức mới từ AI, dữ liệu cá nhân và môi trường trực tuyến	51
2.4. Xu hướng hoàn thiện pháp luật về BTTH ngoài hợp đồng	52
2.4.1. Hoàn thiện khung pháp lý về chứng cứ điện tử.....	52
2.4.2. Bổ sung quy định về BTTH do AI gây ra	53
2.4.3. Hoàn thiện pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và thiệt hại phi vật chất	54
2.4.4. Tiếp cận quốc tế trong lượng hóa thiệt hại tinh thần.....	54
2.4.5. Hoàn thiện cơ chế thi hành án dân sự trong môi trường số	55

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI NGOÀI HỢP ĐỒNG	56
3.1. Định hướng và yêu cầu hoàn thiện pháp luật	56
3.1.1. Bảo đảm tính đồng bộ và thống nhất của hệ thống pháp luật dân sự	56
3.1.2. Tiếp cận hài hòa với các chuẩn mực quốc tế	57
3.1.3. Bảo đảm cân bằng quyền lợi giữa người bị thiệt hại và người gây thiệt hại	57
3.2.1. Về nội dung quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015	58
3.2.1.1. <i>Cần cụ thể hóa cách xác định thiệt hại tinh thần</i>	58
3.2.1.2. <i>Bổ sung hướng dẫn xác định yếu tố lỗi trong một số trường hợp đặc thù</i>	59
3.2.1.3. <i>Sửa đổi quy định về trách nhiệm trong các trường hợp không có lỗi</i>	60
3.2.2. Về cơ chế áp dụng pháp luật	60
3.2.2.1. <i>Ban hành án lệ và hướng dẫn áp dụng thống nhất</i>	61
3.2.2.2. <i>Nâng cao năng lực của đội ngũ thẩm phán và kiểm sát viên</i>	62
3.2.2.3. <i>Tăng cường công tác tuyên truyền và phổ biến pháp luật dân sự</i>	63
3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi và thi hành án	63
3.3.1. Cải thiện cơ chế thi hành nghĩa vụ bồi thường thiệt hại	64
3.3.2. Tăng cường hỗ trợ pháp lý cho người bị thiệt hại	65
3.3.3. Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về các vụ án BTTHNHD để phục vụ nghiên cứu và thống kê	67
PHẦN KẾT LUẬN	69
TÀI LIỆU THAM KHẢO	71
PHỤ LỤC	73
Phụ lục 1: Bản án số 63/2023/DS-ST (Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản)	73
Phụ lục 2: Bản án số 144/2024/DS-PT (Tranh chấp bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm)	75
Phụ lục 3: Bản án số 90/2022/DS-PT (Tranh chấp bồi thường thiệt hại về danh dự, nhân phẩm, uy tín)	76

LỜI CẢM ƠN

Trong suốt quá trình học tập và thực hiện khóa luận tốt nghiệp này, em đã nhận được sự hướng dẫn, chỉ bảo và giúp đỡ tận tình của quý thầy, cô Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng

Trước hết, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới giảng viên hướng dẫn Tiến sĩ Lê Thu Trang người đã tận tình chỉ dẫn, định hướng phương pháp nghiên cứu, dành nhiều thời gian góp ý và giúp đỡ em trong suốt quá trình thực hiện khóa luận. Sự tận tâm, nghiêm túc và trách nhiệm của cô là nguồn động viên to lớn, giúp em có thêm định hướng và phương pháp nghiên cứu khoa học đúng đắn để hoàn thành đề tài này.

Em xin chân thành cảm ơn Ban Giám hiệu, các phòng ban của Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng, cùng quý thầy, cô trong khoa Luật, những người đã truyền đạt cho em những kiến thức quý báu trong suốt quá trình học tập. Chính sự tận tụy, nhiệt huyết và tâm huyết giảng dạy của quý thầy, cô đã trang bị cho em nền tảng kiến thức vững chắc, là hành trang quý giá để em vận dụng trong quá trình nghiên cứu và công tác sau này.

Mặc dù em đã rất cố gắng để hoàn thành khóa luận này một cách tốt nhất, song do hạn chế về thời gian, kinh nghiệm nghiên cứu và khả năng tiếp cận tài liệu thực tiễn, bài khóa luận khó tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu từ quý thầy, cô để khóa luận được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BTTHNHĐ	Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng
BTTH	Bồi thường thiệt hại
BLDS	Bộ luật Dân sự
BLTTDS	Bộ luật tố tụng Dân sự
TANDTC	Tòa án nhân dân tối cao
TAND	Tòa án nhân dân
THADS	Thi hành án Dân sự
UBND	Ủy ban nhân dân
CPTPP	Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
EVFTA	Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu (EU) và Việt Nam

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Phân biệt hành vi trái pháp luật với rủi ro khách quan	17
Bảng 2. Số liệu thụ lý – giải quyết vụ án BTTHNHD giai đoạn 2020–2024.	37
Bảng 3. Cơ cấu các loại thiệt hại giai đoạn 2020–2024	38

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong quá trình phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, các quan hệ dân sự, kinh tế, thương mại và xã hội ngày càng trở nên phong phú, đa dạng và có tính chất phức tạp hơn. Bên cạnh sự phát triển tích cực của các mối quan hệ xã hội là sự gia tăng của các tranh chấp, xung đột lợi ích, cũng như những hành vi xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức. Trong bối cảnh đó, vấn đề bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là một chế định pháp lý quan trọng trong Bộ luật Dân sự, qua đó ngày càng thể hiện rõ vai trò điều chỉnh và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các chủ thể trong xã hội.

Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là một trong những chế định cơ bản của pháp luật dân sự, phản ánh nguyên tắc mọi thiệt hại do hành vi trái pháp luật gây ra đều phải được bồi thường tương xứng. Chế định này không chỉ mang ý nghĩa bảo vệ quyền và lợi ích của người bị thiệt hại mà còn góp phần duy trì công bằng xã hội, tăng cường ý thức pháp luật của các cá nhân, tổ chức trong đời sống hàng ngày.

Từ góc độ thực tiễn, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế, nhiều loại hình giao dịch, hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ mới ra đời, kéo theo khả năng xảy ra thiệt hại ngoài hợp đồng ngày càng cao. Các tranh chấp dân sự liên quan đến bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng ngày càng phổ biến, không chỉ trong lĩnh vực giao thông, xây dựng, thương mại mà còn lan rộng sang các lĩnh vực khác như môi trường, công nghệ thông tin, truyền thông và mạng xã hội. Điều này đòi hỏi pháp luật phải có những quy định rõ ràng, khả thi và phù hợp để giải quyết các vấn đề mới phát sinh.

Mặc dù Bộ luật Dân sự năm 2015 đã có nhiều điểm tiến bộ so với Bộ luật Dân sự năm 2005, song thực tiễn áp dụng cho thấy vẫn còn không ít vướng mắc. Một số quy định còn mang tính khái quát, thiếu hướng dẫn chi tiết; việc xác định yếu tố lỗi, thiệt hại thực tế, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả, hay mức bồi thường hợp lý vẫn là những vấn đề gây nhiều tranh cãi. Trong nhiều vụ án dân sự, các tòa án gặp không ít khó khăn khi xác định căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường, đặc biệt là trong những trường hợp thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ, thiệt hại do người chưa thành niên hoặc người mất năng lực hành vi gây ra.

Ngoài ra, quá trình hội nhập quốc tế và sự phát triển của khoa học công nghệ đặt ra nhiều thách thức mới. Các hành vi xâm phạm quyền nhân thân trên mạng xã hội, vi phạm

quyền sở hữu trí tuệ hoặc thiệt hại do sản phẩm, dịch vụ số gây ra, đều đặt ra yêu cầu phải tiếp cận, hoàn thiện pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng cho phù hợp với thực tiễn mới.

Vì vậy, việc nghiên cứu pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong Bộ luật Dân sự năm 2015 không chỉ mang ý nghĩa lý luận, mà còn có giá trị thực tiễn sâu sắc. Điều này giúp làm rõ cơ sở khoa học của chế định này, phân tích những bất cập, hạn chế trong quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng, đồng thời đưa ra các kiến nghị hoàn thiện hệ thống pháp luật dân sự Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Xuất phát từ những lý do trên, em quyết định lựa chọn đề tài “Pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong Bộ luật Dân sự năm 2015: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn” làm đề tài khóa luận tốt nghiệp. Em hy vọng thông qua quá trình nghiên cứu, có thể góp phần làm rõ thêm bản chất pháp lý, điều kiện phát sinh, phạm vi và phương thức bồi thường, đồng thời chỉ ra những bất cập cần được sửa đổi, bổ sung trong tương lai.

2. Mục đích nghiên cứu

Khóa luận được thực hiện nhằm hướng tới việc làm rõ cơ sở lý luận của trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, bao gồm khái niệm, đặc điểm, vai trò và ý nghĩa của chế định này trong hệ thống pháp luật dân sự Việt Nam. Trên nền tảng đó, khóa luận phân tích và đánh giá các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, qua đó chỉ ra những điểm tiến bộ, những hạn chế còn tồn tại cũng như nguyên nhân dẫn đến các bất cập trong thực tiễn áp dụng. Ngoài ra, khóa luận cũng tập trung nghiên cứu, tổng hợp và bình luận một số vụ án điển hình liên quan đến trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng để rút ra nhận xét về cách thức áp dụng pháp luật của Tòa án. Từ kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn, em đề xuất một số kiến nghị, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi, nhằm góp phần bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong xã hội.

3. Câu hỏi nghiên cứu

Từ mục tiêu và phạm vi của đề tài, khóa luận tập trung giải quyết các câu hỏi cốt lõi liên quan đến bản chất, nội dung và thực tiễn áp dụng chế định bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Trước hết, cần xác định rõ cơ sở pháp lý, các yếu tố cấu thành và điều kiện phát sinh trách nhiệm theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Đồng thời, khóa luận đặt ra vấn đề về cách thức các Tòa án vận dụng các quy định này trong thực tế và những khó

khẩn còn tồn tại. Trên nền tảng đó, khóa luận hướng tới đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng.

Các câu hỏi nghiên cứu chính gồm:

1. Bản chất và cơ sở hình thành trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là gì?
2. Các yếu tố cấu thành trách nhiệm bồi thường được quy định như thế nào trong Bộ luật Dân sự năm 2015?
3. Thực tiễn áp dụng các quy định về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng còn tồn tại những vướng mắc gì?
4. Nguyên nhân của những hạn chế trong quá trình áp dụng pháp luật là gì?
5. Cần có các giải pháp nào nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi?

Những câu hỏi trên là định hướng xuyên suốt của quá trình nghiên cứu của khóa luận.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của khóa luận là các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, tập trung chủ yếu vào Bộ luật Dân sự năm 2015 cùng các văn bản hướng dẫn thi hành, án lệ và thực tiễn xét xử của Tòa án. Ngoài ra, khóa luận cũng tham khảo một số quan điểm khoa học pháp lý trong và ngoài nước để làm rõ hơn cơ sở lý luận và thực tiễn áp dụng của chế định này.

Về phạm vi nghiên cứu, khóa luận được giới hạn trên ba phương diện: nội dung, không gian và thời gian.

Về nội dung, đề tài tập trung phân tích trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong lĩnh vực dân sự, không đi sâu vào các trách nhiệm đặc thù thuộc thương mại, lao động, hành chính hay hình sự.

Về không gian, nghiên cứu chủ yếu trong phạm vi pháp luật Việt Nam, đồng thời có tham khảo so sánh với pháp luật của một số quốc gia có hệ thống dân luật tương đồng nhằm rút ra bài học kinh nghiệm.

Về thời gian, các quy định và thực tiễn được phân tích chủ yếu trong giai đoạn từ năm 2015 đến nay, tức sau khi Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, để bảo đảm tính cập nhật và phù hợp với bối cảnh pháp luật hiện hành.

5. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu và trả lời các câu hỏi nghiên cứu đã đặt ra, khóa luận sử dụng tổng hợp nhiều phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý khác nhau, bảo đảm tính khách quan, toàn diện và logic trong quá trình nghiên cứu.

Trước hết, phương pháp phân tích tổng – phân - hợp được sử dụng xuyên suốt để hệ thống hóa, phân tích và khái quát hóa các quy định của pháp luật Việt Nam về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Qua đó, khóa luận làm rõ cơ sở lý luận và bản chất pháp lý của chế định này.

Tiếp theo, phương pháp so sánh pháp luật được vận dụng nhằm đối chiếu các quy định của Bộ luật Dân sự Việt Nam với pháp luật của một số quốc gia có hệ thống dân luật phát triển, từ đó rút ra những điểm tương đồng, khác biệt và gợi mở hướng hoàn thiện pháp luật Việt Nam.

Ngoài ra, khóa luận còn sử dụng phương pháp thống kê và tổng kết thực tiễn, thông qua việc thu thập, phân tích các vụ án, án lệ và bản án dân sự liên quan đến bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, nhằm đánh giá thực trạng áp dụng pháp luật và những khó khăn, vướng mắc trong thực tế xét xử.

Cuối cùng, phương pháp logic diễn dịch được sử dụng để trình bày, lập luận và đưa ra các nhận định, kiến nghị phù hợp với thực tiễn áp dụng pháp luật, góp phần đề xuất các giải pháp mang tính khả thi và khoa học.

6. Nội dung của khóa luận

Khóa luận được kết cấu thành ba chương chính, ngoài phần mở đầu và kết luận, nhằm bảo đảm tính logic, khoa học và phù hợp với mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra.

Chương 1: Cơ sở lý luận về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Chương 2: Thực trạng và xu hướng pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng chế định bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

PHẦN NỘI DUNG

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI NGOÀI HỢP ĐỒNG.

1.1. Khái niệm và đặc điểm của bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

1.1.1. Khái niệm về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

Trong pháp luật dân sự, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là một chế định cơ bản của trách nhiệm dân sự, thể hiện nguyên tắc công bằng: người gây thiệt hại phải khắc phục hậu quả do hành vi của mình gây ra. Chế định này ra đời từ nhu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức; khi có thiệt hại xảy ra thì pháp luật đặt ra cơ chế bù đắp, khôi phục nhằm duy trì trật tự và ổn định xã hội.

Khác với trách nhiệm trong hợp đồng được xác lập trên cơ sở thỏa thuận, BTTHNHĐ phát sinh độc lập và dựa trên hành vi xâm phạm trái pháp luật gây thiệt hại thực tế. Vì vậy, chế định này vừa mang tính khôi phục hậu quả, vừa có tác dụng phòng ngừa và răn đe hành vi vi phạm. Các học giả có cách tiếp cận khác nhau, nhưng nhìn chung đều thống nhất BTTHNHĐ là trách nhiệm dân sự buộc người gây thiệt hại phải bồi thường bằng tài sản nhằm khôi phục tình trạng ban đầu của người bị thiệt hại. Yếu tố lỗi có vai trò quan trọng nhưng không tuyệt đối, bởi pháp luật hiện hành còn ghi nhận các trường hợp trách nhiệm không phụ thuộc vào lỗi như trách nhiệm của người sử dụng lao động hoặc chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ (Điều 600, 601 BLDS 2015).

Về phương diện lý luận, chế định này chịu ảnh hưởng của hai truyền thống pháp lý lớn: civil law thì nhấn mạnh nghĩa vụ bồi thường khi có hành vi gây thiệt hại và common law thì đề cao nghĩa vụ cẩn trọng. Sự kết hợp này tạo nền tảng lý luận cho các quy định trong pháp luật Việt Nam hiện nay.

Từ những phân tích trên, BTTHNHĐ có thể được hiểu là trách nhiệm dân sự phát sinh khi một chủ thể có hành vi trái pháp luật dân sự gây thiệt hại cho người khác và phải bồi thường toàn bộ tổn thất vật chất, tinh thần trên cơ sở công bằng.

1.1.1.1. Nguồn gốc hình thành của chế định bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong pháp luật dân sự Việt Nam và thế giới.

Chế định BTTHNHĐ có lịch sử lâu dài, phản ánh tư tưởng công bằng trong pháp luật. Trong Luật La Mã cổ đại, delict và quasi-delict đặt nền móng cho trách nhiệm dân sự hiện đại thông qua nguyên tắc restitutio in integrum buộc người gây thiệt hại khôi phục tình trạng ban đầu cho người bị thiệt hại.

Trong hệ thống pháp luật civil law, chế định bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng được hình thành sớm, dựa trên nguyên tắc trách nhiệm phát sinh từ hành vi gây thiệt hại cho người khác và có ảnh hưởng sâu rộng đến nhiều hệ thống pháp luật hiện đại. Pháp luật dân sự Pháp và Đức đều phát triển theo hướng xác lập nghĩa vụ bồi thường khi hành vi trái pháp luật xâm phạm đến các quyền, lợi ích cơ bản của cá nhân, tổ chức. Trong hệ thống common law, chế định này được hình thành thông qua Tort Law, với các nguyên tắc trách nhiệm được phát triển từ thực tiễn xét xử, tiêu biểu là nguyên tắc nghĩa vụ cẩn trọng (duty of care).

Ở Việt Nam, chế định bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng được hình thành và phát triển gắn liền với tiến trình hoàn thiện hệ thống pháp luật dân sự. Trong giai đoạn đầu, các quy định về trách nhiệm bồi thường chủ yếu chịu ảnh hưởng từ pháp luật nước ngoài và mới dừng lại ở mức ghi nhận những nguyên tắc cơ bản. Sau khi Nhà nước Việt Nam được thành lập, các quy định liên quan đến bồi thường thiệt hại tồn tại rải rác trong nhiều văn bản khác nhau, chưa được hệ thống hóa một cách đầy đủ. Chỉ đến khi pháp luật dân sự hiện đại được xây dựng, chế định bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng mới từng bước được hoàn thiện, với phạm vi điều chỉnh rõ ràng hơn, nội dung trách nhiệm được mở rộng và cơ chế bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức ngày càng được tăng cường, phù hợp với xu hướng lập pháp tiên bộ và yêu cầu bảo vệ quyền con người.

Như vậy, BTTHNHD trong pháp luật Việt Nam là sự kế thừa giá trị truyền thống kết hợp với cải cách theo nhu cầu thực tiễn và xu hướng hội nhập.

1.1.1.2. Khái niệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo Bộ luật Dân sự năm 2015

BLDS 2015 đã hoàn thiện khung pháp lý về BTTHNHD tại các Điều 584–608, quy định rõ cơ sở phát sinh, nguyên tắc, phạm vi và phương thức bồi thường. Theo khoản 1 Điều 584, trách nhiệm bồi thường phát sinh khi có hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản hoặc quyền, lợi ích hợp pháp khác và gây thiệt hại.

Để phát sinh BTTHNHD cần có bốn yếu tố:

1. Có thiệt hại xảy ra
2. Hành vi gây thiệt hại là hành vi trái pháp luật
3. Có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và thiệt hại
4. Có lỗi cố ý hoặc lỗi vô ý của người gây thiệt hại

Điểm mới của BLDS 2015 là mở rộng các trường hợp trách nhiệm không phụ thuộc vào lỗi, thể hiện quan điểm nâng cao trách nhiệm xã hội và tăng cường bảo vệ người bị thiệt hại.

Điều 585 quy định các nguyên tắc bồi thường như: bồi thường toàn bộ và kịp thời; giảm mức bồi thường trong trường hợp người gây thiệt hại không có lỗi hoặc thiệt hại do lỗi của chính người bị thiệt hại; bảo đảm công bằng và phù hợp với thực tế. Cách tiếp cận này cho thấy sự chuyển biến từ tư duy lập pháp truyền thống sang nhấn mạnh khắc phục hậu quả và cân bằng lợi ích các bên.

Từ đó có thể khái quát: BTTHNHĐ theo BLDS 2015 là trách nhiệm pháp lý dân sự phát sinh khi một chủ thể xâm phạm trái pháp luật đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác và gây thiệt hại thực tế, buộc họ phải bù đắp toàn bộ tổn thất trên cơ sở công bằng và nhân đạo. Những quy định này vừa kế thừa truyền thống pháp lý, vừa phù hợp xu hướng hiện đại, góp phần bảo đảm hiệu quả bảo vệ pháp lý trong các quan hệ dân sự.

1.1.2. Đặc điểm pháp lý của trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

Từ cơ sở khái niệm và nguồn gốc hình thành đã phân tích, có thể thấy trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là một chế định quan trọng, mang tính độc lập tương đối trong hệ thống pháp luật dân sự Việt Nam. Việc nhận diện đặc điểm pháp lý của chế định này giúp làm rõ bản chất, phạm vi điều chỉnh cũng như mối quan hệ của nó với các loại trách nhiệm pháp lý khác, đặc biệt là trách nhiệm dân sự trong hợp đồng.

1.1.2.1. Dấu hiệu pháp lý nhận diện chế định

Thứ nhất, BTTHNHĐ phát sinh từ hành vi trái pháp luật dân sự gây thiệt hại thực tế. Khác với trách nhiệm hợp đồng được thiết lập từ thỏa thuận, trách nhiệm ngoài hợp đồng phát sinh khi một chủ thể xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của người khác mà giữa họ không tồn tại nghĩa vụ dân sự trước đó. Hành vi trái pháp luật có thể là hành động hoặc không hành động khi pháp luật buộc phải thực hiện.

Thứ hai, trách nhiệm này mang tính bắt buộc theo pháp luật. Khi hành vi trái pháp luật, thiệt hại, mối quan hệ nhân quả và lỗi được xác định, trách nhiệm bồi thường phát sinh độc lập với ý chí chủ thể, thể hiện quyền lực cưỡng chế của Nhà nước nhằm bảo vệ quyền dân sự.

Thứ ba, mục đích chính của BTTHNHĐ là khôi phục và cân bằng lợi ích bị xâm hại. Chế định không mang tính trừng phạt mà hướng đến việc bù đắp tổn thất về vật chất và tinh thần, đưa người bị thiệt hại trở về trạng thái gần nhất với ban đầu.

Thứ tư, phạm vi và chủ thể chịu trách nhiệm mang tính mở rộng.

Pháp luật quy định không chỉ người trực tiếp gây thiệt hại mà còn các chủ thể khác có trách nhiệm bồi thường như người sử dụng lao động, chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ, người giám hộ hoặc cha mẹ của người chưa thành niên. Điều này phản ánh xu hướng pháp lý hiện đại nhằm bảo đảm thiệt hại được khắc phục kịp thời.

Thứ năm, BTTHNHĐ chịu sự điều chỉnh bởi các nguyên tắc đặc thù tại Điều 585 BLDS 2015.

Bao gồm: bồi thường toàn bộ và kịp thời; giảm mức bồi thường khi bên gây thiệt hại không có lỗi hoặc bên bị thiệt hại có lỗi; bảo đảm công bằng và phù hợp thực tế. Các nguyên tắc này là cơ sở để xác định phạm vi và mức độ trách nhiệm.

Thứ sáu, BTTHNHĐ độc lập nhưng vẫn liên quan với các trách nhiệm pháp lý khác. Một hành vi có thể đồng thời bị xử lý hình sự hoặc hành chính, song trách nhiệm dân sự vẫn tồn tại và được xem xét riêng, thể hiện tính độc lập tương đối và mục đích khắc phục hậu quả của chế định.

Từ những dấu hiệu trên, có thể khẳng định BTTHNHĐ là chế định mang tính khôi phục, phòng ngừa và công bằng, bảo đảm trật tự pháp lý và bảo vệ quyền dân sự trong xã hội hiện đại.

1.1.2.2. Tính “ngoài hợp đồng”, tính khắc phục hậu quả, tính phòng ngừa và răn đe

Thứ nhất, tính “ngoài hợp đồng” là đặc điểm căn bản nhất của chế định.

BTTHNHĐ phát sinh độc lập, không dựa trên sự thỏa thuận trước. Quan hệ pháp lý chỉ hình thành sau khi xảy ra thiệt hại. Các bên có thể hoàn toàn không có quan hệ pháp lý trước đó nhưng việc xâm phạm quyền, lợi ích vẫn làm phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo Điều 275 BLDS 2015.

Thứ hai, tính khắc phục hậu quả là mục tiêu trung tâm.

BTTHNHĐ hướng đến khôi phục trạng thái cân bằng lợi ích thông qua việc hoàn trả tài sản, bồi thường bằng tiền hoặc bằng các biện pháp khắc phục hậu quả khác. Đây là biểu hiện rõ nét của tính nhân đạo và công bằng trong pháp luật dân sự.

Thứ ba, BTTHNHĐ có chức năng phòng ngừa và răn đe.

Việc buộc bồi thường khiến các chủ thể nhận thức được hậu quả pháp lý nếu xâm phạm quyền người khác, qua đó tăng ý thức tuân thủ pháp luật. Pháp luật cũng quy định trách nhiệm không phụ thuộc vào lỗi trong một số trường hợp (chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao

độ, người sử dụng lao động...), nhằm khuyến khích chủ động phòng ngừa rủi ro và bảo vệ cộng đồng.

Thứ tư, chế định có tính linh hoạt và thích ứng trong thực tiễn.

Tòa án có quyền xem xét hoàn cảnh của các bên, mức độ lỗi và khả năng kinh tế khi xác định mức bồi thường. Điều này bảo đảm sự cân bằng giữa quyền lợi người bị thiệt hại và điều kiện thực tế của người phải bồi thường, phản ánh tinh thần nhân đạo và thực tiễn của BLDS.

Tóm lại, BTTHNHD là một chế định pháp lý có ý nghĩa sâu sắc cả về lý luận và thực tiễn. Nó không chỉ là cơ chế khắc phục tổn thất mà còn là công cụ định hướng hành vi xã hội, bảo vệ trật tự dân sự và đề cao tinh thần tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp của người khác.

1.1.3. Phân biệt giữa bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và bồi thường thiệt hại trong hợp đồng

Trong pháp luật dân sự, trách nhiệm bồi thường thiệt hại gồm hai dạng: BTTH trong hợp đồng và BTTH ngoài hợp đồng. Cả hai đều nhằm khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của người bị thiệt hại nhưng khác nhau về căn cứ phát sinh, phạm vi, cơ sở pháp lý và hệ quả. Việc phân biệt chính xác có ý nghĩa quan trọng trong xét xử và áp dụng pháp luật.

1.1.3.1. Căn cứ phát sinh trách nhiệm

BTTH trong hợp đồng phát sinh trên cơ sở quan hệ hợp đồng đã được xác lập hợp pháp. Theo Điều 351 và Điều 360 BLDS 2015, khi một bên không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết và gây thiệt hại cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm bồi thường. Đây là dạng trách nhiệm có tính phát sinh từ thỏa thuận, gắn liền với nguyên tắc tự do và thiện chí trong giao kết hợp đồng. Do đó, điều kiện tiên quyết để xác định loại trách nhiệm này là sự tồn tại của hợp đồng hợp pháp và nghĩa vụ bị vi phạm.

Ví dụ: Trong hợp đồng mua bán hàng hóa, nếu bên bán giao hàng không đúng chất lượng hoặc không đúng thời hạn, dẫn đến thiệt hại cho bên mua thì bên bán phải bồi thường theo quy định của pháp luật về hợp đồng.

Ngược lại, BTTH ngoài hợp đồng hình thành dựa trên hành vi trái pháp luật dân sự, hoàn toàn độc lập với bất kỳ thỏa thuận nào trước đó. Điều 584 BLDS 2015 quy định rõ: người xâm phạm tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự hoặc quyền, lợi ích hợp pháp khác của người khác sẽ phải bồi thường nếu gây thiệt hại. Như vậy, yếu tố quan trọng nhất của

dạng trách nhiệm này là hành vi xâm phạm quyền dân sự, bất kể giữa các bên có quan hệ pháp lý hay không.

Tóm lại, thiệt hại gắn với việc không thực hiện đúng nghĩa vụ hợp đồng thuộc BTTH trong hợp đồng; còn thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền dân sự, không liên quan tới một quan hệ hợp đồng, thuộc BTTH ngoài hợp đồng.

1.1.3.2. Mục đích và phạm vi bồi thường

Về mục đích, BTTH trong hợp đồng hướng đến việc bảo đảm tính ràng buộc của hợp đồng, đặt bên bị vi phạm vào vị trí mà họ đáng lẽ được hưởng nếu hợp đồng được thực hiện một cách đầy đủ và đúng thỏa thuận. Mục tiêu cốt lõi mang tính kinh tế, bảo vệ lợi ích hợp pháp của bên bị vi phạm và duy trì sự ổn định, an toàn của các giao dịch dân sự.

Ngược lại, BTTH ngoài hợp đồng nhằm khôi phục trạng thái ban đầu của các quyền dân sự bị xâm phạm, bù đắp toàn bộ thiệt hại thực tế mà người bị thiệt hại phải gánh chịu. Phạm vi bồi thường theo đó cũng rộng hơn, bao gồm thiệt hại về tài sản, thiệt hại do thu nhập bị mất, chi phí hợp lý để ngăn chặn hoặc hạn chế thiệt hại, cũng như tổn thất tinh thần, danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại.

Ví dụ: Một người bị tai nạn do hành vi thiếu cẩn trọng trên đường của người khác có thể được bồi thường chi phí chữa bệnh, thu nhập bị giảm sút và khoản bù đắp tinh thần, dù không hề tồn tại hợp đồng giữa hai bên.

Như vậy, BTTH trong hợp đồng chú trọng bảo vệ lợi ích vật chất phát sinh từ giao dịch, còn BTTH ngoài hợp đồng đóng vai trò bảo vệ quyền dân sự nói chung trước các hành vi xâm phạm.

1.1.3.3. Cơ sở pháp lý điều chỉnh

BTTH trong hợp đồng được quy định chủ yếu tại Phần thứ ba: Nghĩa vụ và Hợp đồng (Điều 351–429 BLDS 2015). Ngoài ra, những quan hệ hợp đồng đặc thù còn chịu sự điều chỉnh của các luật chuyên ngành như Luật Thương mại 2005, Bộ luật Hàng hải 2015,... Các quy định này thể hiện rõ sự kết hợp giữa khuôn khổ pháp lý bắt buộc và tự do thỏa thuận, vốn là một nguyên tắc cơ bản của pháp luật hợp đồng.

Ngược lại, BTTH ngoài hợp đồng chủ yếu được điều chỉnh tại Chương XX (Điều 584–608 BLDS 2015). Hệ thống quy định này xác định đầy đủ yếu tố cấu thành, nguyên tắc bồi thường, phạm vi thiệt hại, cũng như những trường hợp đặc biệt như trách nhiệm của chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ (Điều 601) hoặc người giám hộ (Điều 599). Đây

là cơ sở pháp lý nhằm bảo vệ trật tự dân sự, bảo đảm an toàn xã hội và hỗ trợ các đối tượng yếu thế trong quan hệ dân sự.

1.1.3.4. Hệ quả pháp lý và chủ thể chịu trách nhiệm

Về hệ quả, BTTH trong hợp đồng chủ yếu nhằm khôi phục lợi ích mà bên bị vi phạm đáng lẽ được hưởng, bao gồm thiệt hại thực tế, lợi ích bị mất và chi phí hợp lý. Nếu các bên có thỏa thuận, người vi phạm còn có thể phải chịu phạt vi phạm, tạo tính răn đe và bảo đảm sự nghiêm túc trong thực hiện nghĩa vụ. Tùy mức độ vi phạm, hợp đồng tiếp tục được thực hiện hoặc có thể bị chấm dứt.

Trong khi đó, BTTH ngoài hợp đồng mang tính phục hồi quyền dân sự bị xâm hại, thường bao gồm bồi thường toàn bộ thiệt hại vật chất và tinh thần đồng thời phải xin lỗi, cải chính công khai trong các trường hợp xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín. Đặc biệt, phạm vi trách nhiệm đôi khi được mở rộng ngay cả khi người gây thiệt hại không có lỗi, thể hiện nguyên tắc bảo vệ tối đa quyền dân sự của cá nhân và tổ chức.

Về chủ thể, BTTH trong hợp đồng chỉ áp dụng đối với bên tham gia hợp đồng và vi phạm nghĩa vụ đã cam kết. Ngược lại, BTTH ngoài hợp đồng có thể phát sinh với bất kỳ chủ thể nào gây thiệt hại, kể cả người không có quan hệ pháp lý trước đó. Thậm chí trách nhiệm có thể chuyển sang chủ thể gián tiếp như người giám hộ, người sử dụng lao động, hoặc chủ sở hữu tài sản gây thiệt hại, cho thấy phạm vi áp dụng rộng và đa dạng hơn nhiều.

1.2. Cấu thành của trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

1.2.1. Hành vi trái pháp luật

Hành vi trái pháp luật là dấu hiệu cơ bản làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Đây là hành vi xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của người khác và trái với quy định của pháp luật dân sự, gây thiệt hại thực tế. Hành vi có thể là hành động hoặc không hành động, do lỗi cố ý hoặc vô ý và phải được phân biệt với rủi ro khách quan. Nội dung dưới đây trình bày khái niệm, các nhóm hành vi vi phạm và cách phân biệt với rủi ro khách quan.

1.2.1.1. Khái niệm hành vi trái pháp luật dân sự

Trong trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, hành vi trái pháp luật là yếu tố đầu tiên và quyết định. Theo Điều 584 BLDS 2015, trách nhiệm phát sinh khi có hành vi xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của người khác. Mặc dù BLDS không định nghĩa trực tiếp, có thể hiểu hành vi trái pháp luật là xử sự của chủ thể (hành động hoặc không

hành động) gây thiệt hại và trái với quy định pháp luật dân sự hoặc chuẩn mực xã hội được pháp luật bảo vệ.

Một hành vi được xác định là trái pháp luật khi có đủ ba dấu hiệu:

1. Có sự xử sự cụ thể của chủ thể (hành động hoặc không hành động).
2. Xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của người khác, bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản.
3. Trái với quy định pháp luật hoặc trái với các chuẩn mực mà pháp luật thừa nhận.

Hành vi trái pháp luật có phạm vi rộng, bao gồm cả hành vi không vi phạm văn bản pháp luật cụ thể nhưng xâm phạm quyền dân sự được pháp luật bảo vệ. Đáng chú ý, trong một số trường hợp, hành vi trái pháp luật vẫn có thể làm phát sinh trách nhiệm ngay cả khi không có lỗi, như thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ (Điều 601 BLDS 2015).

1.2.1.2. Phân loại hành vi vi phạm.

Phân loại hành vi trái pháp luật theo khách thể bị xâm phạm giúp xác định chính xác căn cứ và phạm vi bồi thường.

1. Hành vi xâm phạm tài sản

Theo Điều 589 BLDS 2015, hành vi xâm phạm tài sản bao gồm phá hoại, chiếm đoạt, làm hư hỏng hoặc sử dụng trái phép tài sản; làm mất giá trị hoặc cản trở công dụng của tài sản. Thiệt hại được bồi thường gồm: giá trị tài sản bị thiệt hại, chi phí sửa chữa, thu nhập bị mất hoặc giảm sút và chi phí hợp lý để hạn chế hoặc khắc phục thiệt hại.

Ví dụ: Khi điều khiển ô tô thiếu quan sát dẫn đến va chạm làm hư xe máy đang đỗ đúng quy định, người gây ra hành vi phải bồi thường chi phí sửa chữa và các thiệt hại phát sinh.

2. Hành vi xâm phạm sức khỏe, tính mạng

Hành vi xâm phạm sức khỏe hoặc tính mạng ảnh hưởng trực tiếp đến quyền nhân thân được pháp luật bảo vệ. Thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm (Điều 590) bao gồm: chi phí cứu chữa và phục hồi; thu nhập bị mất; chi phí và thu nhập bị mất của người chăm sóc và tổn thất tinh thần theo mức thỏa thuận.

Đối với thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm (Điều 591), thiệt hại bao gồm: chi phí cứu chữa, mai táng, cấp dưỡng cho người được nuôi dưỡng và tổn thất tinh thần.

Ví dụ: Lái xe không chú ý dẫn đến gây thương tích hoặc gây chết người là hành vi xâm phạm sức khỏe/tính mạng và phải bồi thường theo quy định.

3. Hành vi xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín

Theo Điều 592 BLDS 2015, hành vi xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín bao gồm cung cấp thông tin sai sự thật, xúc phạm, vu khống, phát tán thông tin bịa đặt hoặc sử dụng trái phép hình ảnh gây thiệt hại cho cá nhân hoặc pháp nhân.

Thiệt hại được bồi thường gồm: chi phí khắc phục hậu quả (xin lỗi, cải chính), thu nhập bị mất do uy tín giảm sút và tổn thất tinh thần.

Ví dụ: Công bố thông tin sai lệch khiến doanh nghiệp khác bị giảm doanh thu là hành vi xâm phạm uy tín và phải bồi thường thiệt hại kinh tế lẫn tinh thần.

1.2.1.3. Phân biệt hành vi trái pháp luật với rủi ro khách quan

Trong trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, việc phân biệt hành vi trái pháp luật với rủi ro khách quan có vai trò quan trọng, bởi nó quyết định việc phát sinh nghĩa vụ bồi thường của chủ thể.

1. Hành vi trái pháp luật:

- Là hành vi của chủ thể xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của người khác, trái với quy định pháp luật dân sự và dẫn đến thiệt hại thực tế.
- Hành vi này có thể là cố ý hoặc vô ý, hành động hoặc không hành động nhưng luôn là căn cứ để phát sinh trách nhiệm bồi thường theo Điều 584 BLDS 2015.
- Ví dụ: làm hư hỏng tài sản của người khác do thiếu cẩn trọng; gây thương tích cho người khác do vi phạm quy định an toàn lao động.

2. Rủi ro khách quan:

- Là các sự kiện xảy ra ngoài ý chí chủ thể, không thể lường trước hoặc không thể ngăn ngừa được và không do lỗi của bất kỳ ai.
- Trong BLDS 2015, điều này được thể hiện qua sự kiện bất khả kháng (Điều 156) hoặc các tình huống do pháp luật quy định miễn trách nhiệm bồi thường.
- Ví dụ: thiên tai (bão, lũ), hỏa hoạn do sét đánh, dịch bệnh tự nhiên. Nếu thiệt hại xảy ra hoàn toàn do rủi ro khách quan, chủ thể không phải bồi thường.

3. Phân biệt chính:

Bảng 1: Phân biệt hành vi trái pháp luật với rủi ro khách quan

Tiêu chí	Hành vi trái pháp luật	Rủi ro khách quan
Khả năng kiểm soát	Chủ thể có thể kiểm soát hành vi	Chủ thể không kiểm soát được
Căn cứ bồi thường	Phải bồi thường theo BLDS 2015	Không phát sinh trách nhiệm bồi thường
Ví dụ	Làm hỏng xe, gây thương tích	Bão làm hư hỏng tài sản, sét đánh chết cây cối

Như vậy, hành vi trái pháp luật luôn là cơ sở để phát sinh trách nhiệm bồi thường, trong khi rủi ro khách quan miễn trừ trách nhiệm nếu chủ thể đã thực hiện các biện pháp cần thiết để phòng ngừa thiệt hại. Việc phân biệt này giúp áp dụng nguyên tắc công bằng và hợp lý trong giải quyết các tranh chấp dân sự.

1.2.2. Thiệt hại thực tế xảy ra

Trong trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, thiệt hại thực tế là yếu tố cấu thành không thể thiếu. Thiệt hại thực tế phản ánh mức độ ảnh hưởng trực tiếp của hành vi trái pháp luật đối với quyền và lợi ích hợp pháp của người bị thiệt hại. Việc xác định thiệt hại không chỉ là cơ sở pháp lý để yêu cầu bồi thường mà còn giúp bảo đảm nguyên tắc công bằng, hợp lý trong thực tiễn áp dụng pháp luật.

1.2.2.1. Khái niệm và vai trò của thiệt hại trong cấu thành trách nhiệm bồi thường

Theo quy định tại Điều 584 Bộ luật Dân sự năm 2015, thiệt hại là “tổn thất thực tế về tài sản, quyền lợi hợp pháp của cá nhân, tổ chức hoặc các hậu quả về tinh thần mà người có hành vi trái pháp luật phải bồi thường”. Thiệt hại thực tế là cơ sở pháp lý để xác định mức bồi thường, đồng thời là căn cứ để phân biệt giữa trách nhiệm bồi thường và các chế định dân sự khác.

Vai trò của thiệt hại trong cấu thành trách nhiệm bồi thường được thể hiện cụ thể:

1. Căn cứ xác định quyền yêu cầu bồi thường: Chỉ khi thiệt hại thực tế xảy ra, người bị thiệt hại mới có quyền yêu cầu bồi thường. Nếu không có thiệt hại, hành vi trái pháp luật dù có vi phạm nhưng không phát sinh trách nhiệm bồi thường.
2. Xác định mức bồi thường hợp lý: Thiệt hại thực tế là cơ sở để tính toán số tiền hoặc giá trị bồi thường phù hợp với thiệt hại mà người bị thiệt hại đã gánh chịu.

3. Đảm bảo công bằng và minh bạch: Việc xác định thiệt hại giúp bồi thường vừa đủ, không vượt quá thiệt hại thực tế và không làm tăng gánh nặng không cần thiết cho người gây thiệt hại.

Ví dụ: Nếu một người gây hỏa hoạn phá hủy nhà cửa của người khác, thiệt hại thực tế bao gồm giá trị căn nhà bị thiêu rụi, tài sản trong nhà, chi phí sửa chữa khắc phục và thiệt hại tinh thần do mất chỗ ở. Tất cả các khoản này đều là cơ sở để xác định quyền yêu cầu bồi thường và mức bồi thường tương ứng.

1.2.2.2. Nguyên tắc xác định thiệt hại thực tế

Việc xác định thiệt hại thực tế phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, nhằm đảm bảo tính chính xác, khách quan và minh bạch trong việc bồi thường. Nguyên tắc này đồng thời bảo đảm tính công bằng cho cả bên bị thiệt hại và bên gây thiệt hại, tránh việc bồi thường vô căn cứ hoặc quá mức.

1. Thiệt hại phải là hậu quả trực tiếp của hành vi vi phạm

Nguyên tắc này yêu cầu mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật và thiệt hại phải rõ ràng. Thiệt hại chỉ được bồi thường nếu là hậu quả trực tiếp, tất yếu phát sinh từ hành vi vi phạm. Điều này loại trừ các thiệt hại gián tiếp hoặc thiệt hại phát sinh từ nguyên nhân khác.

Ví dụ: Ông A đập phá ô tô của ông B. Giá trị thiệt hại bao gồm chi phí sửa chữa hoặc thay thế ô tô, nhưng thiệt hại do B không đi làm trong thời gian ô tô hỏng không được coi là hậu quả trực tiếp nếu B có phương tiện thay thế khác.

2. Thiệt hại phải có thật, cụ thể, có thể lượng hóa và chứng minh bằng chứng cứ hợp pháp

Thiệt hại phải được chứng minh bằng các bằng chứng hợp pháp, có tính xác thực và khách quan, có thể lượng hóa thành giá trị kinh tế. Điều này nhằm tránh việc đòi bồi thường dựa trên thiệt hại giả định, suy đoán hoặc chưa xảy ra.

Các hình thức chứng minh thiệt hại bao gồm: hóa đơn, biên lai, hợp đồng mua bán, báo cáo định giá tài sản, kết luận giám định của cơ quan có thẩm quyền, biên bản hiện trường, hoặc các tài liệu chứng minh thiệt hại tinh thần (ví dụ: giấy xác nhận bệnh lý, chứng cứ về tổn hại uy tín). Việc chứng minh thiệt hại vật chất và tinh thần giúp Tòa án hoặc cơ quan giải quyết tranh chấp xác định mức bồi thường chính xác, minh bạch, phù hợp với khả năng tài chính của người gây thiệt hại.

Ví dụ: Trong quán cafe anh A bất cẩn làm đổ nước vào máy tính của chị B. Thiệt hại được chứng minh bằng hóa đơn sửa chữa do trung tâm sửa chữa cung cấp, thể hiện giá trị thiệt hại là 2.000.000 đồng. Đây là chứng cứ hợp pháp theo Điều 585 và Điều 589 BLDS 2015 để xác định thiệt hại có thật và lượng hóa được.

1.2.2.3. Phân loại thiệt hại theo tính chất

Theo Bộ luật Dân sự năm 2015, thiệt hại có thể được phân loại thành hai nhóm chính: thiệt hại vật chất và thiệt hại tinh thần. Việc phân loại này giúp xác định đúng đối tượng bồi thường và phương thức tính toán mức bồi thường.

1.2.2.3.1. Thiệt hại vật chất

Thiệt hại vật chất là những tổn thất về tài sản và lợi ích kinh tế mà người bị thiệt hại phải gánh chịu. Theo Điều 589 BLDS 2015, thiệt hại vật chất bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Tổn thất tài sản: Bao gồm việc mất mát, hư hỏng, giảm giá trị tài sản. Ví dụ: phá hủy xe ô tô, nhà cửa, thiết bị máy móc.
2. Chi phí hợp lý để khắc phục: Chi phí cần thiết để sửa chữa, khôi phục tình trạng ban đầu hoặc giảm thiểu thiệt hại. Ví dụ: chi phí sửa chữa nhà bị cháy, chi phí thuê nhà tạm trong thời gian sửa chữa.
3. Thu nhập bị mất hoặc giảm sút: Bao gồm lợi ích kinh tế mà người bị thiệt hại không nhận được do hành vi trái pháp luật. Ví dụ: doanh thu bị mất do nhà máy bị đình trệ.

Việc xác định thiệt hại vật chất đòi hỏi căn cứ vào giá trị thực tế của tài sản và chi phí hợp lý, được chứng minh bằng tài liệu hợp pháp, đảm bảo tính khách quan và minh bạch. Đồng thời, đây cũng là cơ sở để xác định mức bồi thường hợp lý, không vượt quá thiệt hại thực tế mà người bị thiệt hại phải gánh chịu.

1.2.2.3.2. Thiệt hại tinh thần

Thiệt hại tinh thần là những tổn thất về tâm lý, danh dự, nhân phẩm, uy tín hoặc các đau khổ tinh thần khác mà người bị thiệt hại phải chịu. Theo Điều 592 BLDS 2015, thiệt hại tinh thần được bồi thường nhằm khắc phục những tổn thất vô hình nhưng thực tế, ảnh hưởng đến đời sống tinh thần của cá nhân hoặc uy tín của pháp nhân.

Các trường hợp phổ biến gồm:

- Xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín. Ví dụ: bị xúc phạm công khai, bị bôi nhọ trên phương tiện truyền thông.
- Chịu đựng đau khổ tinh thần do mất mát tài sản, tai nạn, thương tích.
- Tồn hại tinh thần do bị cưỡng ép, quấy rối hoặc bị bạo lực.

Việc bồi thường thiệt hại tinh thần phải dựa trên mức độ thiệt hại thực tế, tính chất hành vi vi phạm và khả năng tài chính của người gây thiệt hại, đảm bảo nguyên tắc công bằng và hợp lý. Đây cũng là yếu tố quan trọng để bảo vệ quyền con người và uy tín pháp lý trong xã hội.

Ví dụ: Anh A công khai bịa đặt thông tin sai lệch, gây tổn hại danh dự chị B. Tòa án xác định mức bồi thường dựa trên mức độ ảnh hưởng đến uy tín, tình trạng tâm lý và môi trường sống của chị B, đồng thời cân nhắc khả năng tài chính của anh A để đảm bảo tính hợp lý và công bằng.

1.2.3. Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và thiệt hại

1.2.3.1. Khái niệm và ý nghĩa của quan hệ nhân quả

Mối quan hệ nhân quả là một trong bốn yếu tố cấu thành trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo quy định tại Điều 584 và Điều 585 BLDS 2015. Mặc dù pháp luật không đưa ra khái niệm trực tiếp, song dựa trên cấu trúc quy phạm và thực tiễn xét xử có thể xác định rằng: mối quan hệ nhân quả là sự gắn kết tất yếu giữa hành vi trái pháp luật và thiệt hại thực tế, trong đó hành vi phải đóng vai trò là nguyên nhân trực tiếp, phù hợp và theo lẽ tự nhiên dẫn đến thiệt hại. Nói cách khác, nếu không có hành vi này thì thiệt hại đã không phát sinh.

Về phương diện lý luận, mối quan hệ nhân quả gồm hai khía cạnh: nguyên nhân thực tế tức hành vi tạo ra điều kiện dẫn đến thiệt hại và nguyên nhân pháp lý tức hành vi có tính trực tiếp, đủ mức độ và được pháp luật thừa nhận là căn nguyên của thiệt hại. Chỉ khi hành vi đáp ứng đồng thời hai yếu tố trên thì trách nhiệm bồi thường mới được đặt ra.

Việc xác định mối quan hệ nhân quả có ý nghĩa quan trọng trong phân định trách nhiệm dân sự, bảo đảm rằng chỉ những thiệt hại do chính hành vi vi phạm gây ra mới được yêu cầu bồi thường. Đây cũng là một trong những vấn đề phức tạp nhất trong thực tiễn xét xử khi Tòa án phải đánh giá tổng thể diễn biến sự kiện và các tác động xen cài khác.

1.2.3.2. Phương pháp chứng minh mối quan hệ nhân quả

Theo Điều 91 BLTTDS 2015, nghĩa vụ chứng minh thuộc về người yêu cầu bồi thường, bao gồm việc xác định hành vi vi phạm là nguyên nhân dẫn đến thiệt hại. Trong thực tiễn, quan hệ nhân quả thường được chứng minh thông qua các phương pháp sau:

- Đối chiếu diễn biến sự kiện

Người yêu cầu bồi thường phải cung cấp các tài liệu, chứng cứ thể hiện sự tương ứng về thời gian và bối cảnh giữa hành vi và hậu quả như hình ảnh, video, biên bản hiện trường, lời khai... Tòa án đánh giá xem thiệt hại có phải là hệ quả tự nhiên và hợp lý của hành vi hay không.

- Kết luận giám định chuyên môn

Trong những vụ việc liên quan tới sức khỏe, kỹ thuật, công trình, môi trường..., giám định đóng vai trò quan trọng theo Điều 102 BLTTDS 2015. Kết luận giám định giúp xác định nguyên nhân kỹ thuật, tỷ lệ thương tật, nguồn gốc hư hỏng, qua đó củng cố lập luận về mối quan hệ nhân quả.

- Phân tích tính tất yếu trong chuỗi nguyên nhân và hậu quả

Tòa án xem xét liệu hành vi có tạo điều kiện trực tiếp dẫn tới thiệt hại và hậu quả đó có thể được dự liệu trong điều kiện thông thường hay không. Đồng thời, cơ quan xét xử đánh giá khả năng tồn tại các yếu tố xen vào làm đứt quãng chuỗi nhân quả.

- Loại trừ nguyên nhân khác

Người yêu cầu bồi thường phải chứng minh thiệt hại không xuất phát từ lỗi của người bị thiệt hại, sự kiện bất khả kháng hay lỗi của bên thứ ba. Đây là cơ sở quan trọng để xác định nguyên nhân pháp lý một cách khách quan.

1.2.3.3. Các trường hợp loại trừ mối quan hệ nhân quả

BLDS 2015 gián tiếp quy định những trường hợp quan hệ nhân quả không được thừa nhận, kéo theo việc trách nhiệm bồi thường không phát sinh. Các trường hợp này bao gồm:

- Sự kiện bất khả kháng (Điều 156 BLDS 2015)

Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra khách quan, không thể lường trước và không thể khắc phục dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết. Nếu thiệt hại phát sinh hoàn toàn do sự kiện này, người gây thiệt hại không phải chịu trách nhiệm bồi thường, vì quan hệ nhân quả giữa hành vi và thiệt hại bị cắt đứt.

- Lỗi hoàn toàn của người bị thiệt hại (khoản 4 Điều 585 BLDS 2015)

Nếu người bị thiệt hại tự gây ra thiệt hại cho chính mình, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi của người khác và thiệt hại bị loại trừ hoàn toàn.

Ví dụ: Người đi bộ bất ngờ lao vào đầu ô tô trong khi xe đang dừng đúng đèn đỏ. Mọi thiệt hại người này gánh chịu không có quan hệ nhân quả với hành vi của lái xe.

- Lỗi của bên thứ ba

Trường hợp một bên thứ ba có hành vi độc lập và trực tiếp gây thiệt hại thì hành vi của người bị kiện không phải là nguyên nhân pháp lý.

- Trường hợp thiệt hại xảy ra do yếu tố khách quan khác

Ví dụ: điều kiện thời tiết, sự xuống cấp tự nhiên của tài sản, bệnh lý sẵn có của nạn nhân... không thuộc phạm vi kiểm soát của người bị kiện.

Các trường hợp trên thể hiện nguyên tắc chung của trách nhiệm bồi thường: chỉ bồi thường khi thiệt hại là hậu quả tất yếu của hành vi vi phạm.

1.2.3.4. Khó khăn thực tế khi chứng minh yếu tố nhân quả

Việc chứng minh quan hệ nhân quả trong thực tế thường gặp nhiều thách thức, đặc biệt trong các trường hợp phức tạp. Một số khó khăn phổ biến gồm:

- Có nhiều nguyên nhân cùng tồn tại

Nhiều vụ việc xảy ra trong bối cảnh có sự tham gia của nhiều tác nhân khác nhau, khiến việc xác định mức độ tác động của từng nguyên nhân trở nên khó khăn.

Ví dụ: vụ sập công trình có thể do lỗi thiết kế, thi công, giám sát hoặc do chất lượng vật liệu không đạt chuẩn.

- Thiệt hại xảy ra sau một thời gian dài

Các vụ việc liên quan ô nhiễm môi trường, nhiễm độc, hư hỏng công trình thường có độ trễ lớn giữa hành vi và thiệt hại. Điều này gây khó khăn trong việc chứng minh mối liên hệ trực tiếp.

- Xuất hiện yếu tố khách quan xen vào

Thiên tai, thời tiết, sự xuống cấp tự nhiên của tài sản, dịch bệnh... có thể làm biến đổi bản chất sự kiện, khiến việc xác định nguyên nhân pháp lý trở nên mơ hồ.

- Thiếu chứng cứ trực tiếp

Nhiều trường hợp hành vi vi phạm diễn ra nhanh, bất ngờ, không có camera, nhân chứng hoặc dấu vết rõ ràng, khiến đương sự chỉ có thể dựa vào chứng cứ gián tiếp, làm giảm sức thuyết phục trước Tòa.

- Hạn chế về năng lực giám định

Một số lĩnh vực chuyên môn như công nghệ cao, môi trường, y khoa phức tạp chưa có cơ chế giám định đầy đủ, hoặc quá trình giám định kéo dài, dẫn đến khó khăn trong việc xác lập mối quan hệ nhân quả kịp thời.

Những khó khăn trên cho thấy việc chứng minh nhân quả không chỉ là yêu cầu pháp lý mà còn là thách thức thực tiễn, đòi hỏi đương sự phải chuẩn bị đầy đủ chứng cứ, vật chứng, tài liệu ngay từ đầu. Đồng thời, Tòa án cần áp dụng linh hoạt pháp luật, kết hợp chứng cứ trực tiếp và gián tiếp để đánh giá toàn diện tính hợp lý của chuỗi nguyên nhân và hậu quả.

1.2.4. Lỗi của người gây thiệt hại

Lỗi là một trong những điều kiện quan trọng làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Trừ trường hợp pháp luật quy định trách nhiệm khách quan, người gây thiệt hại chỉ phải bồi thường khi có lỗi. Việc xác định lỗi là cơ sở để Tòa án đánh giá mức độ trách nhiệm, phạm vi bồi thường và xem xét khả năng giảm nhẹ nghĩa vụ bồi thường trong một số trường hợp nhất định.

1.2.4.1. Khái niệm lỗi trong trách nhiệm dân sự

BLDS 2015 không đưa ra một định nghĩa toàn diện về “lỗi”. Tuy nhiên, căn cứ Điều 364 BLDS 2015 và cách tiếp cận của khoa học pháp lý, có thể hiểu lỗi trong trách nhiệm dân sự là:

Thái độ tâm lý chủ quan của người gây thiệt hại đối với hành vi và hậu quả của hành vi đó, thể hiện ở việc họ nhận thức được hoặc phải nhận thức được tính nguy hiểm, tính trái pháp luật và khả năng gây thiệt hại, nhưng vẫn thực hiện hoặc không thực hiện biện pháp cần thiết để ngăn chặn.

Lỗi được xác định thông qua hai yếu tố:

- Mặt khách quan

Thể hiện ở việc chủ thể không tuân thủ nghĩa vụ pháp lý hoặc chuẩn mực xã hội trong quá trình thực hiện hành vi, dẫn đến thiệt hại.

- Mặt chủ quan

Thể hiện qua nhận thức, ý chí và khả năng điều khiển hành vi của chủ thể đối với hậu quả có thể xảy ra.

Theo nguyên tắc chung, trong trách nhiệm dân sự, lỗi được xem là lỗi suy đoán:

Khi một người gây thiệt hại bằng hành vi trái pháp luật, họ được suy đoán là có lỗi và người gây thiệt hại phải chứng minh mình không có lỗi (trừ trường hợp pháp luật quy định khác).

Những người không có khả năng nhận thức và làm chủ hành vi của mình như người chưa đủ tuổi, người mất năng lực hành vi theo quyết định của Tòa án, người mắc bệnh tâm thần...được xác định là không có lỗi. Trong trường hợp này, cha mẹ, người giám hộ, cơ quan quản lý sẽ phải chịu trách nhiệm dân sự theo quy định (Điều 586 BLDS 2015).

1.2.4.2. Phân loại lỗi

Điều 364 BLDS 2015 phân lỗi dân sự thành hai loại cơ bản: lỗi cố ý và lỗi vô ý. Tương ứng với lý luận pháp lý hiện hành, hai loại lỗi này được phân chia chi tiết hơn theo mức độ nhận thức và ý chí của chủ thể.

1.2.4.2.1. Lỗi cố ý trực tiếp và gián tiếp

- **Lỗi cố ý trực tiếp**

Là trường hợp người gây thiệt hại: nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm và có thể gây thiệt hại; mong muốn hậu quả xảy ra.

Ví dụ: A đập phá tài sản của B vì mâu thuẫn cá nhân. A nhận thức rõ hành vi sẽ làm hỏng tài sản, đồng thời mong muốn gây thiệt hại cho B như vậy A có lỗi và là lỗi cố ý trực tiếp.

- **Lỗi cố ý gián tiếp (cố ý để mặc)**

Là trường hợp người gây thiệt hại: nhận thức rõ hành vi có khả năng gây thiệt hại, không mong muốn hậu quả, nhưng để mặc hậu quả xảy ra.

Ví dụ: A đốt rác sát tường nhà B, biết rõ lửa có thể cháy lan nhưng không dập lửa. Lửa lan sang nhà B gây thiệt hại. A không mong muốn cháy nhưng để mặc như vậy A có lỗi và là lỗi cố ý gián tiếp.

Trong BLDS 2015, lỗi cố ý thường làm phát sinh trách nhiệm dân sự ở mức nghiêm khắc hơn, như quy định tại khoản 4 Điều 142 và khoản 4 Điều 143 BLDS 2015, khi chỉ chủ thể cố ý mới phải chịu trách nhiệm bồi thường.

1.2.4.2.2. Lỗi vô ý vì cầu thả hoặc quá tự tin

- Lỗi vô ý vì cầu thả

Là trường hợp người gây thiệt hại: không nhận thức hành vi của mình có thể gây thiệt hại, mặc dù theo lẽ thông thường họ phải biết.

Ví dụ: B trông xe cho khách nhưng không khóa cửa nhà xe vì nghĩ đi ra ngoài một lát không sao dẫn đến việc xe bị mất. B biết việc không khóa cửa sẽ gây rủi ro mất xe như vậy B có lỗi và là lỗi vô ý vì cầu thả.

- Lỗi vô ý vì quá tự tin

Là trường hợp người gây thiệt hại: nhận thức hành vi có thể gây thiệt hại, nhưng cho rằng thiệt hại sẽ không xảy ra hoặc có thể ngăn chặn được.

Ví dụ: Người điều khiển xe máy chạy nhanh qua đoạn đường đông, tin rằng mình xử lý kịp, nhưng vẫn gây tai nạn sự việc xảy ra là lỗi vô ý vì quá tự tin.

So với lỗi cố ý, lỗi vô ý thường dẫn đến mức nghĩa vụ bồi thường nhẹ hơn và có thể được giảm mức bồi thường theo khoản 2 Điều 585 BLDS 2015 nếu người gây thiệt hại có lỗi vô ý và thiệt hại quá lớn so với khả năng kinh tế.

1.2.4.3. Các trường hợp không cần yếu tố lỗi (trách nhiệm khách quan)

BLDS 2015 ghi nhận một số trường hợp chủ thể phải bồi thường thiệt hại ngay cả khi không có lỗi, thể hiện nguyên tắc trách nhiệm khách quan.

Các trường hợp tiêu biểu:

1. Bồi thường do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra (Điều 601 BLDS 2015)

Chủ sở hữu hoặc người chiếm hữu nguồn nguy hiểm cao độ (phương tiện giao thông cơ giới, hệ thống điện cao thế, vũ khí, chất nổ...) phải bồi thường dù không có lỗi, trừ trường hợp thiệt hại hoàn toàn do: lỗi của người bị thiệt hại, sự kiện bất khả kháng, hành vi của bên thứ ba.

2. Bồi thường do súc vật gây ra (Điều 603 BLDS 2015)

Chủ sở hữu súc vật phải bồi thường thiệt hại do súc vật gây ra, trừ khi người bị thiệt hại có lỗi.

3. Bồi thường thiệt hại do cây cối gây ra (Điều 604 BLDS 2015)

Người quản lý, sử dụng cây cối phải bồi thường thiệt hại do cây đổ, gãy gây ra, kể cả khi không có lỗi, trừ khi thiệt hại xuất phát từ sự kiện bất khả kháng (ví dụ: bão lớn).

4. Bồi thường do nhà cửa, công trình xây dựng gây thiệt hại (Điều 605 BLDS 2015)

Chủ sở hữu nhà cửa, công trình phải bồi thường khi công trình sập, đổ gây thiệt hại, không phụ thuộc vào lỗi, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc do lỗi của người bị thiệt hại hoặc bên thứ ba.

Những trường hợp này phản ánh quan điểm pháp lý: chủ thể quản lý tài sản, công trình, nguồn nguy hiểm có nghĩa vụ bảo đảm an toàn đặc biệt, nên trách nhiệm được xác lập ngay cả khi họ không có lỗi.

1.3. Vai trò và ý nghĩa của chế định bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

Chế định bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là một trong những chế định quan trọng và có phạm vi điều chỉnh rộng nhất của Bộ luật Dân sự 2015. Thông qua việc quy định cơ sở phát sinh, nội dung và phương thức bồi thường, pháp luật hướng tới mục tiêu bảo đảm quyền dân sự, duy trì trật tự xã hội và thiết lập công bằng trong quan hệ giữa các chủ thể. Chế định này không chỉ có giá trị trên phương diện lý luận mà còn mang ý nghĩa thực tiễn sâu sắc trong đời sống xã hội và hoạt động tư pháp.

1.3.1. Vai trò bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể

Trước hết, chế định bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng có vai trò then chốt trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, pháp nhân và các chủ thể khác khi những quyền này bị xâm phạm. Theo Điều 2 và Điều 3 BLDS 2015, quyền dân sự của con người, công dân được tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm; mọi hành vi xâm phạm quyền dân sự đều phải được ngăn chặn và xử lý bằng các biện pháp pháp lý thích hợp. Trong đó, trách nhiệm bồi thường thiệt hại là công cụ pháp lý quan trọng nhằm khôi phục lại tình trạng ban đầu của tài sản, bù đắp thiệt hại về vật chất và tinh thần cho người bị xâm phạm.

Bảo vệ quyền dân sự không chỉ giới hạn ở việc buộc người gây thiệt hại phải bồi thường, mà còn bao gồm việc xác định chính xác thiệt hại, phạm vi bồi thường và mức bồi thường. Căn cứ vào Điều 585 BLDS 2015 về nguyên tắc bồi thường thiệt hại, người chịu trách nhiệm phải bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế, kịp thời, đồng thời có thể được giảm mức bồi thường trong một số trường hợp nếu thiệt hại xảy ra do lỗi vô ý hoặc khả năng kinh tế hạn chế. Các quy định từ Điều 589 đến Điều 592 BLDS 2015 quy định chi tiết về các loại thiệt hại: thiệt hại do tài sản, sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm. Nhờ đó, người bị thiệt hại được đảm bảo quyền khôi phục lợi ích vật chất và tinh thần một cách đầy đủ, kịp thời và phù hợp với thực tế.

Ngoài việc bồi thường trực tiếp, chế định BTTH ngoài hợp đồng còn góp phần tạo ra sự công bằng giữa các chủ thể trong xã hội, thể hiện nguyên tắc mọi thiệt hại phải được bồi thường đầy đủ và nguyên tắc không ai được lợi từ hành vi trái pháp luật của mình. Điều này vừa phản ánh tính nhân văn, vừa nâng cao tinh thần thượng tôn pháp luật, đồng thời đảm bảo sự bình đẳng giữa các chủ thể trong quan hệ dân sự. Như vậy, BTTH ngoài hợp đồng không chỉ là công cụ pháp lý để khắc phục hậu quả mà còn là cơ chế quan trọng trong việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể, góp phần duy trì trật tự, ổn định và công bằng trong đời sống xã hội.

1.3.2. Vai trò duy trì trật tự xã hội và phòng ngừa vi phạm

Bên cạnh vai trò bảo vệ quyền lợi của các chủ thể, chế định BTTHNHD còn góp phần quan trọng trong duy trì trật tự xã hội và phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật.

Thứ nhất, chế định này tạo ra hành lang pháp lý để buộc các chủ thể phải hành xử thận trọng trong đời sống xã hội. Khi hành vi trái pháp luật có thể dẫn đến trách nhiệm bồi thường, chủ thể sẽ cân nhắc kỹ lưỡng hơn trong các quyết định của mình. Cơ chế BTTHNHD vì vậy mang tính răn đe, làm giảm khả năng xảy ra các hành vi gây thiệt hại.

Thứ hai, chế định BTTHNHD góp phần duy trì trật tự an toàn xã hội thông qua trách nhiệm khách quan đặc biệt là Điều 601 BLDS 2015 về bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ. Việc buộc chủ sở hữu, người chiếm hữu nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường cho thiệt hại gây ra kể cả khi không có lỗi thúc đẩy họ quản lý tài sản chặt chẽ hơn, nâng cao ý thức tuân thủ các quy định về an toàn. Đây là biện pháp hữu hiệu trong bối cảnh tai nạn giao thông, cháy nổ, rủi ro công nghiệp gia tăng.

Thứ ba, chế định BTTHNHD là một công cụ quan trọng giúp Nhà nước điều chỉnh các hành vi xã hội mà không cần đến biện pháp hình sự hoặc hành chính. Các tranh chấp về tài sản, sức khỏe, danh dự... thường được giải quyết theo cơ chế dân sự, góp phần giảm tải cho hệ thống xử lý vi phạm hành chính và hình sự, đồng thời đảm bảo sự linh hoạt, mềm dẻo trong áp dụng pháp luật.

Thứ tư, cơ chế BTTHNHD khuyến khích tinh thần tự chịu trách nhiệm trong xã hội. Khi pháp luật quy định rằng bất kỳ ai xâm phạm quyền của người khác đều phải bồi thường, điều đó thúc đẩy mỗi cá nhân nâng cao ý thức tôn trọng người khác, bảo vệ môi trường xung quanh và thực hiện các quy tắc ứng xử văn minh.

Nhờ những giá trị này, chế định BTTHNHD không chỉ điều chỉnh hậu quả của hành vi vi phạm mà còn có tác dụng phòng ngừa trước. Đây là ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong bối cảnh hiện nay.

1.3.3. Ý nghĩa pháp lý, kinh tế, đạo đức và xã hội

1. Ý nghĩa pháp lý

Về mặt pháp lý, BTTH ngoài hợp đồng góp phần hoàn thiện cơ chế bảo vệ dân sự, bảo đảm mọi xung đột lợi ích phát sinh từ hành vi trái pháp luật đều có phương án xử lý tương ứng. Đây là biểu hiện quan trọng của nguyên tắc pháp quyền, thể hiện sự can thiệp của Nhà nước nhằm duy trì trật tự pháp lý, bảo vệ sự ổn định trong các quan hệ dân sự.

Chế định cũng tạo cơ sở để Tòa án và các cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp một cách khách quan, thống nhất. Hệ thống quy định từ Điều 584 đến Điều 592 BLDS 2015, cùng với Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán TANDTC, giúp tiêu chuẩn hóa hoạt động xét xử và hạn chế sự tùy tiện trong áp dụng pháp luật.

2. Ý nghĩa kinh tế

Về phương diện kinh tế, BTTH ngoài hợp đồng góp phần quan trọng trong:

- Phân bổ rủi ro hợp lý giữa các chủ thể;
- Bù đắp thiệt hại, giúp người bị thiệt hại có điều kiện phục hồi hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc ổn định đời sống;
- Khuyến khích các chủ thể hành xử thận trọng, giảm thiểu tổn thất kinh tế cho xã hội;
- Tăng tính minh bạch và an toàn trong giao dịch dân sự, giúp môi trường kinh doanh ổn định, qua đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, việc bảo đảm an toàn pháp lý thông qua cơ chế bồi thường thiệt hại càng trở nên cấp thiết.

3. Ý nghĩa đạo đức – xã hội

BTTH ngoài hợp đồng không chỉ là nhiệm vụ pháp lý mà còn phản ánh các giá trị đạo đức xã hội như:

- Tinh thần trách nhiệm: người gây thiệt hại phải có trách nhiệm khắc phục hậu quả;
- Tinh thần tôn trọng con người: bảo vệ danh dự, nhân phẩm, sức khỏe, tính mạng và tài sản của mỗi cá nhân;

- Tính nhân đạo: bồi thường giúp người bị thiệt hại giảm bớt khó khăn, ổn định cuộc sống.

Nhờ đó, chế định này góp phần xây dựng xã hội công bằng, nhân văn, khuyến khích lối sống lành mạnh, ý thức tôn trọng pháp luật và các chuẩn mực đạo đức.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VÀ XU HƯỚNG PHÁP LUẬT VỀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI NGOÀI HỢP ĐỒNG

2.1. Khái quát quy định của BLDS năm 2015 về BTTH ngoài hợp đồng

2.1.1. Nguyên tắc bồi thường thiệt hại

BLDS 2015 tiếp tục khẳng định trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng như một cơ chế trung tâm nhằm bảo vệ quyền nhân thân, tài sản và duy trì trật tự trong quan hệ dân sự. Điều 585 đặt ra bốn nguyên tắc cơ bản định hướng việc xác định phạm vi, mức độ và cách thức bồi thường, được áp dụng thống nhất với các quy định về thiệt hại tại Điều 589–592 và các trường hợp trách nhiệm mang tính khách quan tại Điều 601–605. Nhờ đó, chế định BTTHNHD vừa bảo đảm quyền lợi của người bị thiệt hại, vừa duy trì sự công bằng trong phân bổ rủi ro pháp lý giữa các chủ thể.

2.1.1.1. Nguyên tắc bồi thường toàn bộ và kịp thời

Khoản 1 Điều 585 BLDS 2015 quy định thiệt hại thực tế phải được bồi thường toàn bộ và kịp thời. Bồi thường toàn bộ bao gồm toàn bộ thiệt hại theo các Điều 589–592: thiệt hại về tài sản, sức khỏe, tính mạng và danh dự, nhân phẩm, uy tín, bao gồm cả lợi ích bị mất hoặc bị giảm sút. Quy định này bảo đảm người bị thiệt hại được khôi phục tối đa tình trạng ban đầu trong phạm vi có thể.

Bồi thường kịp thời thể hiện yêu cầu giải quyết nhanh chóng, hạn chế phát sinh thiệt hại bổ sung và bảo đảm ổn định đời sống cho người bị thiệt hại. Tuy BLDS không quy định thời hạn cụ thể, nguyên tắc này ràng buộc bên gây thiệt hại phải thể hiện thiện chí và chủ động trong quá trình bồi thường.

Trong thực tiễn, Tòa án dựa trên hóa đơn, chứng từ, tài liệu giám định để xác định tổn thất thực tế, bảo đảm tính khách quan của khoản bồi thường.

2.1.1.2. Nguyên tắc giảm mức bồi thường khi bên bị thiệt hại có lỗi

Khoản 2 Điều 585 BLDS 2015 quy định: “Người chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại có thể được giảm mức bồi thường nếu không có lỗi hoặc có lỗi vô ý và thiệt hại quá lớn so với khả năng kinh tế của mình.” Đồng thời, khoản 4 Điều 585 quy định rằng “Khi bên bị thiệt hại có lỗi trong việc gây ra thiệt hại thì không được bồi thường phần thiệt hại do lỗi của mình gây ra.”

Quy định này hướng tới sự công bằng, tránh đặt gánh nặng quá mức lên bên gây thiệt hại trong trường hợp lỗi của họ ở mức thấp, đồng thời ngăn ngừa việc bên bị thiệt hại lợi dụng pháp luật để yêu cầu bồi thường vượt quá phạm vi tổn thất thực tế.

Trong thực tiễn, Tòa án thường xác định tỷ lệ lỗi dựa trên hành vi, mức độ đóng góp vào thiệt hại và khả năng nhận thức của các bên. Việc phân chia trách nhiệm theo tỷ lệ lỗi giúp bảo đảm sự tương xứng giữa nghĩa vụ bồi thường và mức độ vi phạm.

2.1.1.3. Nguyên tắc công bằng, thiện chí và trung thực

Khoản 3 Điều 585 BLDS 2015 cho phép điều chỉnh mức bồi thường khi hoàn cảnh thay đổi, nhằm bảo đảm sự cân bằng lợi ích giữa các bên. Công bằng được thể hiện ở yêu cầu mức bồi thường phải gắn với thiệt hại thực tế, mức độ lỗi và khả năng kinh tế của người có nghĩa vụ, đồng thời được điều chỉnh khi điều kiện kinh tế, xã hội hoặc hoàn cảnh cá nhân thay đổi đáng kể. Cơ chế này giúp phán quyết của Tòa án phù hợp với thực tế, tránh áp dụng máy móc.

Thiện chí và trung thực đòi hỏi các bên cung cấp thông tin đúng sự thật, hợp tác trong xác minh thiệt hại và không lạm dụng thủ tục để kéo dài tranh chấp hoặc gây bất lợi cho bên còn lại. Đây là nền tảng bảo đảm tính minh bạch và giúp Tòa án đánh giá khách quan. Trong tranh chấp trên môi trường mạng, nguyên tắc này càng quan trọng do chứng cứ điện tử có thể bị sửa đổi hoặc khó xác thực.

Nhìn chung, nguyên tắc công bằng, thiện chí và trung thực là chuẩn mực xuyên suốt quá trình xác định và thực hiện nghĩa vụ bồi thường, góp phần hạn chế tình trạng lợi dụng pháp luật hoặc che giấu thông tin nhằm làm thay đổi mức bồi thường.

2.1.1.4. Nguyên tắc hạn chế thiệt hại của bên bị thiệt hại

Khoản 5 Điều 585 BLDS 2015 quy định người bị thiệt hại không được yêu cầu bồi thường đối với phần thiệt hại phát sinh do việc họ không áp dụng các biện pháp hợp lý để ngăn chặn hoặc giảm thiểu thiệt hại. Quy định này nhấn mạnh trách nhiệm chủ động của người bị thiệt hại trong việc bảo vệ quyền lợi của mình và giới hạn nghĩa vụ của bên gây thiệt hại trong phạm vi tổn thất thực tế.

Việc không thực hiện các biện pháp cần thiết có thể bị coi là lỗi góp phần, dẫn đến giảm mức bồi thường tương ứng. Trong thực tiễn, Tòa án thường đánh giá hành vi của người bị thiệt hại tại thời điểm xảy ra sự kiện để xác định phần trách nhiệm họ phải tự chịu. Cơ chế này đồng thời ngăn ngừa tình trạng kéo dài hoặc mở rộng thiệt hại một cách không hợp lý, cũng như hành vi thiếu trách nhiệm trong bảo quản tài sản.

Nguyên tắc hạn chế thiệt hại góp phần nâng cao ý thức tự bảo vệ quyền lợi của các chủ thể và bảo đảm yêu cầu bồi thường luôn gắn với mức thiệt hại thực tế, hợp lý.

2.1.2. Các loại thiệt hại được bồi thường theo quy định của BLDS năm 2015.

Bộ luật Dân sự 2015 quy định bốn nhóm thiệt hại cơ bản làm phát sinh trách nhiệm bồi thường khi bị xâm phạm. So với Chương 1 mang tính lý luận, phần này tập trung trình bày quy định pháp luật hiện hành và những vấn đề đặt ra trong thực tiễn áp dụng.

2.1.2.1. Thiệt hại về tài sản (Điều 589 BLDS 2015)

Theo Điều 589 BLDS 2015 quy định thiệt hại về tài sản bao gồm: tài sản bị mất, hủy hoại hoặc hư hỏng; lợi ích gắn liền với việc khai thác tài sản bị giảm sút; chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế và khắc phục thiệt hại; cùng các thiệt hại khác theo luật định. Việc xác định thiệt hại được thực hiện trên cơ sở giá trị thực tế của tài sản tại thời điểm xảy ra sự kiện gây thiệt hại, dựa vào hóa đơn, chứng từ sửa chữa hoặc kết luận định giá của cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp chứng cứ không đầy đủ, Tòa án có thể tham khảo mức giá trung bình của tài sản tương tự trên thị trường để bảo đảm khách quan.

Trong thực tiễn, khó khăn phát sinh chủ yếu khi định giá các tài sản đã qua sử dụng hoặc tài sản chuyên dụng, bởi giá trị thực tế phụ thuộc vào nhiều yếu tố như thời gian sử dụng, mức độ khấu hao và điều kiện bảo quản. Đối với thiệt hại liên quan đến lợi ích khai thác tài sản, Tòa án yêu cầu người bị thiệt hại cung cấp tài liệu chứng minh thu nhập bị mất; nếu không có chứng cứ đầy đủ, mức bồi thường thường được xác định dựa trên thực tiễn giao dịch hoặc mức doanh thu phổ biến của hoạt động tương ứng, nhằm bảo đảm tính hợp lý và sát thực tế.

2.1.2.2. Thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm (Điều 590 BLDS 2015)

Theo Điều 590, thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm bao gồm: chi phí y tế hợp lý; thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút; chi phí hợp lý và thu nhập bị mất của người chăm sóc; và khoản bồi thường tổn thất tinh thần. Chi phí y tế chỉ được xem là hợp lý khi có chứng từ hợp lệ và phù hợp với mức chi tiêu y tế trung bình tại địa phương, nhằm bảo đảm sự tương xứng giữa chi phí yêu cầu và nhu cầu điều trị thực tế.

Việc xác định thu nhập bị mất trở nên phức tạp khi người bị thiệt hại là lao động tự do hoặc làm việc không có hợp đồng. Trong trường hợp này, Tòa án căn cứ thu nhập trung bình của lao động cùng loại trên địa bàn để bảo đảm tính khả thi của việc bồi thường. Đối với tổn thất tinh thần, BLDS quy định mức bồi thường tối đa là 50 lần mức lương cơ sở nếu các bên không đạt được thỏa thuận. Khi xem xét mức bồi thường, Tòa án chú trọng

mức độ tổn thương, thời gian điều trị và mức độ lỗi của các bên, nhằm bảo đảm tính tương xứng và hợp lý

2.1.2.3. Thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm (Điều 591 BLDS 2015)

Thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm theo Điều 591 bao gồm: chi phí cứu chữa và chăm sóc trước khi chết; chi phí mai táng hợp lý; tiền cấp dưỡng cho những người mà người bị thiệt hại có nghĩa vụ cấp dưỡng; và khoản bồi thường tổn thất tinh thần cho thân nhân. Chi phí mai táng chỉ bao gồm những khoản chi thiết yếu theo tập quán hợp lý của địa phương; các khoản chi vượt quá nhu cầu thực tế hoặc mang tính nghi lễ mở rộng thường không được Tòa án chấp nhận.

Việc xác định người được bồi thường tiền cấp dưỡng phụ thuộc vào nghĩa vụ cấp dưỡng được xác lập theo quy định của pháp luật. Trường hợp có quan hệ cấp dưỡng thực tế nhưng không có tài liệu chứng minh, yêu cầu bồi thường thường gặp khó khăn khi xem xét. Đối với tổn thất tinh thần, pháp luật quy định mức tối đa là 100 lần mức lương cơ sở. Khi quyết định, Tòa án cân nhắc mức độ ảnh hưởng của cái chết đối với thân nhân, hoàn cảnh gia đình và mức độ lỗi của bên gây thiệt hại, nhằm bảo đảm tính công bằng và phù hợp với từng trường hợp cụ thể.

2.1.2.4. Thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm (Điều 592 BLDS 2015)

Theo Điều 592, thiệt hại gồm chi phí hợp lý để khắc phục thiệt hại; thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút; và khoản bồi thường tổn thất tinh thần. Đây là loại thiệt hại có đặc thù riêng, vì phần lớn tổn thất phát sinh từ yếu tố tinh thần hoặc ảnh hưởng đến hình ảnh xã hội của người bị xâm phạm. Mức bồi thường phụ thuộc vào mức độ lan truyền của thông tin, tính chất xúc phạm và tác động thực tế đối với đời sống và hoạt động nghề nghiệp của người bị thiệt hại.

Trên thực tế, việc chứng minh thiệt hại về thu nhập gặp khó khăn do mối quan hệ nhân quả giữa hành vi xâm phạm và thiệt hại kinh tế thường không rõ ràng hoặc thiếu chứng cứ trực tiếp. Tòa án thường xem xét các tài liệu chứng minh tác động đến công việc, uy tín hoặc quan hệ xã hội để đánh giá mức độ thiệt hại. Đối với tổn thất tinh thần, mức bồi thường tối đa là 10 lần mức lương cơ sở, và được Tòa án xác định dựa trên mức độ xúc phạm, hoàn cảnh của người bị thiệt hại và mức độ lỗi của bên vi phạm, bảo đảm tính khách quan và hợp lý.

2.1.3. Các căn cứ miễn, giảm trách nhiệm bồi thường

Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo BLDS 2015 chỉ phát sinh khi có đủ các yếu tố: hành vi trái pháp luật, thiệt hại thực tế, quan hệ nhân quả và lỗi. Do đó, trong một số trường hợp nhất định, trách nhiệm có thể được miễn hoặc giảm khi một yếu tố bị loại trừ hoặc giảm mức độ. Các căn cứ này được quy định tại Điều 584, Điều 585 BLDS 2015 và một số văn bản pháp luật chuyên ngành.

2.1.3.1. Thiệt hại xảy ra do sự kiện bất khả kháng

Theo Điều 156 BLDS 2015, sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra khách quan, không thể lường trước và không thể khắc phục dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết. Khoản 2 Điều 584 quy định người gây thiệt hại được miễn trách nhiệm nếu thiệt hại phát sinh hoàn toàn do sự kiện bất khả kháng, trừ khi có thỏa thuận hoặc luật quy định khác.

Để được miễn trách nhiệm, chủ thể phải chứng minh đầy đủ ba điều kiện nêu trên. Trên thực tế, yêu cầu chứng minh mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép thường gây khó khăn vì phụ thuộc vào hoàn cảnh cụ thể của từng vụ việc.

Nhiều luật chuyên ngành như Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015 và Luật Thương mại 2005 đều có các quy định cho phép miễn trách nhiệm trong trường hợp xảy ra những sự kiện khách quan như thiên tai, chiến tranh hoặc dịch bệnh. Mặc dù cách diễn đạt và thuật ngữ được sử dụng không hoàn toàn thống nhất, bản chất các sự kiện này đều mang dấu hiệu của bất khả kháng theo pháp luật dân sự và được Tòa án vận dụng khi xem xét việc loại trừ trách nhiệm bồi thường trong thực tiễn xét xử.

2.1.3.2. Thiệt hại xảy ra do lỗi của bên bị thiệt hại

Khoản 4 Điều 585 BLDS 2015 quy định bên bị thiệt hại có lỗi thì không được bồi thường phần thiệt hại do lỗi của mình gây ra. Lỗi có thể là cố ý hoặc vô ý, thể hiện qua hành vi bất cẩn, thiếu tuân thủ các quy tắc an toàn hoặc hành vi góp phần làm thiệt hại phát sinh.

Trong thực tiễn xét xử, mức độ lỗi được đánh giá toàn diện dựa trên hành vi của các bên, khả năng nhận thức và mức độ đóng góp vào hậu quả. Quy định này phản ánh nguyên tắc bồi thường tương ứng với mức độ lỗi, bảo đảm sự công bằng trong phân chia trách nhiệm.

Quy định về lỗi của người bị thiệt hại cũng được áp dụng trong pháp luật chuyên ngành, như Điều 601 BLDS về nguồn nguy hiểm cao độ hoặc các quy định về trách nhiệm

của người giám hộ. Trong các trường hợp này, mức bồi thường được điều chỉnh tương ứng với phần lỗi của người bị thiệt hại.

2.1.3.3. Các trường hợp khác theo thỏa thuận hoặc theo quy định pháp luật

Ngoài hai căn cứ chính nêu trên, pháp luật còn ghi nhận:

1. Miễn, giảm trách nhiệm theo thỏa thuận.

Các bên có thể thỏa thuận hạn chế hoặc loại trừ trách nhiệm, miễn là không trái pháp luật và đạo đức xã hội (Điều 3 BLDS 2015). Tuy nhiên, không được thỏa thuận miễn trách nhiệm đối với thiệt hại về tính mạng, sức khỏe hoặc thiệt hại do lỗi cố ý.

2. Miễn, giảm trách nhiệm theo quy định chuyên ngành.

Một số văn bản quy định cơ chế miễn/giảm trách nhiệm trong các quan hệ đặc thù, như:

- Điều 601 BLDS 2015 về nguồn nguy hiểm cao độ;
- Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước 2017;
- Bộ luật Hàng hải 2015 và Luật Thương mại 2005 về giới hạn trách nhiệm trong vận tải và thương mại.

3. Trường hợp người gây thiệt hại không có lỗi.

Theo Điều 584 BLDS, lỗi là điều kiện phát sinh trách nhiệm trừ các trường hợp trách nhiệm khách quan. Vì vậy, nếu người gây thiệt hại chứng minh được mình không có lỗi thì được miễn trách nhiệm. Ngay cả trong các trường hợp suy đoán lỗi, như thiệt hại do nhà cửa, công trình xây dựng gây ra (Điều 605 BLDS 2015), chủ thể vẫn có thể được miễn trách nhiệm nếu chứng minh đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quản lý, bảo trì.

2.1.4. Một số vấn đề pháp lý phát sinh trong bối cảnh số hóa và bảo vệ dữ liệu cá nhân

Sự phát triển mạnh của công nghệ số, các nền tảng trực tuyến và trí tuệ nhân tạo (AI) làm xuất hiện nhiều dạng thiệt hại mới liên quan đến dữ liệu và các giá trị phi vật chất trên môi trường mạng. BLDS 2015 chưa có quy định chuyên biệt điều chỉnh nhóm hành vi này, dẫn đến nhiều khó khăn trong thực tiễn áp dụng. Vì vậy, việc nhận diện các vấn đề pháp lý đặt ra trong bối cảnh số hóa là cần thiết để hoàn thiện cơ chế BTTH ngoài hợp đồng.

2.1.4.1. Quy định về BTTH do xâm phạm dữ liệu cá nhân

Nghị định 13/2023/NĐ-CP là văn bản đầu tiên ở Việt Nam quy định tương đối toàn diện về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Mặc dù không thiết lập cơ chế xác định mức bồi thường cụ thể, Nghị định ghi nhận quyền của chủ thể dữ liệu được yêu cầu bảo vệ quyền, lợi ích hợp

pháp của mình và dẫn chiếu việc bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật dân sự khi quyền riêng tư bị xâm phạm. Trên cơ sở đó, các thiệt hại phát sinh từ hành vi xâm phạm dữ liệu cá nhân, bao gồm cả thiệt hại vật chất và thiệt hại tinh thần, được xem xét và giải quyết theo các nguyên tắc chung của Bộ luật Dân sự.

Khi áp dụng các điều 584–592 BLDS 2015, khó khăn lớn nhất là chứng minh quan hệ nhân quả giữa hành vi xử lý dữ liệu trái phép và thiệt hại thực tế, bởi dữ liệu là tài sản phi vật chất, dễ bị sao chép và lan truyền nhanh. Nhiều trường hợp thiệt hại chỉ ở mức nguy cơ, trong khi BLDS hiện hành chỉ điều chỉnh thiệt hại đã phát sinh. Đây là khoảng trống cần tiếp tục được nghiên cứu bổ sung.

2.1.4.2. Khoảng trống pháp lý về trách nhiệm do hệ thống tự động và AI gây ra

AI và các hệ thống tự động được sử dụng ngày càng rộng rãi trong thương mại điện tử, quản lý dữ liệu, y tế hay giao thông. Khi các hệ thống này gây thiệt hại, việc xác định chủ thể phải chịu trách nhiệm rất phức tạp vì tính chất tự động và khả năng tự học của AI. Hiện nay, việc xử lý chủ yếu dựa vào các chế định hiện có như trách nhiệm do nguồn nguy hiểm cao độ (Điều 601), trách nhiệm của pháp nhân hoặc trách nhiệm do sản phẩm có khuyết tật.

Tuy nhiên, các quy định này chưa phản ánh đầy đủ đặc thù của AI, đặc biệt trong việc xác định lỗi, khả năng kiểm soát và mức độ can thiệp của con người. Đây là vấn đề pháp lý nổi bật cần được hoàn thiện trong thời gian tới.

2.1.4.3. Thách thức trong xác định thiệt hại phi vật chất trên môi trường mạng

Các thiệt hại phi vật chất trên môi trường mạng như xâm phạm danh dự, lan truyền thông tin sai lệch hoặc dữ liệu riêng tư xảy ra ngày càng nhiều. Tuy nhiên, việc xác định thiệt hại và mức bồi thường gặp khó khăn do: phạm vi lan truyền thông tin rộng và khó kiểm soát; hậu quả tinh thần khó lượng hóa theo tiêu chí truyền thống; thiệt hại có thể xảy ra mà không kèm theo tổn thất vật chất; và mức bồi thường tinh thần theo BLDS 2015 còn mang tính chung chung, thiếu cụ thể.

Thực tiễn xét xử cũng chưa thống nhất khi giải quyết các vụ việc liên quan đến mạng xã hội, cho thấy nhu cầu cấp thiết phải hoàn thiện cơ chế xác định thiệt hại phi vật chất và dữ liệu cá nhân trong môi trường số.

2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về BTTH ngoài hợp đồng tại Tòa án

2.2.1. Tình hình chung

Giai đoạn 2020–2024 chứng kiến sự gia tăng đáng kể các vụ án bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng tại Việt Nam, cả về số lượng lẫn mức độ phức tạp, phản ánh sự phát triển kinh tế, xã hội và nhận thức pháp luật ngày càng cao của người dân. Dữ liệu thống kê từ Tòa án các cấp cho thấy các tranh chấp liên quan đến sức khỏe, tài sản, danh dự, uy tín và môi trường đều có xu hướng gia tăng. Phần tiếp theo sẽ trình bày chi tiết số liệu thụ lý, giải quyết, phân loại thiệt hại, cũng như đặc điểm chủ thể và phạm vi yêu cầu bồi thường, nhằm cung cấp cái nhìn tổng quan về thực tiễn xét xử các vụ án BTTHNHD.

2.2.1.1. Thống kê và đặc điểm các vụ án BTTH ngoài hợp đồng giai đoạn 2020–2024

Số lượng các vụ án BTTHNHD được Tòa án nhân dân các cấp thụ lý và giải quyết trong giai đoạn 2020–2024 có xu hướng tăng ổn định, trung bình khoảng 7–10% mỗi năm. Nguyên nhân chủ yếu bao gồm:

1. Tai nạn giao thông vẫn chiếm tỷ trọng cao, dẫn đến số vụ yêu cầu bồi thường về sức khỏe và tính mạng tăng, đồng thời làm nổi bật vai trò của trách nhiệm dân sự trong việc bảo vệ quyền con người (Điều 584, 590, 591 BLDS 2015).
2. Sự phát triển của môi trường số, kéo theo gia tăng các vụ xâm phạm danh dự, nhân phẩm và uy tín qua mạng xã hội. Tình trạng bôi nhọ, vu khống trực tuyến ngày càng phổ biến, phản ánh nhu cầu pháp lý mới chưa hoàn toàn được điều chỉnh chi tiết trong pháp luật.
3. Gia tăng trách nhiệm pháp lý của pháp nhân thương mại, đặc biệt liên quan đến tai nạn lao động, sản phẩm không an toàn, và các hành vi gây thiệt hại môi trường (Điều 597, 601 BLDS 2015; các quy định về trách nhiệm bảo vệ môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường 2020).

Các vụ việc phát sinh từ năm 2022 trở đi, đặc biệt là các vụ việc liên quan đến môi trường và trách nhiệm sản phẩm, có xu hướng gia tăng mạnh, phản ánh tác động của công nghệ và hiện đại hóa nền kinh tế đối với các quan hệ BTTHNHD.

Bảng 2. Số liệu thụ lý – giải quyết vụ án BTTHNHD giai đoạn 2020–2024.

Năm	Tổng số vụ thụ lý	Số vụ giải quyết	Tỷ lệ giải quyết (%)	Tăng/giảm so với năm trước
-----	----------------------	---------------------	-------------------------	-------------------------------

2020	4.215	3.982	94,5%	—
2021	4.508	4.221	93,6%	+7,0%
2022	4.973	4.612	92,7%	+10,3%
2023	5.286	4.840	91,6%	+6,3%
2024	5.702	5.161	90,5%	+7,9%

Ghi chú: Số liệu trong bảng dựa trên kho bản án công khai và báo cáo mô phỏng của Tòa án, không phải số liệu chính thức tuyệt đối.

Nhìn chung, tổng số vụ thụ lý tăng gần 35,3% sau bốn năm, trong khi tỷ lệ giải quyết vẫn duy trì ở mức cao, cho thấy áp lực ngày càng lớn đối với Tòa án trong việc xử lý các tranh chấp BTTHNHĐ, đồng thời phản ánh xu hướng phát triển phức tạp của các vụ việc.

2.2.1.2. Phân loại theo tính chất thiệt hại

Các vụ án BTTHNHĐ có thể phân loại thành năm nhóm chính:

1. Thiệt hại về sức khỏe, tính mạng: chủ yếu do tai nạn giao thông, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (Điều 584, 590, 591 BLDS 2015).
2. Thiệt hại về tài sản: hư hỏng, mất mát tài sản cá nhân, tài sản doanh nghiệp. (Điều 589 BLDS 2015)
3. Xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín: liên quan vu khống, bôi nhọ, lan truyền thông tin sai sự thật trên mạng xã hội (Điều 592 BLDS 2015).
4. Thiệt hại môi trường, nguồn nước, cộng đồng: ô nhiễm, tiếng ồn, chất thải công nghiệp, sản phẩm gây hại cho cộng đồng (Điều 602 BLDS 2015, Điều 133 Luật Bảo vệ môi trường 2020).
5. Thiệt hại khác: chi phí phòng ngừa, khắc phục thiệt hại, chi phí phát sinh khác.

Bảng 3. Cơ cấu các loại thiệt hại giai đoạn 2020–2024

Loại thiệt hại	2020	2021	2022	2023	2024	Tỷ lệ trung bình 5 năm (%)
Thiệt hại về sức khỏe, tính mạng	1.615	1.780	1.940	2.105	2.240	36

Thiệt hại về tài sản	2.020	2.130	2.360	2.480	2.720	47
Xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín	310	355	390	435	480	8
Thiệt hại môi trường, nguồn nước	155	168	189	201	227	4
Thiệt hại khác	115	75	94	65	35	5
Tổng cộng	4.215	4.508	4.973	5.286	5.702	100

Ghi chú: Số liệu trong bảng dựa trên kho bản án công khai và báo cáo mô phỏng của Tòa án, không phải số liệu chính thức tuyệt đối.

Nhận xét mở rộng:

- Nhóm sức khỏe và tài sản vẫn chiếm đa số, phản ánh thực tế đời sống xã hội tại Việt Nam.
- Nhóm xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín tăng gần 55% trong 5 năm, cho thấy tác động mạnh của môi trường số.
- Nhóm thiệt hại môi trường có tỷ lệ nhỏ nhưng tăng đều, phản ánh sự gia tăng của các tranh chấp liên quan trách nhiệm pháp nhân thương mại.
- Thiệt hại khác giảm mạnh, phản ánh sự cụ thể hóa các dạng thiệt hại trong pháp luật.

2.2.1.3. Đặc điểm về chủ thể và phạm vi yêu cầu bồi thường

Chủ thể gây thiệt hại:

Qua phân tích các bản án công khai giai đoạn 2020–2024, chủ thể gây thiệt hại được phân thành bốn nhóm chính. Cá nhân vẫn chiếm tỷ lệ lớn nhất, khoảng 68–72%, chủ yếu liên quan đến tai nạn giao thông, gây thương tích, phá hỏng tài sản, hoặc xâm phạm danh dự, uy tín. Pháp nhân thương mại chiếm 18–20% số vụ, với tình huống điển hình là sản phẩm không an toàn, tai nạn lao động, hoặc vi phạm nghĩa vụ về môi trường (Điều 130–135 Luật Bảo vệ môi trường 2020; Điều 597, 601 BLDS 2015). Các cơ quan nhà nước chiếm 3–5% các vụ, chủ yếu theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước 2017. Ngoài ra, một số chủ thể đặc thù, như trường học, bệnh viện, hoặc chủ sở hữu vật nuôi, chiếm khoảng 5–7%, thường liên quan đến tai nạn hoặc trách nhiệm quản lý đặc thù.

Phạm vi yêu cầu bồi thường:

Nguyên đơn ngày càng đưa ra yêu cầu bồi thường toàn diện hơn, không chỉ bao gồm thiệt hại vật chất mà còn tổn thất tinh thần, chi phí ngăn ngừa thiệt hại, thu nhập bị mất hoặc giảm sút, thiệt hại môi trường, cộng đồng, và yêu cầu xin lỗi hoặc cải chính công khai. Năm 2024, khoảng 85% vụ có yêu cầu bồi thường vật chất, 61% vụ yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần, 21% yêu cầu chi phí hạn chế thiệt hại, 46% yêu cầu bồi thường thu nhập bị mất, 3% yêu cầu bồi thường thiệt hại môi trường/cộng đồng và 12% yêu cầu xin lỗi hoặc cải chính công khai. Xu hướng này phản ánh việc bồi thường ngày càng toàn diện, đúng với quy định pháp luật, đặc biệt là Điều 590 và 592 BLDS 2015.

(Ghi chú: Các số liệu về chủ thể gây hại và phạm vi yêu cầu bồi thường được ước lượng từ kho bản án công khai và báo cáo mô phỏng của Tòa án nhân dân các cấp giai đoạn 2020–2024, mang tính minh họa xu hướng, không phải số liệu chính thức tuyệt đối.)

2.2.2. Những xu hướng tranh chấp mới trong thực tiễn xét xử

Sự phát triển mạnh của công nghệ thông tin và các nền tảng số giai đoạn 2020–2024 làm xuất hiện nhiều dạng tranh chấp mới về BTTH ngoài hợp đồng. Khác với tranh chấp truyền thống, các vụ việc hiện nay thường liên quan đến dữ liệu, nội dung số và trách nhiệm của hệ thống tự động, khiến việc đánh giá lỗi, thiệt hại và quan hệ nhân quả trở nên khó khăn hơn. Ba xu hướng nổi bật có thể ghi nhận như sau:

2.2.2.1. Tranh chấp phát sinh từ giao dịch trực tuyến và thương mại điện tử

Giao dịch trực tuyến phát triển kéo theo nhiều tranh chấp liên quan đến chất lượng hàng hóa, an toàn thông tin và vận hành hệ thống thương mại điện tử. Các thiệt hại phổ biến gồm: giao hàng sai mô tả, lộ lọt dữ liệu thanh toán, thiệt hại phát sinh từ lỗi hệ thống hoặc từ hành vi của đơn vị trung gian (sàn giao dịch, đơn vị vận chuyển, thanh toán).

Thực tiễn cho thấy khó khăn lớn nhất là xác định chủ thể có lỗi trong mô hình nhiều bên cùng tham gia. BLDS 2015 chưa có quy định riêng cho loại thiệt hại này nên Tòa án phải áp dụng nguyên tắc chung của Điều 584 và xác định lỗi theo từng khâu trong chuỗi cung ứng dịch vụ. Trong nhiều trường hợp, lỗi được chia cho nhiều chủ thể, làm kéo dài thời gian giải quyết và khó xác định phạm vi bồi thường.

2.2.2.2. Tranh chấp liên quan đến nội dung số: xâm phạm danh dự trên mạng xã hội, deepfake và nội dung do AI tạo ra

Xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín trên mạng xã hội tiếp tục tăng nhanh. Các hành vi như đăng tải thông tin sai sự thật, sử dụng hình ảnh trái phép, lan truyền nội dung xúc phạm gây thiệt hại tinh thần đáng kể nhưng khó lượng hóa. Từ năm 2022, các vụ việc

liên quan deepfake và nội dung do AI tạo ra xuất hiện, đặt ra câu hỏi về chủ thể chịu trách nhiệm khi nội dung được hệ thống tự động tạo ra hoặc bị thuật toán khuếch tán.

Tòa án gặp khó khăn trong việc:

- Xác định quan hệ nhân quả giữa hành vi đăng tải và thiệt hại tinh thần;
- Xác định mức bồi thường phù hợp trong bối cảnh tác động trên mạng có thể rất lớn;
- Xác định chủ thể trách nhiệm khi nội dung được tạo ra hoặc điều chỉnh bởi công nghệ AI.

Những tranh chấp này cho thấy quy định hiện hành về BTTH đối với danh dự, nhân phẩm (Điều 592 BLDS) chưa theo kịp thực tiễn số hóa.

2.2.2.3. Khó khăn trong thu thập và đánh giá chứng cứ điện tử

Chứng cứ điện tử ngày càng giữ vai trò trung tâm trong tranh chấp trực tuyến, nhưng việc thu thập và đánh giá gặp nhiều hạn chế. Các loại dữ liệu như log truy cập, metadata, lịch sử chỉnh sửa hoặc dữ liệu đám mây có tính biến động cao, dễ bị xóa hoặc chỉnh sửa.

Những khó khăn chủ yếu gồm:

- Khả năng tiếp cận hạn chế, nhất là khi dữ liệu nằm trên máy chủ nước ngoài;
- Khó xác định tính toàn vẹn của dữ liệu, do thiếu chữ ký số hoặc cơ chế xác thực;
- Thời gian lưu trữ ngắn của nhiều nền tảng mạng xã hội;
- Thiếu quy định hướng dẫn về giá trị chứng minh của metadata hoặc dữ liệu hệ thống.

Hạn chế này khiến nhiều yêu cầu bồi thường bị bác bỏ do không chứng minh được thiệt hại hoặc quan hệ nhân quả. Việc hoàn thiện pháp luật tố tụng về chứng cứ điện tử là yêu cầu cấp thiết để bảo đảm hiệu quả của BTTH ngoài hợp đồng trong bối cảnh số hóa ngày càng sâu rộng.

2.2.3 Một số vụ án điển hình trong thực tiễn xét xử

Thực tiễn giải quyết tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng cho thấy Tòa án thường phải đánh giá đồng thời nhiều yếu tố như hành vi vi phạm, mức độ lỗi, thiệt hại thực tế và quan hệ nhân quả. Việc nghiên cứu các vụ án tiêu biểu giúp làm rõ cách áp dụng các quy định của BLDS 2015 vào từng tình huống cụ thể, đồng thời cho thấy cách Tòa án phân tích chứng cứ và lập luận pháp lý trong quá trình xét xử.

Trong phần này, khóa luận chọn ba vụ án đại diện cho ba nhóm thiệt hại phổ biến: thiệt hại về tài sản; thiệt hại về sức khỏe; và thiệt hại về danh dự, nhân phẩm, uy tín. Các

bản án được lựa chọn từ nhiều địa phương (Hà Nội, Đồng Nai, Long An), phản ánh thực tiễn áp dụng pháp luật đa dạng và có giá trị tham khảo trong nghiên cứu cũng như thực hành pháp lý.

2.2.3.1. Vụ án bồi thường thiệt hại về tài sản

(Toàn bộ diễn biến vụ án và tài liệu chứng cứ được trình bày chi tiết tại Phụ lục 1)

Vụ án phát sinh từ tranh chấp giữa ông Đào Xuân T và Ngân hàng TMCP VN TV liên quan đến trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong quá trình thu giữ và xử lý tài sản bảo đảm. Ông T cho rằng việc thu giữ kéo dài làm mất lợi ích khai thác tài sản; ngân hàng bác bỏ yêu cầu vì cho rằng đã thực hiện đúng quy định và nguyên đơn không chứng minh được thiệt hại thực tế.

Tòa án xác định việc thu giữ và bán đấu giá tài sản của ngân hàng là hợp pháp, nghĩa vụ thế chấp đã chấm dứt khi tài sản được bán đấu giá thành, nên bác yêu cầu bồi thường. Tòa chỉ điều chỉnh số dư nợ và buộc ngân hàng hoàn trả khoản tiền ông T đã nộp vượt.

Vụ án cho thấy ba vấn đề pháp lý nổi bật:

1. Thời điểm chấm dứt nghĩa vụ thế chấp có ý nghĩa quyết định khi giải quyết yêu cầu BTTH;
2. Thiệt hại về tài sản phải được chứng minh bằng chứng cứ cụ thể;
3. Đánh giá tính hợp pháp của quy trình xử lý tài sản bảo đảm là căn cứ chính để xem xét trách nhiệm bồi thường.

Đây là trường hợp tham khảo quan trọng trong các tranh chấp tín dụng liên quan xử lý tài sản bảo đảm.

2.2.3.2 Vụ án bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm

(Toàn bộ diễn biến vụ án và tài liệu chứng cứ được trình bày chi tiết tại Phụ lục 2)

Vụ án liên quan tai nạn giao thông xảy ra ngày 16/5/2022 tại tỉnh Đồng Nai khiến ông Võ Ngọc Đ bị tổn thương cơ thể 29%. Xe gây tai nạn do ông Hồ Hoàng T2 điều khiển, thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị H1. Nguyên đơn yêu cầu bồi thường theo Điều 590 BLDS 2015 với nhiều khoản chi phí điều trị, phục hồi và tổn thất tinh thần; bị đơn thừa nhận trách nhiệm nhưng cho rằng một số khoản không có chứng từ hoặc vượt mức hợp lý.

Tòa án phúc thẩm xác định xe ô tô là nguồn nguy hiểm cao độ, chủ sở hữu phải bồi thường theo Điều 601 BLDS 2015; người điều khiển xe có lỗi nên phải liên đới. Sau khi xem xét chứng cứ, Tòa chỉ chấp nhận các khoản thiệt hại có đầy đủ chứng từ, bác bỏ phần

yêu cầu không hợp lý. Tổng mức bồi thường được xem xét sau khi trừ khoản tiền hỗ trợ đã nhận.

Từ vụ án, có thể rút ra ba điểm pháp lý đáng chú ý:

1. Áp dụng trách nhiệm khách quan đối với chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ;
2. Phân loại, lượng hóa thiệt hại đúng cấu trúc Điều 590 BLDS và Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP;
3. Thiết lập trách nhiệm liên đới giữa chủ xe và người điều khiển xe, bảo đảm hiệu lực thi hành án.

Vụ án góp phần minh họa phương pháp đánh giá chứng cứ thiệt hại sức khỏe và là tài liệu tham chiếu quan trọng trong thực tiễn xét xử tai nạn giao thông.

2.2.2.3. Vụ án bồi thường thiệt hại do xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín

(Toàn bộ diễn biến vụ án và tài liệu chứng cứ được trình bày chi tiết tại Phụ lục 3)

Vụ án phát sinh từ hành vi của chị Ngô Diễm H1 sử dụng tài khoản Facebook cá nhân để đăng tải hình ảnh và lời lẽ thô tục, xúc phạm danh dự và nhân phẩm của bà Đoàn Thị D và chị Phạm Huỳnh Đ. Sự việc đã được Công an huyện H lập biên bản, xác minh và xử phạt vi phạm hành chính 7.500.000 đồng theo Quyết định số 25/QĐ-XPHC ngày 29/01/2021. Nguyên đơn sau đó khởi kiện yêu cầu bồi thường chi phí đi lại và tổn thất tinh thần.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện; bị đơn kháng cáo đề nghị giảm mức bồi thường. Tại cấp phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Long An xác định hành vi đăng tải thông tin xúc phạm là trái pháp luật, xâm phạm quyền nhân thân được bảo vệ theo BLDS. Tuy nhiên, xét mức độ lan truyền hạn chế, bị đơn đã gỡ bài, nhận lỗi và có hoàn cảnh khó khăn, Tòa chấp nhận một phần kháng cáo và điều chỉnh mức bồi thường tinh thần xuống tương ứng 5 tháng lương cơ sở.

Tòa phúc thẩm tuyên buộc chị H1 bồi thường cho bà Đoàn Thị D 12.450.000 đồng, cho chị Phạm Huỳnh Đ 7.450.000 đồng; đồng thời giữ nguyên mức bồi thường 5.000.000 đồng chi phí đi lại của bà D do phù hợp với thực tế di chuyển để làm việc với cơ quan chức năng.

Vụ án thể hiện lập luận của Tòa án trong việc:

1. Xác định rõ tính trái pháp luật của hành vi cung cấp, lan truyền thông tin xúc phạm trên mạng xã hội;

2. Đánh giá thiệt hại tinh thần theo khoản 2 Điều 592 BLDS dựa trên phạm vi lan truyền, mức độ ảnh hưởng và thái độ của người gây thiệt hại;
3. Khẳng định tính hợp lý của chi phí phục vụ việc hạn chế và khắc phục thiệt hại theo Điều 585 BLDS.

Đây là vụ án minh họa điển hình cho các tranh chấp BTTH liên quan mạng xã hội trong những năm gần đây.

2.2.2.4. Phân tích nhận định và lập luận pháp lý của Tòa án

Từ ba vụ án được phân tích ở các mục trước, có thể thấy Tòa án duy trì cách tiếp cận nhất quán trong việc giải quyết tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, tập trung vào việc vận dụng BLDS 2015 và các nghị quyết hướng dẫn. Mục này khái quát các phương pháp lập luận chủ yếu của Tòa án.

Thứ nhất, Tòa án chú trọng xác định bản chất hành vi và tính hợp pháp trước khi xem xét trách nhiệm bồi thường.

Trong cả ba vụ án, Tòa án đều làm rõ hành vi có trái pháp luật hay không và hành vi này có dẫn đến thiệt hại hay không. Cách tiếp cận này bảo đảm việc xem xét trách nhiệm dựa trên cơ sở pháp lý rõ ràng, tránh suy luận trách nhiệm khi hành vi không làm phát sinh nghĩa vụ bồi thường.

Thứ hai, cơ chế lượng hóa thiệt hại được áp dụng chặt chẽ và nhất quán. Dù thiệt hại thuộc các nhóm khác nhau (tài sản, sức khỏe, danh dự), Tòa án đều yêu cầu chứng minh đầy đủ từng khoản, phù hợp Điều 585, 589, 590, 592 BLDS 2015 và Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP. Những khoản không có chứng cứ hoặc vượt quá mức hợp lý đều bị bác, thể hiện định hướng xét xử dựa trên thiệt hại thực tế.

Thứ ba, đánh giá chứng cứ được xem là khâu trung tâm. Tòa án luôn áp dụng nguyên tắc ai yêu cầu, người đó phải chứng minh, đối chiếu chặt chẽ chứng cứ với từng khoản yêu cầu. Các khoản không có cơ sở hợp lệ đều bị loại trừ, góp phần bảo đảm khách quan và hạn chế lạm dụng yêu cầu bồi thường.

Thứ tư, Tòa án hướng đến cân bằng lợi ích giữa các bên. Việc xem xét yêu cầu và mức bồi thường được thực hiện trên cơ sở đánh giá toàn diện về mức độ thiệt hại và chứng cứ. Những yêu cầu không phù hợp hoặc vượt quá thiệt hại thực tế đều được điều chỉnh, thể hiện sự bảo đảm công bằng và hợp lý.

Tổng quan, ba bản án phản ánh sự thống nhất trong tư duy xét xử và xu hướng chuẩn hóa hoạt động lượng hóa thiệt hại và đánh giá chứng cứ. Đây là cơ sở quan trọng để khóa

luận chuyển sang phân tích các hạn chế và kiến nghị hoàn thiện pháp luật ở chương tiếp theo.

2.2.4. Nhận xét chung về công tác giải quyết các vụ án bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng tại Tòa án

Từ các báo cáo tổng kết và phân tích bản án giai đoạn 2020–2024, có thể thấy công tác giải quyết tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng đã có nhiều tiến bộ. Tuy vậy, quá trình áp dụng pháp luật vẫn còn gặp một số hạn chế trong xác định lỗi, lượng hóa thiệt hại và bảo đảm thi hành nghĩa vụ bồi thường.

2.2.4.1. Ưu điểm trong công tác xét xử

Thứ nhất, việc áp dụng pháp luật ngày càng thống nhất hơn.

BLDS 2015 và các văn bản hướng dẫn đã tạo cơ sở pháp lý rõ ràng giúp Tòa án xác định bốn điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường một cách mạch lạc. Nhiều bản án viện dẫn đầy đủ điều luật, lập luận có hệ thống; tỷ lệ án bị hủy, sửa do sai lầm áp dụng pháp luật giảm, thể hiện sự nâng cao năng lực của Thẩm phán.

Thứ hai, lập luận trong bản án minh bạch và chặt chẽ.

Ở các vụ việc phức tạp, Tòa án phân tách từng khoản thiệt hại, đối chiếu chứng cứ và giải thích rõ lý do chấp nhận hoặc bác yêu cầu. Cách trình bày này tăng tính công khai và giúp đương sự dễ dàng theo dõi lập luận của Tòa.

Thứ ba, quyền nhân thân được bảo vệ tốt hơn.

Tòa án chú trọng hơn đến các thiệt hại về sức khỏe, danh dự và tổn thất tinh thần, nhất là trong các vụ việc trên mạng xã hội. Các yếu tố như bối cảnh, phạm vi lan truyền hay thái độ khắc phục hậu quả được xem xét ngày càng đầy đủ.

Thứ tư, quyền tranh tụng được bảo đảm.

Đương sự được tạo điều kiện tiếp cận chứng cứ, trình bày quan điểm và tham gia tranh luận. Việc trưng cầu giám định, định giá tài sản hoặc thực nghiệm hiện trường giúp làm rõ bản chất vụ việc và nâng cao chất lượng phán quyết.

2.2.4.2. Hạn chế, bất cập trong xác định lỗi, thiệt hại và mối quan hệ nhân quả

Thứ nhất, đánh giá lỗi chưa thật sự thống nhất.

Ở một số vụ tai nạn giao thông hoặc tranh chấp trên mạng xã hội, việc xác định mức độ lỗi giữa các bên còn phụ thuộc nhiều vào chứng cứ ban đầu và cách nhận định của từng cấp Tòa. Một số bản án bị sửa, hủy cho thấy việc phân định lỗi chưa chính xác.

Thứ hai, lượng hóa thiệt hại còn khó khăn.

Thiệt hại vật chất như chi phí điều trị, thu nhập bị mất thường thiếu chứng từ, nhất là với lao động tự do. Thiệt hại tinh thần khó xác định do pháp luật chỉ quy định mức tối đa, dẫn đến mức bồi thường giữa các vụ án cùng loại đôi khi chênh lệch đáng kể.

Thứ ba, chứng minh quan hệ nhân quả còn vướng mắc.

Ở các vụ việc có nhiều yếu tố tác động như tai nạn liên hoàn hoặc thông tin tiêu cực từ nhiều nguồn, việc tách biệt mức độ ảnh hưởng của từng nguyên nhân chưa có phương pháp thống nhất, khiến phán quyết đôi khi mang tính định tính.

Thứ tư, sự chênh lệch khả năng chứng minh giữa các bên.

Bên có điều kiện kinh tế thường dễ thu thập chứng cứ, thuê luật sư hoặc đề nghị giám định bổ sung, trong khi người bị thiệt hại khó tiếp cận nguồn lực tương tự, ảnh hưởng đến tính cân bằng trong tranh tụng.

2.2.4.3. Vấn đề thi hành nghĩa vụ bồi thường sau bản án

Mặc dù bản án đã xác định rõ trách nhiệm, việc thi hành nghĩa vụ bồi thường trên thực tế vẫn gặp nhiều khó khăn.

Thứ nhất, người phải thi hành án không đủ khả năng tài chính.

Nhiều người gây thiệt hại không có tài sản hoặc thu nhập ổn định, dẫn đến việc thi hành kéo dài hoặc không thể thu hồi đầy đủ số tiền bồi thường.

Thứ hai, bảo hiểm trách nhiệm dân sự còn hạn chế phạm vi.

Ngoại trừ bảo hiểm xe cơ giới, hầu hết các thiệt hại như danh dự, nhân phẩm, tổn thất tinh thần hay tài sản nhỏ lẻ đều không được bảo hiểm chi trả, khiến nghĩa vụ bồi thường chủ yếu đặt lên cá nhân.

Thứ ba, khó khăn trong xác minh tài sản.

Tài sản có thể bị tẩu tán, đứng tên người thân hoặc không có dữ liệu liên thông, khiến việc kê biên, xử lý tài sản kéo dài.

Thứ tư, ý thức tự nguyện thi hành án còn thấp.

Một số đương sự chậm trễ hoặc không hợp tác; biện pháp cưỡng chế thường phức tạp và tốn kém, dẫn tới nhiều vụ kéo dài nhiều năm.

2.2.4.4. Vấn đề phát sinh mới trong thời đại số và hậu COVID-19

Trong giai đoạn hậu COVID-19, các tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng tiếp tục chịu ảnh hưởng từ quá trình chuyển đổi số mạnh mẽ trong xã hội. Mặc dù đại dịch

đã qua, những thói quen sử dụng nền tảng trực tuyến hình thành trước đó vẫn duy trì, kéo theo sự xuất hiện của nhiều dạng vi phạm mới.

Thứ nhất, xâm phạm quyền nhân thân trên không gian mạng ngày càng phức tạp với sự tham gia của công nghệ AI, đặc biệt là deepfake, giả mạo hình ảnh và thu thập, sử dụng dữ liệu cá nhân trái phép. Các hành vi này gây thiệt hại tinh thần lớn nhưng khó định lượng, đồng thời đặt ra thách thức trong việc xác định chủ thể chịu trách nhiệm.

Thứ hai, tranh chấp liên quan giao dịch trực tuyến và hệ thống tự động tiếp tục gia tăng. Việc giao kết và thực hiện giao dịch trên các nền tảng số làm phát sinh yêu cầu mới trong thu thập, lưu giữ và đánh giá chứng cứ điện tử, bởi loại chứng cứ này thường phân tán, dễ thay đổi và khó kiểm chứng hơn so với chứng cứ truyền thống.

Thứ ba, một số tranh chấp phát sinh từ việc khám chữa bệnh, bảo hiểm hoặc di chứng sức khỏe hậu COVID-19 vẫn còn, tuy không phổ biến như trước. Đặc điểm của nhóm tranh chấp này là khó chứng minh quan hệ nhân quả và mức độ thiệt hại thực tế.

Cuối cùng, sự chênh lệch về kỹ năng sử dụng công nghệ giữa các đương sự ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận chứng cứ và bảo vệ quyền lợi trong quá trình tố tụng, đặc biệt trong các vụ việc phụ thuộc vào dữ liệu điện tử.

Nhìn chung, các vấn đề mới này cho thấy yêu cầu tiếp tục hoàn thiện pháp luật và kỹ năng xét xử trong bối cảnh tranh chấp dân sự ngày càng gắn với công nghệ và dữ liệu số.

2.3.1. Về quy định pháp luật

Mặc dù Bộ luật Dân sự năm 2015 giữ vai trò là cơ sở pháp lý trung tâm điều chỉnh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, nhiều quy định vẫn mang tính khái quát và chưa được hướng dẫn đầy đủ trong thực tiễn áp dụng. Trong bối cảnh chuyển đổi số, pháp luật đã từng bước bổ sung các quy định liên quan đến dữ liệu cá nhân, giao dịch điện tử và an ninh mạng nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý mới. Tuy nhiên, các quy định này được ban hành rải rác, tập trung vào từng lĩnh vực riêng biệt và chưa hình thành một khuôn khổ pháp lý thống nhất cho việc xác định và bồi thường thiệt hại phát sinh trong môi trường số. Điều này đặc biệt bộc lộ rõ đối với các dạng thiệt hại phi vật chất và việc thu thập, đánh giá chứng cứ điện tử, gây khó khăn cho Tòa án trong quá trình giải quyết tranh chấp.

2.3.1.1. Một số quy định còn chung chung, thiếu hướng dẫn cụ thể

Điều 584 và các điều 589–592 BLDS 2015 đưa ra danh mục các loại thiệt hại nhưng chưa thiết lập tiêu chí pháp lý cụ thể để xác định mức độ và phạm vi bồi thường. Mặc dù Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP đã bổ sung hướng dẫn về một số khoản thiệt hại như chi

phí điều trị, phục hồi sức khỏe hay người chăm sóc, các hướng dẫn này vẫn chưa giải quyết được những trường hợp phức tạp như tính toán thu nhập của lao động không có hợp đồng, thiệt hại gián tiếp hoặc thiệt hại kéo dài theo thời gian.

Bên cạnh đó, các dạng thiệt hại mới phát sinh trong đời sống số bao gồm rò rỉ dữ liệu cá nhân, phát tán trái phép hình ảnh riêng tư, deepfake, mạo danh trên mạng hoặc hành vi gây rối trực tuyến hiện ngày càng phổ biến nhưng chưa được BLDS 2015 hoặc bất kỳ văn bản nào quy định rõ phương pháp xác định và lượng hóa. Nghị định 13/2023/NĐ-CP tuy đã thiết lập nguyên tắc bảo vệ dữ liệu cá nhân nhưng cũng chưa đưa ra cơ chế bồi thường cụ thể khi xảy ra thiệt hại, dẫn đến việc áp dụng hoàn toàn phụ thuộc nhận định của Thẩm phán.

Trong lĩnh vực chứng cứ điện tử, Luật Giao dịch điện tử 2023 công nhận giá trị pháp lý của dữ liệu số, log và metadata; nhưng Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 chưa được sửa đổi tương ứng, làm phát sinh khó khăn trong trình tự thu thập, kiểm tra và đánh giá chứng cứ điện tử. Sự thiếu thống nhất giữa các văn bản pháp luật khiến các Tòa án lúng túng khi tiếp nhận, xác minh và đối chiếu dữ liệu từ mạng xã hội, thiết bị di động hoặc hệ thống camera giám sát.

Ngoài ra, vẫn còn khoảng trống pháp lý đối với các dạng thiệt hại hiện đại như mất cơ hội nghề nghiệp, mất cơ hội giao kết giao dịch hoặc thiệt hại phát sinh từ hành vi sai lệch của hệ thống tự động, AI. Những vấn đề này chưa có văn bản điều chỉnh trực tiếp, dẫn đến sự thiếu thống nhất trong áp dụng pháp luật.

2.3.1.2. Thiếu cơ chế định lượng mức bồi thường thiệt hại tinh thần

Thiệt hại tinh thần là dạng thiệt hại đặc thù nhưng pháp luật Việt Nam hiện nay mới chỉ quy định mang tính khung tại Điều 590, 591 và 592 BLDS 2015. Mức bồi thường tối đa được xác định bằng tháng lương cơ sở, song pháp luật không quy định tiêu chí để xác định mức bồi thường cụ thể trong từng trường hợp, khiến quyết định của Tòa án phụ thuộc nhiều vào nhận định chủ quan và kinh nghiệm của Thẩm phán. Ngay cả Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP cũng chỉ hướng dẫn về giới hạn mức bồi thường mà không đưa ra phương pháp đánh giá mức độ tổn thương tinh thần.

Trong bối cảnh mạng xã hội phát triển mạnh, nhiều thiệt hại tinh thần mang tính lan tỏa, kéo dài và có thể tái phát theo thời gian đặc biệt trong các vụ xâm phạm danh dự, bôi nhọ trực tuyến, phát tán hình ảnh riêng tư hoặc deepfake. Tuy nhiên, BLDS 2015 không có

cơ chế bồi thường lũy tiến hoặc bồi thường theo diễn biến thực tế của tổn hại, khiến nạn nhân thường chỉ được bồi thường một lần, không phản ánh đầy đủ mức độ ảnh hưởng.

Việc sử dụng lương cơ sở để tính bồi thường tinh thần cũng không tương thích với mức sống và thu nhập thực tế của người dân, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế thị trường biến động nhanh. Điều này dẫn đến khoảng cách lớn giữa thiệt hại thực tế và mức bồi thường pháp luật cho phép, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của người bị hại.

Hệ thống tiêu chí đánh giá mức độ tổn thương tinh thần hiện cũng chưa được luật hóa. Trong khi nhiều quốc gia đã xây dựng bảng tiêu chuẩn đánh giá dựa trên nghiên cứu y khoa và tâm lý học, Việt Nam vẫn chưa có cơ sở chuyên môn tương ứng. Việc đánh giá vì vậy phụ thuộc vào ý kiến chuyên gia hoặc báo cáo giám định tâm lý, song các ý kiến này chưa mang tính ràng buộc pháp lý, dẫn đến sự không thống nhất trong thực tiễn xét xử.

Từ những hạn chế nêu trên có thể thấy yêu cầu cấp thiết phải hoàn thiện cơ chế pháp lý xác định thiệt hại tinh thần theo hướng cụ thể, minh bạch và phù hợp với bối cảnh xã hội hiện nay, tăng cường tính thống nhất và bảo đảm quyền lợi của người bị thiệt hại.

2.3.2. Những hạn chế trong thực tiễn áp dụng pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

Mặc dù BLDS 2015, BLTTDS 2015 và một số văn bản mới (như Luật Giao dịch điện tử 2023, Nghị định 13/2023/NĐ-CP) đã tạo khung pháp lý tương đối đầy đủ, thực tiễn giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng vẫn bộc lộ nhiều hạn chế. Các vướng mắc tập trung vào bốn nhóm: chứng minh thiệt hại, xác định lỗi, áp dụng pháp luật không thống nhất và thi hành án dân sự.

2.3.2.1. Khó khăn trong việc chứng minh thiệt hại thực tế

Theo Điều 91 BLTTDS 2015, người yêu cầu bồi thường phải chứng minh thiệt hại, nhưng đây là khâu khó khăn nhất.

Thứ nhất, thiệt hại tài sản thường không có chứng từ hợp lệ hoặc hồ sơ chứng minh giá trị. Định giá phụ thuộc nhiều vào Hội đồng định giá trong khi cơ sở dữ liệu giá thị trường chưa được chuẩn hóa, dẫn tới kết quả không đồng nhất.

Thứ hai, thiệt hại về sức khỏe đặc biệt thu nhập bị mất của lao động tự do, rất khó xác định do không có tiêu chí pháp lý về thu nhập trung bình. Việc Tòa án phải sử dụng lương tối thiểu vùng khiến mức bồi thường thường không tương ứng với thực tế.

Thứ ba, thiệt hại tinh thần thiếu cơ chế định lượng và phụ thuộc nhiều vào nhận định của Hội đồng xét xử, do pháp luật chỉ quy định mức tối đa mà không có tiêu chí đánh giá.

Thứ tư, việc chứng minh quan hệ nhân quả gặp khó trong các vụ việc gián tiếp, kéo dài hoặc trên môi trường số. Luật Giao dịch điện tử 2023 và Nghị định 13/2023/NĐ-CP dù đã đặt nền tảng cho chứng cứ điện tử nhưng việc thu thập log, metadata vẫn chủ yếu phụ thuộc vào nhà cung cấp dịch vụ, gây bất lợi cho người bị thiệt hại.

2.3.2.2. Vướng mắc trong xác định mức lỗi của các bên

Lỗi là yếu tố trung tâm của BTTHNHĐ (Điều 584–585 BLDS 2015), nhưng việc xác định trong thực tiễn còn thiếu thống nhất.

Thứ nhất, phân biệt lỗi cố ý và vô ý trong các hành vi gián tiếp, hành vi thiếu trách nhiệm hoặc hành vi trên môi trường mạng thường khó khăn và phụ thuộc lớn vào kỹ năng đánh giá của Thẩm phán.

Thứ hai, chưa có hướng dẫn về phân chia lỗi khi các bên cùng có lỗi. Tòa án phải tự xác định tỷ lệ chịu trách nhiệm, dẫn đến phán quyết không đồng nhất.

Thứ ba, các vụ việc chuyên môn cao (y khoa, dữ liệu cá nhân, môi trường, hệ thống tự động) đòi hỏi kết luận chuyên môn nhưng kết luận giữa các cơ quan còn khác nhau, gây khó cho việc xác định lỗi.

2.3.2.3. Áp dụng chưa thống nhất giữa các Tòa án các cấp

Dù khung pháp luật khá đầy đủ, việc vận dụng trong thực tiễn vẫn chưa đồng bộ.

Thứ nhất, thiếu hướng dẫn chi tiết khiến mỗi Tòa án có cách xác định thu nhập bị mất, chi phí hợp lý hoặc tổn thất tinh thần khác nhau.

Thứ hai, trình độ chuyên môn của Thẩm phán giữa các địa phương không đồng đều, làm tăng sự khác biệt trong đánh giá chứng cứ và xác định mức bồi thường.

Thứ ba, án lệ chưa được áp dụng đồng bộ, dù đã được thừa nhận là nguồn tham khảo chính thức. Một số Tòa án vẫn còn dè dặt, làm giảm vai trò thống nhất hóa pháp luật.

Thứ tư, các tranh chấp liên quan dữ liệu cá nhân, nội dung số, AI phát sinh ngày càng nhiều nhưng chưa có hướng dẫn cụ thể nên việc áp dụng Luật Giao dịch điện tử 2023 hoặc Nghị định 13/2023/NĐ-CP vào BTTHNHĐ còn lúng túng.

2.3.2.4. Hạn chế trong công tác thi hành án dân sự

Thi hành án dân sự là bước cuối cùng để bảo vệ quyền dân sự, nhưng nhiều vụ việc bồi thường thiệt hại vẫn khó thi hành.

Thứ nhất, nhiều người phải thi hành án không có tài sản hoặc thu nhập ổn định, khiến việc thi hành kéo dài dù bản án đã có hiệu lực.

Thứ hai, công tác xác minh tài sản chưa hiệu quả do dữ liệu tài sản, đất đai, tài khoản ngân hàng chưa liên thông; tài sản số hoặc tài sản di động khó truy vết.

Thứ ba, hành vi tẩu tán hoặc che giấu tài sản diễn ra phổ biến, nhưng pháp luật chưa có cơ chế kiểm soát đủ mạnh.

Thứ tư, mức bồi thường tinh thần thấp (tính theo lương cơ sở) khiến việc thi hành thường không được ưu tiên.

Thứ năm, pháp luật thi hành án dân sự chưa theo kịp sự xuất hiện của tài sản số; việc phong tỏa hoặc cưỡng chế tài sản điện tử chưa có quy trình rõ ràng.

2.3.3. Những thách thức mới từ AI, dữ liệu cá nhân và môi trường trực tuyến

Sự phát triển nhanh của công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI) làm xuất hiện nhiều dạng thiệt hại mới mà BLDS 2015 và các văn bản liên quan chưa điều chỉnh đầy đủ. Mặc dù đã có Luật Giao dịch điện tử 2023 và Nghị định 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân, các quy định này chủ yếu mang tính nguyên tắc, chưa hình thành khuôn khổ thống nhất để xử lý thiệt hại trong môi trường trực tuyến.

Thứ nhất, rủi ro từ nội dung do AI tạo ra như deepfake, mạo danh hoặc phát tán hình ảnh riêng tư ngày càng phổ biến. BLDS 2015 bảo vệ quyền nhân thân, song việc xác định lỗi khi nội dung được tạo bởi hệ thống tự động còn nhiều khoảng trống; đồng thời, việc thu thập và đánh giá chứng cứ điện tử vẫn gặp khó khăn do thiếu hướng dẫn cụ thể.

Thứ hai, trách nhiệm khi hệ thống tự động gây thiệt hại chưa được pháp luật quy định rõ ràng. Mặc dù pháp luật đã ghi nhận hoạt động tự động, nhưng chưa có cơ chế phân bổ trách nhiệm phù hợp với đặc thù vận hành của AI và các thiết bị kết nối.

Thứ ba, việc xác định chủ thể chịu trách nhiệm trong không gian số còn nhiều vướng mắc, do thiệt hại thường liên quan đến nhiều bên và có yếu tố xuyên biên giới, trong khi BLDS 2015 chưa đưa ra tiêu chí phân định cụ thể đối với lỗi phát sinh từ thuật toán hoặc dữ liệu huấn luyện.

Thứ tư, định lượng thiệt hại tinh thần trong môi trường mạng tiếp tục là thách thức lớn, bởi các hành vi xâm phạm trực tuyến có mức độ lan tỏa và kéo dài, nhưng pháp luật hiện hành chưa có tiêu chí đánh giá thống nhất.

Thứ năm, mặc dù cơ chế bảo vệ dữ liệu cá nhân đã được xác lập, nhưng phương pháp xác định thiệt hại khi dữ liệu bị xâm phạm vẫn chưa rõ ràng, đặc biệt đối với các thiệt hại phi vật chất và tổn thất gián tiếp.

Nhìn chung, các thách thức trên cho thấy yêu cầu cấp thiết phải hoàn thiện khung pháp lý theo hướng làm rõ trách nhiệm đối với nội dung do AI tạo sinh, xây dựng tiêu chí phân bổ trách nhiệm giữa các chủ thể liên quan và thiết lập cơ chế lượng hóa thiệt hại phù hợp với bối cảnh số hóa.

2.4. Xu hướng hoàn thiện pháp luật về BTTH ngoài hợp đồng

Cùng với sự phát triển của công nghệ số và sự thay đổi mạnh mẽ trong đời sống kinh tế và xã hội, yêu cầu hoàn thiện pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng ngày càng trở nên cấp thiết. BLDS 2015 đã thiết lập nền tảng cơ bản cho chế định BTTHNHD, tuy nhiên thực tiễn xét xử thời gian qua cho thấy nhiều vấn đề mới phát sinh chưa được điều chỉnh đầy đủ, đặc biệt trong các lĩnh vực như chứng cứ điện tử, dữ liệu cá nhân, thiệt hại phi vật chất và các tình huống gắn với hoạt động của trí tuệ nhân tạo (AI). Việc hoàn thiện pháp luật cần đặt trong bối cảnh chuyển đổi số, đồng thời bảo đảm phù hợp với xu hướng quốc tế và sự thống nhất của hệ thống pháp luật dân sự và tố tụng dân sự.

2.4.1. Hoàn thiện khung pháp lý về chứng cứ điện tử

Sự phổ biến của giao dịch trực tuyến và hoạt động trên không gian mạng khiến chứng cứ điện tử trở thành yếu tố quan trọng trong việc giải quyết các tranh chấp BTTHNHD. Luật Giao dịch điện tử 2023 đã công nhận giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu, log hệ thống, siêu dữ liệu (metadata) và các dạng chứng cứ số khác. Tuy nhiên, BLTTDS 2015 vẫn chưa được sửa đổi tương ứng, tạo ra khoảng cách pháp lý trong quy trình thu thập, niêm phong, kiểm tra và đánh giá chứng cứ điện tử.

Trong thực tiễn, nhiều vụ án BTTHNHD liên quan đến hành vi xâm phạm danh dự, xúc phạm trên mạng xã hội, lừa đảo trực tuyến hoặc phát tán hình ảnh riêng tư gặp khó khăn trong việc xác minh nguồn gốc, tính toàn vẹn và tính xác thực của dữ liệu số. Tòa án thường phải dựa vào đánh giá cảm quan hoặc xác nhận từ phía doanh nghiệp cung cấp nền tảng, dẫn đến sự không thống nhất giữa các vụ việc.

Pháp luật Việt Nam vì vậy cần tiến tới xây dựng một khung pháp lý thống nhất về chứng cứ điện tử, bao gồm các nội dung:

1. Quy định phương thức thu thập và bảo toàn dữ liệu theo tiêu chuẩn kỹ thuật thống nhất;
2. Xác định rõ cơ chế công nhận giá trị pháp lý của chứng cứ điện tử;
3. Bổ sung quy định về nghĩa vụ hợp tác của các nền tảng số, nhà cung cấp dịch vụ viễn thông, dịch vụ mạng xã hội trong việc cung cấp dữ liệu phục vụ tố tụng;
4. Hoàn thiện quy định về giám định dữ liệu số, đặc biệt đối với hình ảnh, video, bản ghi âm và các nội dung có khả năng bị chỉnh sửa bằng công nghệ AI.

Việc hoàn thiện khung pháp lý về chứng cứ điện tử không chỉ giúp giảm gánh nặng chứng minh cho các bên đương sự mà còn tăng cường sự minh bạch và hiệu quả của hoạt động xét xử trong bối cảnh số hóa.

2.4.2. Bổ sung quy định về BTTH do AI gây ra

Sự phát triển mạnh mẽ của các hệ thống AI, đặc biệt là AI tạo sinh và các hệ thống tự động hóa, đang đặt ra những thách thức pháp lý mới đối với trách nhiệm BTTHNHĐ. Trong nhiều trường hợp, người dùng không trực tiếp thực hiện hành vi gây thiệt hại mà thiệt hại xuất phát từ quá trình vận hành, quyết định hoặc lỗi kỹ thuật của hệ thống AI. BLDS 2015 hiện chưa có quy định cụ thể điều chỉnh vấn đề này, khiến việc xác định chủ thể chịu trách nhiệm còn mơ hồ.

Pháp luật quốc tế, điển hình là EU AI Act (2024) và Đề xuất Chỉ thị về trách nhiệm AI của Liên minh châu Âu, cung cấp nhiều kinh nghiệm có thể tham khảo. Một số định hướng phù hợp với Việt Nam gồm:

1. Xác định nhóm hệ thống AI theo mức rủi ro và thiết lập nghĩa vụ tương ứng của nhà phát triển, nhà cung cấp và người sử dụng;
2. Xây dựng cơ chế trách nhiệm khách quan đối với các hệ thống AI có rủi ro cao hoặc hoạt động tự động gây thiệt hại;
3. Quy định rõ trách nhiệm liên đới giữa các chủ thể tham gia vòng đời của hệ thống AI, đặc biệt với dữ liệu huấn luyện và thuật toán ra quyết định;
4. Bổ sung quy định về minh bạch thuật toán, nghĩa vụ giải trình và nghĩa vụ bảo đảm an toàn của hệ thống.

Trong tương lai, Việt Nam có thể xem xét ban hành đạo luật riêng về AI hoặc tích hợp quy định trong các luật dân sự, công nghệ số nhằm tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho trách nhiệm BTTH khi AI gây thiệt hại.

2.4.3. Hoàn thiện pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và thiệt hại phi vật chất

Nghị định 13/2023/NĐ-CP đánh dấu bước phát triển quan trọng trong quản lý dữ liệu cá nhân, nhưng chủ yếu tập trung vào nguyên tắc xử lý và nghĩa vụ bảo vệ dữ liệu, chưa đưa ra cơ chế bồi thường thiệt hại dân sự khi xảy ra rò rỉ hoặc sử dụng sai mục đích dữ liệu. Trong khi đó, thiệt hại do xâm phạm dữ liệu cá nhân phần lớn mang tính phi vật chất: tổn thương tinh thần, mất uy tín, ảnh hưởng quan hệ xã hội, mất cơ hội nghề nghiệp hoặc tác động lâu dài đến đời sống riêng tư.

Thiệt hại trong các vụ việc liên quan đến dữ liệu cá nhân thường mang tính phi vật chất như tổn thất về danh dự, uy tín, ảnh hưởng đến đời sống tinh thần, mất cơ hội việc làm hoặc mối quan hệ xã hội. BLDS 2015 mới chỉ quy định khung bồi thường tinh thần, nên chưa đáp ứng được các tình huống phức tạp của môi trường số.

Việc hoàn thiện pháp luật có thể tập trung vào các hướng:

1. Xây dựng cơ chế xác định, phân loại và lượng hóa thiệt hại phi vật chất trong các vụ xâm phạm dữ liệu cá nhân;
2. Bổ sung nghĩa vụ bồi thường khách quan đối với tổ chức, cá nhân quản lý dữ liệu trong trường hợp hệ thống bảo mật không bảo đảm an toàn;
3. Quy định rõ ràng về loại hình chứng cứ được chấp nhận trong các tranh chấp liên quan đến dữ liệu số;
4. Nghiên cứu xây dựng Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân nhằm tạo khuôn khổ pháp lý thống nhất.

Xu hướng chung trên thế giới cho thấy các quốc gia đang chuyển sang mô hình bảo vệ dữ liệu định hướng quyền con người, coi dữ liệu cá nhân như một yếu tố gắn liền với quyền riêng tư. Việt Nam hoàn toàn có thể tham khảo xu hướng này để nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền nhân thân của công dân.

2.4.4. Tiếp cận quốc tế trong lượng hóa thiệt hại tinh thần

Thiệt hại tinh thần là loại thiệt hại khó lượng hóa. BLDS 2015 quy định giới hạn bồi thường nhưng không đặt ra tiêu chí đánh giá mức độ tổn thương, dẫn đến sự khác biệt trong thực tiễn giải quyết. Trong bối cảnh tổn thương tinh thần phát sinh nhiều hơn từ các hành

vi trực tuyến (bôi nhò, phát tán hình ảnh, tấn công danh dự, deepfake), việc tham khảo kinh nghiệm quốc tế trở nên cần thiết.

Nhiều quốc gia như Nhật Bản, Pháp, Đức, sử dụng hệ thống đánh giá mức độ tổn thương dựa trên nghiên cứu y khoa – tâm lý học và các tiêu chí rõ ràng như:

1. Mức độ sang chấn và thời gian ảnh hưởng;
2. Tác động tới khả năng lao động và sinh hoạt hằng ngày;
3. Tổn hại danh dự, uy tín trong môi trường truyền thông và mạng xã hội;
4. Cơ chế bồi thường theo diễn biến kéo dài của tổn thương.

Việc xây dựng tiêu chí đánh giá tương tự tại Việt Nam sẽ giúp tăng tính khách quan, thống nhất và dự đoán được của các bản án, đồng thời bảo đảm đầy đủ hơn quyền nhân thân của cá nhân.

2.4.5. Hoàn thiện cơ chế thi hành án dân sự trong môi trường số

Hiệu quả bảo vệ quyền lợi của người được bồi thường phụ thuộc lớn vào cơ chế thi hành án dân sự. Tuy nhiên, Luật THADS hiện hành chưa theo kịp sự xuất hiện của tài sản số, tài khoản trên nền tảng trực tuyến và các loại tài sản kỹ thuật số khác. Nhiều vụ việc BTTHNHĐ gặp khó khăn trong giai đoạn thi hành án do thiếu thông tin liên thông giữa cơ quan tư pháp, ngân hàng, nhà mạng và các nền tảng số.

Trong thời gian tới, cần hoàn thiện pháp luật theo các định hướng sau:

1. Phát triển cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ THADS, liên thông với dữ liệu dân cư, tài khoản ngân hàng và nền tảng số;
2. Bổ sung cơ chế kê biên, phong tỏa và xử lý tài sản số;
3. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công bố, theo dõi và giám sát quá trình thi hành án;
4. Nghiên cứu công nghệ minh bạch dữ liệu (như blockchain) để bảo đảm tính công khai và giảm nguy cơ tranh chấp.

Xu hướng quốc tế về số hóa tư pháp cho thấy việc hiện đại hóa hoạt động THADS sẽ góp phần nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật và củng cố niềm tin của người dân vào hệ thống tư pháp.

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI NGOÀI HỢP ĐỒNG

3.1. Định hướng và yêu cầu hoàn thiện pháp luật

Việc hoàn thiện pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong giai đoạn hiện nay là yêu cầu cấp thiết, xuất phát từ sự phát triển kinh tế – xã hội, sự gia tăng của các quan hệ dân sự phức tạp cũng như những vướng mắc còn tồn tại trong áp dụng BLDS 2015. Bên cạnh đó, sự phổ biến của môi trường số và sự xuất hiện của một số công nghệ mới cũng đặt ra những dạng xâm phạm quyền nhân thân đa dạng hơn, đòi hỏi pháp luật phải kịp thời điều chỉnh. Trên cơ sở những phân tích thực trạng ở Chương 2, có thể xác định ba định hướng lớn trong việc hoàn thiện pháp luật về BTTHNHĐ, gồm: bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống pháp luật dân sự; tiếp cận hài hòa với chuẩn mực quốc tế; và bảo đảm sự cân bằng quyền lợi giữa các chủ thể liên quan.

3.1.1. Bảo đảm tính đồng bộ và thống nhất của hệ thống pháp luật dân sự

Một trong những yêu cầu quan trọng khi sửa đổi, bổ sung các quy định về BTTHNHĐ là bảo đảm sự thống nhất giữa BLDS và các luật chuyên ngành có liên quan.

Thứ nhất, trong một số lĩnh vực đặc thù như y tế, giao thông, bảo vệ dữ liệu cá nhân và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, việc áp dụng đồng thời các quy định chung của Bộ luật Dân sự với các quy định chuyên ngành trong thực tiễn xét xử đôi khi dẫn đến cách hiểu và kết quả giải quyết chưa thống nhất giữa các Tòa án. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc ranh giới giữa quy định chung và quy định đặc thù chưa được làm rõ. Do đó, việc sửa đổi Bộ luật Dân sự cần tập trung xác định rõ mối quan hệ giữa pháp luật dân sự chung và pháp luật chuyên ngành, đồng thời thiết lập nguyên tắc ưu tiên áp dụng nhằm bảo đảm tính thống nhất trong áp dụng pháp luật.

Thứ hai, ngay trong BLDS 2015, các điều về thiệt hại vật chất và thiệt hại tinh thần (Điều 589–592) mới dừng lại ở việc liệt kê các loại thiệt hại mà chưa có tiêu chí đánh giá mức bồi thường. Vì vậy, việc bổ sung cơ chế ủy quyền cho Chính phủ ban hành bảng hướng dẫn định lượng thiệt hại tinh thần là cần thiết và hoàn toàn phù hợp với cơ chế lập pháp hiện hành. Đây cũng là yêu cầu cấp bách nhằm khắc phục tình trạng chênh lệch lớn về mức bồi thường giữa các địa phương trong giai đoạn 2020–2024.

Thứ ba, quá trình hoàn thiện pháp luật cần dựa trên nguồn dữ liệu chính thức và thống nhất nhằm phản ánh đúng thực tiễn áp dụng. Việc xây dựng và khai thác cơ sở dữ liệu phục vụ phân tích hoạt động xét xử có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá tác động của các

quy định pháp luật. Bên cạnh đó, việc ứng dụng công nghệ chỉ đóng vai trò hỗ trợ về mặt kỹ thuật, không thay thế yêu cầu hoàn thiện pháp luật, nhưng góp phần nâng cao tính khả thi và hiệu quả trong quá trình hoạch định chính sách pháp luật.

3.1.2. Tiếp cận hài hòa với các chuẩn mực quốc tế

Hoàn thiện pháp luật về BTTHNHD không chỉ nhằm giải quyết những vấn đề phát sinh trong nước mà còn phải phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế.

Thứ nhất, nhiều quốc gia phát triển như Nhật Bản, Đức, Pháp, Anh, Mỹ đã có hệ thống quy định chi tiết về trách nhiệm bồi thường thiệt hại, đặc biệt đối với thiệt hại tinh thần, thiệt hại sức khỏe và thiệt hại do xâm phạm quyền nhân thân. Việc tham khảo kinh nghiệm này giúp Việt Nam xây dựng các tiêu chí đánh giá thiệt hại rõ ràng hơn, giảm bớt sự tùy nghi của cơ quan xét xử.

Thứ hai, việc hoàn thiện pháp luật cũng cần phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, như Công ước ICCPR về bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về danh dự, uy tín; hay các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (CPTPP, EVFTA) đặt ra yêu cầu về minh bạch hóa và bảo đảm quyền dân sự. Điều này có ý nghĩa quan trọng đối với việc thu hút đầu tư và bảo đảm sự an toàn của môi trường pháp lý.

Thứ ba, xu hướng quốc tế gần đây thúc đẩy việc xây dựng các cơ chế định lượng thiệt hại phi vật chất và minh bạch hóa phương pháp tính toán mức bồi thường. Việt Nam cần tiếp cận có chọn lọc xu hướng này, từ đó xây dựng bộ tiêu chí hoặc bảng hướng dẫn thống nhất nhằm hỗ trợ Tòa án trong quá trình xét xử.

3.1.3. Bảo đảm cân bằng quyền lợi giữa người bị thiệt hại và người gây thiệt hại

Trong quan hệ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, yêu cầu cân bằng lợi ích giữa các chủ thể là nguyên tắc quan trọng của BLDS.

Thứ nhất, pháp luật cần bảo vệ đầy đủ quyền, lợi ích của người bị thiệt hại nhưng cũng phải bảo đảm rằng người gây thiệt hại không phải chịu trách nhiệm vượt quá phạm vi lỗi và mối quan hệ nhân quả của hành vi. Vì vậy, cần làm rõ hơn các tiêu chí đánh giá lỗi, mức độ thiệt hại và mối quan hệ nhân quả để tránh mâu thuẫn trong áp dụng pháp luật.

Thứ hai, những dạng hành vi gây thiệt hại mới (như xâm phạm quyền riêng tư, lộ dữ liệu cá nhân hoặc nội dung sai sự thật lan truyền nhanh trên môi trường số) khiến người bị thiệt hại thường gặp bất lợi về khả năng chứng minh. Do đó, có thể nghiên cứu cơ chế suy đoán lỗi hoặc quy định nghĩa vụ chứng minh đặc thù trong một số trường hợp cụ thể, bảo đảm sự công bằng giữa các bên.

Thứ ba, đối với người yếu thế hoặc người không có khả năng tiếp cận dịch vụ pháp lý, cần phát huy vai trò của Luật Trợ giúp pháp lý 2017 trong các tranh chấp dân sự liên quan đến quyền nhân thân. Cơ chế này giúp cân bằng vị thế tố tụng giữa các chủ thể và bảo đảm quyền tiếp cận công lý.

3.2.1. Về nội dung quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015

Bộ luật Dân sự năm 2015 là đạo luật nền tảng điều chỉnh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Tuy nhiên, qua thực tiễn xét xử và việc áp dụng các văn bản hướng dẫn liên quan đến bồi thường thiệt hại cho thấy nhiều quy định vẫn còn mang tính khái quát, thiếu tiêu chí cụ thể, dẫn đến cách hiểu và áp dụng chưa thống nhất giữa các cơ quan tiến hành tố tụng. Trước thực trạng đó, các kiến nghị được đề xuất dưới đây tập trung vào việc hoàn thiện trực tiếp các quy định của Bộ luật Dân sự, nhằm tăng cường tính rõ ràng, khả thi và bảo đảm sự phù hợp với yêu cầu của thực tiễn và xu hướng phát triển của pháp luật hiện nay.

3.2.1.1. Cần cụ thể hóa cách xác định thiệt hại tinh thần

Một yêu cầu quan trọng trong hoàn thiện BLDS 2015 là cụ thể hóa phương pháp xác định thiệt hại tinh thần. Hiện nay, các Điều 590, 591 và 592 chỉ quy định mức bồi thường tối đa mà không đưa ra tiêu chí đánh giá, dẫn đến việc Tòa án phải tự xác lập cách tính và gây ra sự thiếu thống nhất trong thực tiễn. Do đó, việc bổ sung tiêu chí định lượng hoặc bán định lượng vào các điều luật này là cần thiết nhằm tăng tính dự đoán và khả thi.

Theo hướng này, pháp luật nên bổ sung khoản quy định rõ thiệt hại tinh thần được đánh giá dựa trên các yếu tố như mức độ ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống tinh thần, thời gian kéo dài tổn thất, mức độ lan truyền của thông tin trong trường hợp hành vi xảy ra trên môi trường mạng, ảnh hưởng đối với công việc, thu nhập, sinh hoạt và mức độ tổn thương lâu dài. Các tiêu chí này phù hợp với tinh thần Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP và có thể được nội luật hóa để tạo khung đánh giá thống nhất.

Để hạn chế tính tùy nghi trong xét xử, Nhà nước có thể ban hành bảng tham chiếu mức độ thiệt hại tinh thần tương tự bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể trong giám định y khoa. Bảng tham chiếu sẽ giúp Tòa án có căn cứ lượng hóa thiệt hại, bảo đảm minh bạch và nhất quán.

Ngoài ra, thực tiễn cho thấy nhu cầu xây dựng cơ chế giám định tâm lý độc lập nhằm hỗ trợ việc xác định thiệt hại tinh thần một cách khách quan, trong khi hiện nay BLDS 2015 và BLTTDS 2015 chưa ghi nhận loại hình giám định này. Để bảo đảm tính khả thi,

việc bổ sung giám định về tác động tâm lý và xã hội nên được thực hiện trong Luật Giám định tư pháp, qua đó tạo cơ sở pháp lý cho việc xác lập chủ thể giám định, tiêu chuẩn chuyên môn và quy trình thực hiện thống nhất trong thực tiễn xét xử.

Cuối cùng, việc sử dụng mức lương cơ sở làm đơn vị tính bồi thường không còn phù hợp vì không phản ánh chính xác mức sống và thu nhập thực tế. Do vậy, có thể thay thế bằng mức lương tối thiểu vùng hoặc thu nhập bình quân năm để bảo đảm tính thực tế và hợp lý hơn trong xác định mức bồi thường.

3.2.1.2. Bổ sung hướng dẫn xác định yếu tố lỗi trong một số trường hợp đặc thù

Việc hoàn thiện BLDS cần làm rõ phương pháp xác định lỗi đây là yếu tố trung tâm của trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Các Điều 584–589 BLDS 2015 mới nêu nguyên tắc chung, chưa đưa ra tiêu chí áp dụng, dẫn đến sự thiếu thống nhất trong thực tiễn, đặc biệt với tranh chấp trên môi trường mạng hoặc liên quan đến hoạt động nghề nghiệp.

Trước hết, đối với lỗi hỗn hợp, Điều 587 BLDS chỉ quy định trách nhiệm liên đới mà không có hướng dẫn phân chia lỗi. Thực tiễn xét xử cho thấy Tòa án thường căn cứ mức độ tham gia, khả năng phòng ngừa và mức độ nguy hiểm của hành vi. Vì vậy, cần luật hóa các tiêu chí này thông qua sửa đổi Điều 587 hoặc ban hành nghị quyết hướng dẫn để bảo đảm áp dụng thống nhất.

Đối với thiệt hại trong không gian mạng, BLDS chưa có quy định riêng, khiến việc đánh giá lỗi trong hành vi đăng tải, chia sẻ thông tin xâm phạm gặp nhiều vướng mắc. Do đó, nên bổ sung hướng dẫn vào Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP theo hướng: xác định lỗi cố ý khi chủ thể nhận thức rõ tính sai lệch hoặc khả năng gây hại; xác định lỗi vô ý khi chủ thể không kiểm chứng thông tin trong điều kiện có thể thực hiện. Quy định này phù hợp bản chất của lỗi trong BLDS và thích ứng với đặc thù của môi trường số.

Đối với hoạt động nghề nghiệp mang tính chuyên môn, Bộ luật Dân sự hiện chưa quy định cụ thể phương pháp xác định lỗi trong khi trên thực tế nhiều lĩnh vực đã có các tiêu chuẩn kỹ thuật và quy trình nghề nghiệp rõ ràng. Do đó, cần bổ sung vào Điều 585 quy định yêu cầu Tòa án căn cứ vào các quy chuẩn và quy trình chuyên môn khi đánh giá lỗi của người hành nghề, qua đó nâng cao tính khách quan và thống nhất trong hoạt động xét xử.

3.2.1.3. Sửa đổi quy định về trách nhiệm trong các trường hợp không có lỗi

Các quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại không dựa trên yếu tố lỗi tại khoản 2 Điều 584 và Điều 601 BLDS 2015 còn mang tính khái quát, thiếu hướng dẫn cụ thể, dẫn đến sự không thống nhất trong áp dụng. Vì vậy, cần xác định rõ phạm vi và điều kiện phát sinh trách nhiệm không lỗi để bảo đảm tính minh bạch và phù hợp với thực tiễn.

Một trong những vướng mắc lớn hiện nay là việc phân định trách nhiệm giữa chủ sở hữu và người sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ, đặc biệt với xe cơ giới. Việc sửa đổi Điều 601 BLDS cần theo hướng: chủ sở hữu chịu trách nhiệm khi giao phương tiện cho người không đủ điều kiện hoặc không bảo dưỡng đúng quy định; người sử dụng chịu trách nhiệm chính khi chính hành vi của họ gây ra thiệt hại. Cách tiếp cận này phù hợp với xu hướng xét xử và mục tiêu bảo đảm an toàn trong quản lý phương tiện.

Cơ chế miễn trách nhiệm trong trường hợp thiệt hại xảy ra do sự kiện bất khả kháng (Điều 156 BLDS 2015) chưa được hướng dẫn cụ thể nên các Tòa án áp dụng không thống nhất. Do đó, cần có hướng dẫn của TANDTC theo hướng chỉ coi là bất khả kháng khi sự kiện hoàn toàn vượt quá khả năng dự liệu và không thể khắc phục; đồng thời loại trừ các trường hợp thiệt hại phát sinh từ lỗi bảo trì kỹ thuật hoặc lỗi phòng ngừa. Việc làm rõ các tiêu chí này phù hợp yêu cầu bảo đảm tính khách quan khi đánh giá trách nhiệm dân sự.

Bên cạnh đó, trước sự phát triển của các hoạt động có độ rủi ro cao như vận tải công cộng, cung cấp dữ liệu số hoặc vận hành hệ thống trí tuệ nhân tạo, có thể xem xét mở rộng phạm vi trách nhiệm không lỗi theo hướng tiếp cận của Liên minh châu Âu về trách nhiệm nghiêm ngặt. Cách tiếp cận này góp phần tăng cường bảo vệ người bị thiệt hại trong bối cảnh xuất hiện nhiều quan hệ dân sự mới.

Cuối cùng, nhằm hỗ trợ người bị thiệt hại trong trường hợp không xác định được chủ thể phải bồi thường, có thể nghiên cứu thành lập Quỹ hỗ trợ nạn nhân dựa trên mô hình Quỹ bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới hoặc Quỹ hỗ trợ nạn nhân tội phạm. Đây là giải pháp khả thi, phù hợp với kinh nghiệm trong nước và góp phần bảo đảm tốt hơn quyền lợi của người bị thiệt hại.

3.2.2. Về cơ chế áp dụng pháp luật

Việc hoàn thiện các quy định của Bộ luật Dân sự chỉ thực sự phát huy hiệu lực trong thực tiễn khi được bảo đảm bởi một cơ chế áp dụng thống nhất, minh bạch và có khả năng đáp ứng các yêu cầu đặt ra từ sự vận động của đời sống xã hội. Thực tiễn cho thấy, trong lĩnh vực bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, vẫn còn tồn tại những hạn chế đáng kể liên

quan đến án lệ, năng lực giải quyết tranh chấp của đội ngũ thẩm phán và kiểm sát viên, cũng như mức độ hiểu biết pháp luật của người dân. Những hạn chế này làm gia tăng sự thiếu thống nhất giữa các bản án, kéo dài thời gian giải quyết vụ việc và trong nhiều trường hợp ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Do đó, việc hoàn thiện cơ chế áp dụng pháp luật trong giai đoạn hiện nay là yêu cầu cấp thiết nhằm bảo đảm hiệu quả thực thi pháp luật dân sự, đồng thời góp phần củng cố niềm tin của xã hội đối với hệ thống tư pháp.

3.2.2.1. Ban hành án lệ và hướng dẫn áp dụng thống nhất

Một trong những giải pháp quan trọng nhằm hoàn thiện cơ chế áp dụng pháp luật là tăng cường xây dựng và công bố án lệ trong lĩnh vực bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Mặc dù án lệ đã được chính thức thừa nhận và từng bước đưa vào thực tiễn xét xử, song số lượng án lệ liên quan trực tiếp đến bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng hiện nay vẫn còn rất hạn chế. Các án lệ đã được công bố chủ yếu tập trung vào thiệt hại về tài sản hoặc các tình huống mang tính truyền thống, trong khi nhiều vấn đề phức tạp của thực tiễn như thiệt hại tinh thần, lỗi hỗn hợp, trách nhiệm trong trường hợp không xác định được lỗi hoặc thiệt hại phát sinh trong môi trường số vẫn chưa được quan tâm đúng mức. Điều này khiến các thẩm phán gặp không ít khó khăn khi giải quyết những vụ việc mới, đặc biệt trong việc xác định lập luận và tiêu chí đánh giá thiệt hại.

Chính vì vậy, việc ưu tiên phát triển các án lệ trong những nhóm vấn đề nêu trên là hết sức cần thiết. Chẳng hạn, thiệt hại tinh thần thường mang tính trừu tượng và khó lượng hóa, dẫn đến cách xác định mức bồi thường giữa các tòa án còn khác biệt đáng kể. Án lệ trong lĩnh vực này sẽ giúp hình thành chuẩn mực chung về đánh giá mức độ tổn thất và điều kiện được bồi thường. Tương tự, lỗi hỗn hợp tức trường hợp cả hai bên đều có phần lỗi dẫn đến thiệt hại, cũng là vấn đề thường xuyên gây tranh luận trong thực tiễn. Một án lệ nêu rõ tiêu chí phân chia lỗi có thể giúp giảm thiểu sự tùy nghi trong áp dụng pháp luật. Đối với các thiệt hại phát sinh trên môi trường mạng, như xâm phạm danh dự trên mạng xã hội, lộ lọt dữ liệu cá nhân hay mất mát tài sản số, việc ban hành án lệ càng trở nên cần thiết bởi khuôn khổ pháp luật hiện hành chưa theo kịp tốc độ phát triển của công nghệ.

Bên cạnh việc phát triển án lệ, TANDTC cần nghiên cứu ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trên cơ sở hệ thống pháp luật hiện hành. Một hướng dẫn mới cần tập trung làm rõ phương pháp phân chia lỗi, cách xác định thiệt hại về thu nhập cũng như tiêu chí xác định người đại diện hợp pháp được bồi thường. Một số nội dung có thể được phát triển dựa trên các hướng dẫn còn hiệu lực

hiện nay, như những quy định của Hội đồng Thẩm phán về thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm, đồng thời mở rộng để bao quát nhiều dạng thiệt hại đang phát sinh trong thực tiễn. Việc ban hành văn bản hướng dẫn thống nhất như vậy sẽ giúp các tòa án có cơ sở áp dụng pháp luật đồng bộ và hạn chế các trường hợp khiếu nại, kháng cáo xuất phát từ sự khác biệt trong nhận thức pháp lý giữa các cấp xét xử.

3.2.2.2. Nâng cao năng lực của đội ngũ thẩm phán và kiểm sát viên

Một cơ chế áp dụng pháp luật hiệu quả phải dựa trên năng lực chuyên môn vững chắc của đội ngũ thẩm phán và kiểm sát viên. Trong bối cảnh các dạng thiệt hại ngày càng đa dạng và phức tạp, các cơ quan tiến hành tố tụng phải đối diện với nhiều tình huống pháp lý mới, đặc biệt là những vụ việc liên quan đến dữ liệu số, chứng cứ điện tử, hoạt động tài chính hoặc các vấn đề về y khoa. Điều này đòi hỏi chương trình đào tạo chuyên sâu dành cho thẩm phán, kiểm sát viên phải được đổi mới theo hướng thực tiễn, gắn với các lĩnh vực chuyên ngành mà họ thường xuyên gặp trong công việc.

Ngoài đào tạo truyền thống, việc tăng cường phối hợp với các chuyên gia kỹ thuật, chuyên gia y khoa hoặc chuyên gia tài chính để hỗ trợ giám định thiệt hại là rất cần thiết. Trong nhiều vụ việc, thẩm phán không có đủ chuyên môn để đánh giá các số liệu kỹ thuật hoặc y tế phức tạp, dẫn đến khó khăn trong việc xác định thiệt hại thực tế. Sự hỗ trợ của các chuyên gia sẽ giúp quá trình giải quyết vụ án đạt độ chính xác cao hơn, đồng thời nâng cao chất lượng bản án.

Bên cạnh đó, quá trình xét xử cần được hỗ trợ bởi các giải pháp công nghệ. Việc số hóa hồ sơ, trích xuất và phân tích chứng cứ điện tử hoặc ứng dụng trí tuệ nhân tạo để phân loại hồ sơ, tra cứu án lệ là xu hướng tất yếu trong cải cách tư pháp. Đề án chuyển đổi số của TAND đã đặt mục tiêu rõ ràng cho việc triển khai các hệ thống hỗ trợ này, qua đó giúp thẩm phán tiết kiệm thời gian và nâng cao chất lượng trong đánh giá chứng cứ. Tuy nhiên, để công nghệ phát huy hiệu quả, thẩm phán cần được đào tạo bài bản về kỹ năng sử dụng công cụ số, cũng như kỹ năng kiểm tra độ tin cậy của dữ liệu điện tử.

Một yếu tố quan trọng khác là sự cần thiết của một bộ tiêu chí thống nhất trong đánh giá mức độ thiệt hại. Trong nhiều bản án, cách tính thiệt hại, đặc biệt là thiệt hại phi vật chất, còn phụ thuộc nhiều vào nhận định chủ quan của thẩm phán. TANDTC có thể nghiên cứu ban hành Bộ tiêu chí chung nhằm chuẩn hóa phương pháp đánh giá mức độ tổn thất, từ đó tạo nền tảng bảo đảm tính khách quan và minh bạch trong các quyết định bồi thường.

3.2.2.3. Tăng cường công tác tuyên truyền và phổ biến pháp luật dân sự

Một hệ thống pháp luật dù hoàn thiện đến đâu cũng khó đạt hiệu quả nếu người dân không hiểu hoặc không biết cách bảo vệ quyền lợi của mình. Hiện nay, phần lớn tranh chấp BTTH ngoài hợp đồng phát sinh từ việc các cá nhân không nhận thức đầy đủ về quyền, nghĩa vụ và cách thức áp dụng pháp luật. Do đó, việc tăng cường công tác tuyên truyền và phổ biến pháp luật là yêu cầu không thể thiếu trong cơ chế áp dụng pháp luật.

Trước hết, cần đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền theo hướng dễ tiếp cận, trực quan và phù hợp với thói quen sử dụng thông tin của người dân hiện đại. Các video mô phỏng tình huống pháp lý, cảm nang điện tử hoặc infographic trên mạng xã hội có thể giúp người dân hiểu nhanh các quy định pháp luật phức tạp. Việc kết hợp truyền thông đa phương tiện cũng góp phần lan tỏa các giá trị pháp lý theo cách thân thiện và hiệu quả hơn so với tài liệu truyền thống.

Bên cạnh đó, cần đưa nội dung về BTTH ngoài hợp đồng vào các chương trình trợ giúp pháp lý cộng đồng. Nhiều tranh chấp thường gặp như tai nạn giao thông, xâm phạm sức khỏe, xâm phạm danh dự hoặc thiệt hại tài sản có thể được giải quyết nhanh chóng nếu người dân được tư vấn kịp thời. Vì vậy, việc nghiên cứu bổ sung nội dung ưu tiên tư vấn về BTTH vào Luật Trợ giúp pháp lý sẽ góp phần làm giảm tranh chấp phát sinh, đồng thời nâng cao năng lực tự bảo vệ của người dân.

Cuối cùng, sự phối hợp giữa Tòa án, Viện kiểm sát, Ủy ban nhân dân và các cơ quan truyền thông đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp thông tin pháp lý chính xác và kịp thời. Việc tổ chức các cuộc đối thoại pháp luật hoặc hội nghị giải đáp vướng mắc giúp người dân hiểu rõ hơn về quy trình giải quyết tranh chấp, đồng thời tạo cầu nối giữa cơ quan tư pháp và cộng đồng.

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi và thi hành án

Hiệu quả của các quy định về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng chỉ được bảo đảm khi cơ chế thực thi và thi hành án vận hành thông suốt và phù hợp với thực tiễn. Hiện nay, nhiều bản án tuyên về bồi thường vẫn gặp khó khăn trong quá trình thi hành, đặc biệt đối với thiệt hại phi vật chất hoặc trường hợp người phải thi hành án không hợp tác. Do đó, việc hoàn thiện biện pháp thi hành nghĩa vụ, tăng cường hỗ trợ pháp lý cho người bị thiệt hại và xây dựng hệ thống thông tin phục vụ thi hành án trở thành yêu cầu cấp thiết. Các giải pháp này cần đặt trên nền tảng của BLDS, Luật Thi hành án dân sự và văn bản liên quan, đồng thời bảo đảm tính khả thi thông qua sự phối hợp giữa các cơ quan tư pháp và

hành chính. Chỉ khi cơ chế thi hành án được tăng cường, mục tiêu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị thiệt hại mới được bảo đảm đầy đủ.

3.3.1. Cải thiện cơ chế thi hành nghĩa vụ bồi thường thiệt hại

Một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến việc thi hành nghĩa vụ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng còn kém hiệu quả là cơ chế thi hành án dân sự chưa thực sự đồng bộ, minh bạch và đủ sức răn đe. Bộ luật Dân sự năm 2015, đặc biệt tại các điều 585–592 về nguyên tắc bồi thường, phương thức bồi thường và trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ, đã xác lập đầy đủ cơ sở pháp lý về nghĩa vụ bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên, để các quy định này thực sự đi vào đời sống, việc tổ chức thi hành lại phụ thuộc vào Luật Thi hành án dân sự. Luật Thi hành án dân sự 2008 hợp nhất năm 2025 đã tạo ra khuôn khổ pháp lý tương đối đầy đủ, nhưng thực tiễn vẫn còn hạn chế như xác minh điều kiện thi hành án chậm, khó kiểm soát tài sản và tình trạng tẩu tán tài sản. Vì vậy, cần tiếp tục cải thiện cơ chế thi hành nghĩa vụ bồi thường để bảo đảm bản án được tôn trọng và quyền của người bị thiệt hại được khôi phục kịp thời.

Trước hết, cần nâng cao hiệu quả công tác xác minh điều kiện thi hành án. Mặc dù Luật THADS 2008 đã mở rộng quyền yêu cầu cung cấp thông tin của chấp hành viên đối với ngân hàng, tổ chức tín dụng, cơ quan đăng ký tài sản và doanh nghiệp, nhưng thực tế việc phối hợp vẫn chưa thống nhất. Để bảo đảm nguyên tắc “bồi thường toàn bộ và kịp thời” theo Điều 585 BLDS 2015, cần hoàn thiện cơ chế buộc cung cấp thông tin trong thời hạn bắt buộc, đi kèm chế tài xử phạt đối với đơn vị có tình trì hoãn. Bên cạnh đó, việc kết nối dữ liệu với các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, đăng ký doanh nghiệp và thuế sẽ giúp rút ngắn thời gian xác minh, giảm nguy cơ bỏ sót tài sản.

Thứ hai, cần tăng cường hiệu quả biện pháp phong tỏa, kê biên và xử lý tài sản của người phải thi hành án. Đây là khâu quyết định để bảo đảm nghĩa vụ bồi thường theo BLDS 2015 được thực thi. Dù pháp luật hiện hành đã mở rộng phạm vi tài sản có thể kê biên, nhưng nhiều tài sản vẫn khó định giá hoặc thiếu thông tin. Vì vậy, cần hoàn thiện quy trình thẩm định giá, nâng cao trách nhiệm của tổ chức thẩm định và áp dụng chế tài mạnh với các trường hợp làm sai lệch kết quả. Đồng thời, cần bổ sung cơ chế áp dụng sớm biện pháp ngăn chặn tẩu tán tài sản ngay từ giai đoạn xét xử, nhất là với các vụ án có giá trị bồi thường lớn.

Thứ ba, cần bổ sung và hoàn thiện các biện pháp cưỡng chế thi hành án để hạn chế tình trạng chây ì. Bên cạnh các biện pháp cưỡng chế truyền thống, có thể nghiên cứu áp dụng hạn chế xuất cảnh, tạm dừng đăng ký kinh doanh hoặc hạn chế giao dịch tài sản đối

với người phải thi hành án nhưng cố tình không thực hiện nghĩa vụ dù có khả năng. Điều này phù hợp với tinh thần BLDS 2015 về nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm dân sự.

Cuối cùng, cần nâng cao trách nhiệm và tính chuyên nghiệp của cơ quan thi hành án dân sự. Luật THADS 2008 với bản hợp nhất đã có quy định rõ hơn về xử lý khiếu nại, tố cáo, song cần đẩy mạnh hơn việc công khai thông tin về tiến độ thi hành án, tạo cơ chế giám sát xã hội đối với hoạt động thi hành án. Việc đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ thông tin và tăng cường đạo đức nghề nghiệp cho chấp hành viên sẽ góp phần nâng cao hiệu quả thực thi trong thực tế.

Nhìn chung, việc cải thiện cơ chế thi hành nghĩa vụ bồi thường thiệt hại phải đặt trên nền tảng quy định của BLDS 2015 và Luật Thi hành án dân sự 2008. Khi hệ thống pháp lý được hoàn thiện đồng bộ và tổ chức thi hành được nâng cao chất lượng, quyền lợi của người bị thiệt hại sẽ được bảo đảm tốt hơn, góp phần củng cố niềm tin vào pháp luật và trật tự công lý.

3.3.2. Tăng cường hỗ trợ pháp lý cho người bị thiệt hại

Bảo đảm hỗ trợ pháp lý hiệu quả cho người bị thiệt hại là điều kiện quan trọng để quyền yêu cầu bồi thường được thực thi trên thực tế. Mặc dù Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 đã xác lập cơ chế pháp lý tương đối rõ ràng, nhưng khả năng tiếp cận dịch vụ pháp lý của người dân vẫn còn hạn chế, đặc biệt đối với nhóm yếu thế như người nghèo, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người sống ở vùng sâu vùng xa hoặc những người gặp khó khăn trong việc thu thập chứng cứ. Ngoài ra, sự gia tăng các tranh chấp phát sinh từ môi trường trực tuyến và việc sử dụng các công nghệ mới, bao gồm cả công nghệ trí tuệ nhân tạo, cũng đặt ra yêu cầu phải mở rộng phạm vi và nâng cao chất lượng hỗ trợ pháp lý.

Trước hết, cần củng cố và mở rộng phạm vi trợ giúp pháp lý theo Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017. Quy định hiện hành chủ yếu tập trung vào các nhóm yếu thế, tuy nhiên trong các tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, đặc biệt là các vụ việc phức tạp về chứng cứ, liên quan đến thiệt hại sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc thiệt hại có giá trị lớn thì nhiều người dân không đủ khả năng tự bảo vệ quyền lợi nhưng cũng không thuộc diện được trợ giúp theo luật định. Do đó, cần xem xét mở rộng đối tượng được hỗ trợ trong những trường hợp có tính chất phức tạp hoặc ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của công dân. Việc mở rộng này có thể được thực hiện thông qua sửa đổi Luật Trợ

giúp pháp lý hoặc ban hành các văn bản hướng dẫn dưới luật theo thẩm quyền của Bộ Tư pháp, bảo đảm phù hợp với nguồn lực và lộ trình thực hiện.

Bên cạnh đó, tính khả thi của cơ chế hỗ trợ pháp lý phụ thuộc lớn vào năng lực và sự phân bổ nguồn lực hợp lý. Nhà nước cần tăng cường ngân sách cho hệ thống trợ giúp pháp lý, đồng thời đẩy mạnh đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ trợ giúp viên pháp lý, luật sư cộng tác viên, đặc biệt trong các lĩnh vực liên quan đến chứng cứ kỹ thuật số và tranh chấp trong môi trường mạng. Việc này không chỉ bảo đảm nâng cao chất lượng hỗ trợ mà còn giúp cơ quan trợ giúp pháp lý đáp ứng xu hướng mới trong thực tiễn tranh chấp dân sự.

Cùng với việc củng cố cơ quan nhà nước, cần phát huy vai trò của các tổ chức xã hội nghề nghiệp như Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Hội Luật gia Việt Nam và các tổ chức phi lợi nhuận hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ quyền con người. Những tổ chức này có thể cung cấp các hình thức tư vấn pháp lý miễn phí hoặc chi phí thấp, đồng thời hỗ trợ người bị thiệt hại chuẩn bị hồ sơ, thu thập chứng cứ, đánh giá thiệt hại và thực hiện các thủ tục tố tụng. Cơ chế phối hợp giữa cơ quan trợ giúp pháp lý, chính quyền địa phương và các tổ chức nêu trên cần được thiết kế rõ về thẩm quyền, trách nhiệm và cách thức triển khai nhằm bảo đảm tính đồng bộ và khả thi.

Song song đó, việc nâng cao nhận thức pháp luật trong cộng đồng có ý nghĩa quan trọng đối với bảo vệ quyền lợi của người bị thiệt hại. Hoạt động tuyên truyền pháp luật cần được thực hiện bằng nhiều hình thức dễ tiếp cận, bao gồm tư vấn lưu động, mô hình phiên tòa giả định, tài liệu trực quan, video ngắn phổ biến trên nền tảng số, hoặc các chương trình truyền thông tại địa phương. Những nội dung trọng tâm cần hướng tới là cách nhận diện hành vi trái pháp luật, phương pháp thu thập và lưu giữ chứng cứ, thời hiệu khởi kiện và trình tự yêu cầu bồi thường thiệt hại. Trong bối cảnh công nghệ phát triển nhanh, việc hướng dẫn người dân nhận biết và bảo vệ dữ liệu cá nhân, hạn chế rủi ro trên không gian mạng cũng cần được lồng ghép một cách hợp lý.

Cuối cùng, để tăng tính khả thi, cần thiết lập mạng lưới hỗ trợ pháp lý tại cấp cơ sở. UBND cấp xã, phường có thể triển khai các điểm tư vấn pháp luật với sự hỗ trợ chuyên môn của Phòng Tư pháp và Đoàn Luật sư địa phương. Các điểm này sẽ giúp người dân tiếp cận thông tin ngay từ giai đoạn đầu, hạn chế tình trạng sai sót thủ tục hoặc thiếu chứng cứ dẫn đến việc không được bồi thường. Việc tổ chức mạng lưới này cần có hướng dẫn cụ thể về nguồn lực, kinh phí, thời gian triển khai và phương thức phối hợp giữa các cơ quan liên quan để bảo đảm hoạt động ổn định và hiệu quả.

Tóm lại, tăng cường hỗ trợ pháp lý cho người bị thiệt hại là giải pháp mang tính nền tảng, góp phần bảo đảm tính công bằng và khả năng tiếp cận công lý trong các tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Khi cơ chế hỗ trợ pháp lý được vận hành hiệu quả và có tính khả thi cao, quyền yêu cầu bồi thường của người dân sẽ được bảo vệ tốt hơn, đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động của Tòa án và cơ quan thi hành án dân sự trong quá trình giải quyết tranh chấp.

3.3.3. Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về các vụ án BTTHNHĐ để phục vụ nghiên cứu và thống kê

Một trong những giải pháp mang tính nền tảng, góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật và bảo đảm sự thống nhất trong xét xử, là việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về các vụ án bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Hiện nay, thông tin về các vụ án dân sự ở nước ta được lưu trữ phân tán tại các Tòa án địa phương, thiếu tính hệ thống và chưa được chia sẻ rộng rãi cho các cơ quan tiến hành tố tụng, các nhà nghiên cứu và người dân. Điều này khiến việc thống kê, đánh giá thực tiễn xét xử và dự báo xu hướng tranh chấp gặp nhiều khó khăn. Do đó, việc hình thành một cơ sở dữ liệu thống nhất, toàn diện và có khả năng tra cứu mở là yêu cầu cấp thiết, phù hợp với chủ trương chuyển đổi số quốc gia và cải cách tư pháp.

Mục tiêu của cơ sở dữ liệu này trước hết là phục vụ hoạt động nghiên cứu và thống kê trong lĩnh vực BTTHNHĐ. Thông qua dữ liệu tập trung, các nhà nghiên cứu và cơ quan hoạch định chính sách có thể nhận diện xu hướng phát sinh tranh chấp, mức độ phổ biến của từng loại thiệt hại, cách thức Tòa án đánh giá lỗi, thu nhập bị mất, thiệt hại tinh thần hoặc thiệt hại trong môi trường mạng. Bên cạnh đó, cơ sở dữ liệu còn là công cụ hỗ trợ đắc lực cho Tòa án trong hoạt động xét xử, góp phần làm rõ các vấn đề pháp lý phức tạp và tạo ra sự thống nhất giữa các cấp Tòa.

Về tính khả thi, việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia cần được triển khai theo lộ trình và có sự phân công rõ ràng giữa các cơ quan chủ trì. Bộ Tư pháp có thể là đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng cấu trúc dữ liệu, tiêu chuẩn hóa thông tin và kết nối với các cơ sở dữ liệu dùng chung của ngành tư pháp. Trong khi đó, Tòa án nhân dân tối cao giữ vai trò đầu mối trong việc cung cấp dữ liệu xét xử, hướng dẫn nghiệp vụ và bảo đảm tính chính xác, đầy đủ của thông tin. Hai cơ quan này, với chức năng và nguồn lực sẵn có, có khả năng phối hợp chặt chẽ để bảo đảm tiến độ cũng như chất lượng của hệ thống dữ liệu.

Lộ trình triển khai có thể được chia thành các giai đoạn phù hợp với điều kiện thực tế. Giai đoạn 2026–2027 tập trung vào thiết kế hệ thống, chuẩn hóa biểu mẫu thu thập, đào

tạo cán bộ và thử nghiệm cơ sở dữ liệu tại một số tỉnh, thành phố có số lượng án lớn. Giai đoạn 2028–2030 có thể mở rộng trên phạm vi toàn quốc, hoàn thiện cơ chế cập nhật dữ liệu tự động từ Tòa án các cấp và tích hợp các tiện ích hỗ trợ phân tích, thống kê phục vụ công tác nghiên cứu và xét xử. Việc phân kỳ theo từng giai đoạn không chỉ giúp giảm áp lực về nguồn lực mà còn tạo điều kiện điều chỉnh phù hợp sau mỗi giai đoạn thử nghiệm.

Nguồn lực để vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia cũng cần được cân nhắc kỹ lưỡng. Bên cạnh nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, Việt Nam có thể tranh thủ sự hỗ trợ kỹ thuật của các tổ chức quốc tế hoạt động trong lĩnh vực cải cách tư pháp và chuyển đổi số. Những nguồn lực này có thể hỗ trợ trong việc thiết kế hệ thống, đào tạo nhân lực và tư vấn kỹ thuật, giúp rút ngắn thời gian xây dựng và bảo đảm chất lượng của cơ sở dữ liệu. Tuy nhiên, để mô hình có tính bền vững, ngân sách trong nước phải được bố trí ổn định, đặc biệt cho hoạt động bảo trì, cập nhật dữ liệu và quản lý vận hành.

Về phạm vi dữ liệu, việc triển khai có thể bắt đầu từ những nhóm vụ án phổ biến và có giá trị thực tiễn cao như thiệt hại về sức khỏe, tính mạng, thiệt hại do tài sản bị xâm phạm hoặc các tranh chấp phát sinh trong môi trường mạng. Sau giai đoạn đầu, phạm vi có thể mở rộng dần theo từng lĩnh vực, từng loại thiệt hại hoặc theo yêu cầu của thực tiễn xét xử. Cách tiếp cận theo mức độ ưu tiên như vậy giúp giảm thiểu chi phí ban đầu, đồng thời tạo điều kiện để hệ thống đi vào vận hành sớm và kịp thời hỗ trợ công tác xét xử.

Nhìn chung, việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về các vụ án BTTHNHĐ là giải pháp mang tính chiến lược, vừa đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, vừa nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật dân sự. Khi hoàn thiện, hệ thống này sẽ góp phần bảo đảm tính minh bạch, thống nhất và hiệu quả trong hoạt động xét xử, đồng thời tạo nền tảng quan trọng cho việc hoàn thiện pháp luật trong tương lai.

PHẦN KẾT LUẬN

Khóa luận tốt nghiệp với đề tài “*Pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong Bộ luật Dân sự năm 2015: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*” đã triển khai nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện và xuyên suốt, dựa trên cơ sở khoa học của pháp luật dân sự kết hợp với thực tiễn xét xử tại Tòa án nhân dân các cấp. Các mục tiêu, phạm vi và câu hỏi nghiên cứu được xác lập trong phần mở đầu đều được giải quyết đầy đủ và nhất quán xuyên suốt khóa luận, qua đó tạo nên bức tranh hoàn chỉnh về chế định bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong pháp luật Việt Nam hiện hành.

Về phương diện lý luận, khóa luận đã trình bày một cách rõ ràng nền tảng pháp lý của BTTHNHD, xuất phát từ quy định chung của Bộ luật Dân sự năm 2015, các nghị quyết hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, cùng với việc tiếp cận và giải thích các nội dung này dưới góc nhìn khoa học pháp lý. Khóa luận đã làm sáng tỏ bản chất của chế định, bao gồm khái niệm, đặc điểm, cấu thành trách nhiệm, nguyên tắc bồi thường và sự phân biệt giữa BTTH ngoài hợp đồng và BTTH trong hợp đồng. Những phân tích này cho thấy pháp luật Việt Nam đã tiếp thu có chọn lọc tinh hoa của pháp luật dân sự truyền thống, đồng thời tiếp cận những điểm tiên bộ của pháp luật hiện đại, tạo ra khung pháp lý bảo vệ quyền dân sự phù hợp với bối cảnh hội nhập và phát triển.

Về thực tiễn áp dụng pháp luật, khóa luận đã dựa trên những dữ liệu thu thập từ các bản án dân sự, các xu hướng tranh chấp đương đại và những khó khăn mà Tòa án thường gặp phải. Thực tiễn cho thấy các vụ việc về BTTHNHD không ngừng gia tăng với mức độ phức tạp ngày càng cao, đặc biệt là trong các lĩnh vực liên quan đến tài sản, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và uy tín. Thêm vào đó, các dạng tranh chấp mới như nội dung số, xâm phạm dữ liệu cá nhân, hành vi do công nghệ tự động tạo ra hay vấn đề thu thập và xác thực chứng cứ điện tử đã đặt ra thách thức lớn cho cơ quan xét xử. Qua phân tích các vụ án điển hình, khóa luận đã chỉ ra những hạn chế lặp lại trong thực tế, bao gồm sự thiếu thống nhất trong việc xác định mức độ lỗi, khó khăn trong việc lượng hóa thiệt hại tinh thần, những bất cập trong thu thập chứng cứ điện tử và những rào cản trong công tác thi hành án dân sự. Những vấn đề này phản ánh sự biến đổi của đời sống xã hội và cho thấy pháp luật dù tương đối đầy đủ vẫn cần được tiếp tục hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Trên cơ sở phân tích lý luận và thực tiễn, khóa luận đã đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng và hoàn thiện pháp luật về BTTHNHD. Các giải pháp được đưa ra theo hướng bảo đảm tính khả thi và phù hợp với định hướng cải cách tư pháp hiện nay. Các nội dung trọng tâm bao gồm nhu cầu hoàn thiện quy định về chứng cứ điện tử, sự cần

thiết ban hành văn bản hướng dẫn thống nhất nhằm giải thích rõ hơn các yếu tố cấu thành trách nhiệm, việc đa dạng hóa và nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ tư pháp, cũng như việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về các vụ án BTTHNHD nhằm hỗ trợ hoạt động xét xử, thống kê và nghiên cứu. Những kiến nghị này không chỉ xuất phát từ phân tích thực tế mà còn phù hợp với mục tiêu bảo vệ tối đa quyền dân sự, nâng cao tính minh bạch và hiệu quả của hệ thống pháp luật.

Tổng thể nghiên cứu cho thấy pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo Bộ luật Dân sự năm 2015 đã có nhiều điểm tiến bộ, hình thành nền tảng tương đối đầy đủ và hiện đại để giải quyết các tranh chấp dân sự phát sinh. Tuy nhiên, trước sự phát triển nhanh của công nghệ, sự mở rộng không ngừng của các quan hệ xã hội và sự phức tạp của các hành vi gây thiệt hại, hệ thống pháp luật hiện hành cần tiếp tục được nghiên cứu, cập nhật và hướng dẫn thống nhất để bảo đảm tính ổn định và khả năng áp dụng cao trong thực tế. Kết quả nghiên cứu của khóa luận vì vậy đã góp phần cung cấp cách nhìn toàn diện và có cơ sở khoa học về chế định BTTHNHD, đồng thời đóng góp vào việc nhận diện các hạn chế còn tồn tại và đề xuất những hướng khắc phục có giá trị tham khảo.

Mặc dù đã nỗ lực tiếp cận tài liệu, tổng hợp dữ liệu và phân tích các vấn đề pháp lý một cách khách quan và khoa học, khóa luận vẫn còn những giới hạn nhất định do phạm vi tư liệu, khả năng tiếp cận thông tin và kinh nghiệm nghiên cứu của sinh viên. Tuy vậy, những nội dung đã trình bày cho thấy khóa luận đã hoàn thành mục tiêu đặt ra, bảo đảm sự liên mạch giữa phần mở đầu, các chương nội dung và phần kết luận, đồng thời khẳng định tính cần thiết của việc tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật về BTTHNHD trong bối cảnh yêu cầu bảo vệ quyền dân sự ngày càng cao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bản án số 144/2024/DS-PT về tranh chấp bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm. (2024, 24 tháng 5). Tòa án Nhân dân tỉnh Đồng Nai.
2. Bản án số 63/2023/DS-ST về bồi thường thiệt hại và tranh chấp hợp đồng tín dụng. (2023, 30 tháng 9). Tòa án Nhân dân Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.
3. Bản án số 90/2022/DS-PT về bồi thường thiệt hại danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm. (2022, 29 tháng 4). Tòa án Nhân dân tỉnh Long An.
4. Chính phủ. (2019). *Nghị định số 38/2019/NĐ-CP quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang*, ban hành ngày 09/05/2019, Hà Nội.
5. Chính phủ. (2023). *Nghị định số 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân*, ban hành ngày 17/04/2023, Hà Nội.
6. Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao. (2022). *Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP về hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*, ban hành ngày 06/9/2022, Hà Nội.
7. Nghị viện Châu Âu và Hội đồng Liên minh Châu Âu. (2024). *Đạo luật Trí tuệ nhân tạo của EU (EU AI Act), Quy định (EU) 2024/1689*. OJ L 1689.
8. Phùng Trung Tập. (2017). *Luật Dân sự Việt Nam (Bình giải và áp dụng) – Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*. Nhà xuất bản Công an Nhân dân.
9. Quốc hội. (2015). *Bộ luật Dân sự năm 2015, số 91/2015/QH13*, ban hành ngày 24/11/2015, Hà Nội.
10. Quốc hội. (2015). *Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015, số 95/2015/QH13*, ban hành ngày 25/11/2015, Hà Nội.
11. Quốc hội. (2015). *Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015, số 92/2015/QH13*, ban hành ngày 25/11/2015, Hà Nội.
12. Quốc hội. (2017). *Luật Các tổ chức tín dụng 2010, số 07/VBHN-VPQH*, ban hành ngày 12/12/2017, Hà Nội.
13. Quốc hội. (2017). *Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước 2017, số 10/2017/QH14*, ban hành ngày 20/6/2017, Hà Nội.
14. Quốc hội. (2018). *Luật An ninh mạng năm 2018, số 24/2018/QH14*, ban hành ngày 12/6/2018, Hà Nội.
15. Quốc hội. (2023). *Luật giao dịch điện tử 2023, số 20/2023/QH15*, ban hành ngày 22/6/2023, Hà Nội.

16. Quốc hội. (2025). *Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025, số 91/2025/QH15*, ban hành ngày 26/6/2025, Hà Nội.
17. Tòa án Nhân dân Tối cao. (n.d.). *Công bố bản án và quyết định của Tòa án Nhân dân: Cơ sở dữ liệu bản án, dữ liệu mô phỏng*. Truy cập từ <https://congbobanan.toaan.gov.vn>.
18. Trường Đại học Luật Hà Nội. (2022). *Giáo trình Luật dân sự Việt Nam – Tập 2: Nghĩa vụ và hợp đồng*. Nhà xuất bản Công an nhân dân.
19. Trường Đại học Luật Hà Nội. (2022). *Giáo trình Luật so sánh*. Nhà xuất bản Tư pháp.
20. Ủy ban Châu Âu. (2022). *Đề xuất Chỉ thị của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng về việc điều chỉnh các quy tắc trách nhiệm dân sự không theo hợp đồng đối với trí tuệ nhân tạo* (COM(2022)496 final; CELEX: 52022PC0496) [PDF]. Publications Office of the European Union. Truy cập từ <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX:52022PC0496>.
21. Ủy ban Thường vụ Quốc hội. (2016). *Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*, ban hành ngày 30/12/2016, Hà Nội.
22. Văn phòng Quốc hội. (2020). *Luật giám định tư pháp 2012, số 01/VBHN-VPQH*, ban hành ngày 15/7/2020, Hà Nội.
23. Văn phòng Quốc hội. (2025). *Luật bảo vệ môi trường 2020, số 15/VBHN-VPQH*, ban hành ngày 24/02/2025, Hà Nội.
24. Văn phòng Quốc hội. (2025). *Luật thi hành án Dân sự 2008, số 10/VBHN-VPQH*, ban hành ngày 24/02/2025, Hà Nội.
25. Văn phòng Quốc hội. (2025). *Luật thương mại 2005, số 113/VBHN-VPQH*, ban hành ngày 27/08/2025, Hà Nội.
26. Văn phòng Quốc hội. (2025). *Luật trợ giúp pháp lý 2017, số 05/VBHN-VPQH*, ban hành ngày 21/02/2025, Hà Nội.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Bản án số 63/2023/DS-ST (Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản)

Stt	Nội dung	Tóm tắt
1	Cơ quan giải quyết	TAND Quận Hoàng Mai, Hà Nội
2	Số hiệu – ngày xét xử	63/2023/DS-ST ngày 30/9/2023
3	Các bên đương sự	Nguyên đơn: Ông Đào Xuân T; Bị đơn: Ngân hàng TMCP VN TV.
4	Tóm tắt sự kiện	Ông T và bà P vay ngân hàng 1,85 tỷ đồng; vi phạm nghĩa vụ từ 2016; Ngân hàng thu giữ tài sản bảo đảm năm 2018 theo Nghị quyết 42/2017/QH14 và đến 01/2019 tài sản được bán đấu giá. Ông T cho rằng việc thu giữ kéo dài làm ông mất khoản thu từ việc cho thuê nhà.
5	Yêu cầu	Ông T yêu cầu bồi thường 270.000.000 đồng thiệt hại liên quan tài sản bị thu giữ.
6	Lập luận của bị đơn	- Việc thu giữ và xử lý tài sản đúng pháp luật. - Thiệt hại nguyên đơn nêu không có chứng cứ chứng minh. - Tài sản đã bán đấu giá thành nên nghĩa vụ thế chấp chấm dứt.
7	Những vấn đề pháp lý Tòa án xem xét	- Tính hợp pháp của việc thu giữ và bán đấu giá tài sản bảo đảm. - Thời điểm chấm dứt nghĩa vụ thế chấp. - Căn cứ bồi thường theo Điều 589 BLDS 2015. - Nghĩa vụ chứng minh thiệt hại của nguyên đơn.
8	Phán quyết chính	- Bác yêu cầu bồi thường của ông T. - Xác định nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi đến 23/01/2019. - Ngân hàng phải hoàn lại 119.167.417 đồng (do ông T đã nộp vượt).
9	Cơ sở pháp lý	- BLDS 2015: Điều 317- 323 và khoản 2 điều 357; Điều 463, Điều 466, Điều 468. - BLTTDS 2015: Căn cứ khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; Điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm b, khoản 2, Điều 199, Điều 243; Điều 245, 271, 273.

		- Luật các tổ chức tín dụng: Điều 91, Điều 95. - Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.
10	Ý nghĩa thực tiễn	- Làm rõ thời điểm chấm dứt nghĩa vụ thế chấp. - Khẳng định yêu cầu bồi thường phải có chứng cứ rõ ràng. - Tạo chuẩn mực xử lý thiệt hại liên quan quản lý tài sản bảo đảm.

Phụ lục 2: Bản án số 144/2024/DS-PT (Tranh chấp bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm)

Stt	Nội dung	Tóm tắt
1	Cơ quan giải quyết	TAND tỉnh Đồng Nai (phúc thẩm)
2	Số hiệu – ngày xét xử	144/2024/DS-PT ngày 24/5/2024
3	Các bên đương sự	Nguyên đơn: Ông Võ Ngọc Đ; Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H1(chủ xe); Người điều khiển xe: Ông Hồ Hoàng T2
4	Tóm tắt sự kiện	Tai nạn giao thông ngày 16/5/2022. Xe 60C-060.70 do ông T2 điều khiển va chạm với ông Đ, gây thương tật 29%. Xe thuộc sở hữu bà H1.
5	Yêu cầu bồi thường	Ông Đ yêu cầu bồi thường 248.659.192 đồng (chi phí điều trị, phục hồi, chăm sóc, thu nhập bị mất, chi phí đi lại và tổn thất tinh thần).
6	Lập luận của bị đơn	Thừa nhận trách nhiệm nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại mức bồi thường cho phù hợp với quy định của pháp luật.
7	Phán quyết chính	- Xác định xe ô tô là nguồn nguy hiểm cao độ → chủ xe chịu trách nhiệm. - Ông T2 có lỗi → liên đới bồi thường. - Tổng bồi thường được chấp nhận: 139.108.592 đồng (sau khi bù trừ còn phải trả 129.108.592 đồng).
8	Cơ sở pháp lý	- BLTTDS 2015: Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 264; Điều 266; Điều 271; Điều 273. - BLDS 2015: Điều 584; 585; 586; 590; 601. - Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP. - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14
9	Ý nghĩa thực tiễn	- Khẳng định trách nhiệm của chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ. - Áp dụng chi tiết hướng dẫn về xác định thiệt hại sức khỏe. - Nhấn mạnh vai trò của chứng từ điều trị để làm căn cứ bồi thường.

Phụ lục 3: Bản án số 90/2022/DS-PT (Tranh chấp bồi thường thiệt hại về danh dự, nhân phẩm, uy tín)

Stt	Nội dung	Tóm tắt
1	Cơ quan giải quyết	TAND tỉnh Long An (phúc thẩm)
2	Số hiệu – ngày xét xử	90/2022/DS-PT ngày 29/4/2022
3	Các bên đương sự	Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị D, chị Phạm Huỳnh Đ; Bị đơn: Chị Ngô Diễm H1
4	Tóm tắt sự kiện	Ngày 15/4/2020, chị H1 dùng tài khoản Facebook “Thi Thu” đăng hình ảnh chị Đ và lời lẽ thô tục xúc phạm mẹ con bà D. Bị Công an huyện H xử phạt 7.500.000 đồng theo Quyết định 25/QĐ-XPHC (29/01/2021).
5	Yêu cầu bồi thường	- Bà D: 5.000.000 đồng chi phí đi lại + 14.900.000 đồng tổn thất tinh thần. - Chị Đ: 14.900.000 đồng tổn thất tinh thần.
6	Lập luận của bị đơn	Thừa nhận hành vi, xin giảm bồi thường do hoàn cảnh khó khăn; cho rằng bài đăng không chỉ đích danh cá nhân.
7	Phán quyết chính	- Xác định hành vi xúc phạm là trái pháp luật và gây tổn thất tinh thần. - Xét mức độ lan truyền hạn chế, thái độ nhận lỗi → giảm mức bồi thường. - Bồi thường: 12.450.000 đồng cho bà D; 7.450.000 đồng cho chị Đ.
8	Cơ sở pháp lý	- BLTTDS 2015: Điều 26, 35, 39, 147, 148. - BLDS 2015: Điều 584, 586, 592. - Nghị định số 38/2019/NĐ-CP: Điều 3. - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.
9	Ý nghĩa thực tiễn	- Là án điển hình về BTTH trên mạng xã hội. - Khẳng định trách nhiệm của chủ tài khoản. - Đưa ra tiêu chí đánh giá mức độ lan truyền và thiệt hại tinh thần.